

GIỮ THƠM QUÊ MẸ



TẬP SAN VĂN NGHỆ
LÁ BỒI XUẤT BẢN

3

NGUYỄN DU • VÕ HỒNG • TAM ÍCH • HỒ HỮU TƯỜNG
• TRỤ VŨ • NGUYỄN ÂN • CHÍN • SƠN NAM •
NHẤT HẠNH • PHẠM ĐUY • ĐỊNH GIANG • THÀNH
TÔN • THI VŨ • NGUYỄN PHƯỚC • HOÀI KHANH

GIỮ THƠM QUÊ MẸ

Tạp chí văn nghệ * Lá Bối xuất bản

Coi sóc : HOÀI KHANH

- | | |
|-------|--|
| 2-3 | Nguyễn-Du — Mười lăm năm ấy |
| 4 | Thành-Tôn — Thư cho mẹ |
| 5-6 | Định-Giang — Những tuổi đời đi qua |
| 7 | Thi-Vũ — Đường nét — Tất cả |
| 8-9 | Nhất-Hạnh — Quán trường |
| 10-11 | Hoài-Khanh — Cây pháo bông của trẻ — Nhụy |
| 12-19 | Trụ-Vũ — Chiếc chuông đồng làng An Thượng |
| 20-25 | Hồ-Hữu-Tường — Cao vọng thanh niên |
| 26-33 | Chín — Ấp Thảo điền |
| 34-43 | Võ-Hồng — Cuối đường |
| 44-50 | Tam-Ích — Văn chương Kịch tiền phong và chúng ta |
| 51-58 | Sơn-Nam — Ngó lên Sở Thượng |
| 59-62 | Phạm-Duy — Ngồi gần bên nhau |
| 63-73 | Nguyễn-Ân — Asoka, một chính trị gia vĩ đại... |
| 74-78 | Tam-Ích — Thơ văn ngày lại ngày |
| 79-83 | Nguyễn-Phước — Hoa vòng đỏ |
| 84-98 | Nhất-Hạnh — Nẻo về của Ý (truyện dài) |



Số 3 tháng chín năm 1965

mười lăm năm ấy

mình buộc lấy mình

« Người sao hiểu nghĩa đủ đường ?
Kiếp sao rặt những đoạn trường thế thôi ? »
Sư rằng : « Phúc họa đạo Trời
Cỗi nguồn cũng ở lòng người mà ra.
Có trời mà cũng tại ta
Tu là cỗi phúc tình là dây oan.
Thúy kiều sắc sảo khôn ngoan,
Vô duyên là phận hồng nhan đã đành ;
Lại mang lấy một chữ tình,
Khư khư mình buộc lấy mình vào trong

kề lưng hùm sói

« Vậy nên những chốn thông dong
Ở không yên ổn, ngồi không vững vàng.
Ma đưa lối quỷ đưa đường
Lại tìm những chốn đoạn trường mà đi
Hết nạn ấy đến nạn kia,
Thanh lâu hai lượt thanh y hai lần.
Trong vòng giáo dục gươm trần
Kề lưng hùm sói, gởi thân tôi đòi



oan kia theo mãi

Giữa dòng nước đầy, sóng dồi.
Trước hàm rồng cá gieo mồi vắng tanh
Oan kia theo mãi với tình
Một mình mình biết một mình mình hay.
Làm cho sống đọa thác đầy
Đoạn trường cho hết kiếp này mới thôi !
Giác duyên nghe nói rụng rời
Một đời nằng nhé ! thương ôi còn gì ?

thả một bè lau

Sư rằng : « Song chẳng hề chi
Nghiep duyên cân lại, nhắc đi còn nhiều !
Xét trong tội nghiệp Thúy kiều :
Mắc điều tình ái khỏi điều tà dâm.
Lấy tình thâm trả tình thâm
Bán mình đã động hiếu tâm đến trời !
Hại một người cứu muôn người
Biết đường khinh trọng biết lời phải chẳng.
Thừa công đức ấy ai bằng ?
Túc khiên đã rũ lông lông sạch rồi !
Khi nên trời cũng chiều người
Nhẹ nhàng nợ trước đền bồi duyên sau
Giác duyên dù nhớ nghĩa nhau
Tiền đường thả một bè lau rước người.
Trước sau cho vẹn một lời
Duyên ta mà cũng phúc Trời chi không ! »

(truyện Thúy Kiều)

NGUYỄN DU

thư cho mẹ

trên xứ sở xanh xao từng tiếng súng
trong hồn người dẫu đạn đã chia phe
con ôm ngực từng đêm đau tiếng động
và từng đêm đường máu muốn lui về

thân sỏi đá len dần trong vô vọng
con quay đầu bờ ngõ ngắm dung nhan
cha nhất cuộc tình thương nuôi ý sống
xanh dần lên hương nội phần hoa ngàn

mẹ hiu hắt đèn chong đêm ngóng đợi
nhà phen thừa gió thấm lạnh câu hò
núi sông cũng ngậm ngùi theo tay với
của thằng em đôi lá tiếng ru hời

tôi bất lực như quê hương nhỏ bé
nhìn người thân dần khuất bóng tre buồn
nghe nỗi nhớ lớn dần lên dáng mẹ
hình ảnh cha trong xứ sở xa nguồn

còn ở đó thân gầy tay yếu đuối
làn da nhen mái tóc bạc bơ phờ
thư cho mẹ cùng xóm thôn cát bụi
nghe hồn buồn hơi lạnh bốc như thơ

cha nằm xuống giữa quê hương mòn mỏi
mảnh đất sâu có tiếp thịt xương không ?
mẹ ở lại đón đau mềm sợi khói
thắp cho lòng ? con cháu ? cho non sông ?

THÀNH-TÔN

những tuổi đời đi qua

10 năm

Khi nghe được tiếng ru hời
Quê hương bóng mát ngợp lời mẹ ru
Ca dao trải rộng xưa từ
Thuở hồng hoang trước những mù mịt xa
Bây giờ tiếng mẹ ngân nga
Lời ru mật ngọt chan hòa tình thương
Con yêu giấc ngủ hoang đường
Mẹ ôm mộng mị nỗi buồn đông phương.

20 năm

Lớn lên trong tiếng ru hời
Vai mang nặng những tuổi đời đi qua
Dấu chân vụng dại chưa nhòa
Đã dồn dập những gọi là loạn ly
Vết thương tuổi nhỏ hằn ghi



30 năm

Thôi em trận giặc quá dài
Đêm bom đạn xé sáng hoài trái châu
Nước mình chiến cuộc quá lâu
Thép gai mọc kín mái đầu trẻ thơ
Anh theo chiến cuộc tự giờ



Vẫn ly loạn đó triền miên nửa đời
Vẫn còn tiếng hát thương ời
Bạn bè yên ngủ chân trời lãng quên.

và bây giờ

Xin cho giấc ngủ đời đời
Để trong mơ sống lại thời mẹ ru
Những thanh bình cũ có từ
Lý Trần Lê đã phiêu du trở về.

ĐỊNH GIANG

đường nét

Một trái trăng nằm giữ ý bao la.
Đôi mắt liễu lộ nguyên hình vũ trụ. Góc
xếp góc rẽ sang chiều vóc ngọc. Trời
bình yên nắng nhẹ ửng thoa môi.
Nhớ không biết bóng chim nào trải cánh
trên giường mây để gió chở lên cao. Không
khoát động sợ nghìn sao thức mộng.
Ngày quá dài tay mãi múa làm vui.
Tâm sẽ đến ôm đem vào giấc nghỉ
Những góc cạnh cần đâm hình góc cạnh.
Những đường cung chứa đủ những
mình Châu.

tất cả

Hạt mầm gói kỹ thân cây. Lòng đất sây
hương vì hoa chùm cất dấu.
Trông thấy Chân Như trong lòng là trông thấy
Muôn Vạn,
Tất cả.

THI VŨ

quán tưởng

trăng tròn đêm nay, xin gọi hết muôn sao về cầu nguyện
và định lực khiến trời rung đất chuyển
tập trung về nơi điểm sáng của tự tâm
có muôn loài làm chứng đây. đau thương đã ngập tràn rồi. mười
phương nghe tiếng chuông khuya hãy chấp tay
quán từ bi
cho mật ngọt tình thương nơi trái tim ứa thành cam lộ
giọt nước thanh lương, trên lòng đau thế gian, xóa tan sầu khổ
từ đỉnh tâm linh cao chót vót
cam lộ chảy về từng mạch
thấm nhuận đồng xanh, ruộng mía vườn dâu.
con rắn hổ mang uống xong giọt sương khuya trên đầu ngọn cỏ
bỗng cảm thấy tiêu tan nọc độc trên lưỡi mình
và những mũi tên tẩm thuốc của loài ma nở thành bông hoa khi
bay đến.

cam lộ vương như lai !

cam lộ vương như lai !

phép màu hiển hiện :

với hai cánh tay trẻ thơ mũm mĩm em nghiền đầu thương yêu ôm
con rắn vào lòng

lá xanh vườn xưa, nắng lên trên tuyết trắng

dòng Tào Khê vẫn hướng về phương Đông

tịnh thủy trong bình là tịnh thủy trong lòng

cho súng đạn trần gian khuya nay rơi xuống tan thành cát bụi.

một bông hoa nở rồi

hai bông hoa nở rồi

muôn bông hoa tím vàng lấm tấm trên thảm nhung đồng nội

và thiên đường hé mở một lần với nụ cười trên đôi môi em thơ.

NHẤT-HẠNH

cây pháo bông của trẻ

Trong cung bậc của mùa

Gió dâng từng đợt sóng

Khi ngày nổi trôi bênh bồng ốc đảo

Khi đêm lang thang từng giọt sương huyền

Long lanh màu máu xưa đất xưa

Khi sự hèn mọn của đời sống cúi xuống

Phía dưới vùng tâm thức âm u

Sẽ bật lên những tiếng than mà tình yêu
không đủ để hồi sinh.

Rồi tôi thanh âm này nở ra từng mảnh vụn

Thời mà trái đất ngự trị bởi lông lá rong rêu

Tôi nghe thấy linh hồn mình trường sinh

Vượt qua những thanh âm tiếng hú

Của loài dã nhân vong sinh

Giơ cao hai tay rùng rú mịt mùng

Và bỏ xuống rã rời đỉnh ốc

Tôi sẽ trở về sự lặng thinh của đá

Khi hồi thanh đó quay hoài hoài chiếc
pháo bông của trẻ

Đề nghe từng giọt sương từng bãi triều

Đi mòn ruỗng trong hồn trong máu

Nghe từng sự tự do quây quọ như con kông con dế

Nghe từng sự phản nộ căm hờn
Vùng vẫy như chiếc đèn dầu trước gió
Con người vẫn còn đó để đi
Những chặng đường mà thời đại là một viên bi
Lăn lông lốc trên ghềnh vực thẳm
Mỗi người là một viên bi
Suốt một đời lăn tròn trong niềm viễn lưu
Của ngày nổi trôi bênh bồng ốc đảo
Của đêm lang thang cánh dơi
Và đời sống mỗi người
Như chiếc pháo bông đã được đốt lên
Tình cờ đứa bé nào đó sẽ quay tròn
Và thơ tôi cũng vậy.

nhục

Bắp chân em là chiếc đục bình
Cho anh cắm cành hoa
Cành hoa nở phía trên thật đẹp
Bởi một lần nhục đã bốc ngạt ngào
Nồng dịu bầu trời sâu thẳm đen.

HOÀI-KHANH

CHIẾC CHUÔNG ĐỒNG

LÀNG AN THƯỢNG

TRỤ-VŨ

Quê mẹ tôi là một xứ đặc biệt : đó là một nơi mà sự thực và huyền thoại hòa quện lẫn nhau, như sương và khói, đến nỗi có nhiều chuyện khó mà phân biệt được đâu là phần thực đâu là phần huyền. Ví dụ như câu chuyện chú Thuộc mà tôi sắp kể cho các bạn nghe đây.

Chú Thuộc, đúng như tinh thần của làng ngoại tôi, có một quá khứ dật dầy huyền thoại. Chẳng ai biết đời sống thực của chú ra sao ; tất cả đều là những “ nghe đồn ”.

Cứ theo những điều người ta thêu dệt thì cũng chẳng chắc đâu ; tuy thế, đề cho có một “ xuất xứ ” thì cũng đành dựa vào những điều ấy vậy ; vả lại, nếu không, thì cũng chẳng còn biết sự thực là như

thế nào.

Vậy thì cứ theo điều người ta kể lại thì chú Thuộc có một quá khứ rất kinh khủng. Chú làm nghề ăn trộm có thờ thiên linh cái đấy. Ở làng ngoại tôi — đó là một bãi đất « sè sè hình lưỡi kiếm » chạy dài theo một con sông, ba bề là rú cát — có một lùm cây « ốc đảo » nổi chơ vơ trên rú cát về phía mặt trời lặn của làng, gọi là Lùm Mù U. Chú Thuộc đã sống ở đấy, trong lùm mù u hoang vắng ấy.

Đối với dân làng An Thượng — tên quê mẹ tôi — Lùm Mù U là một chỗ « kinh nhi viễn chi ». Thiên hạ ít ai dám đến gần ; chỉ đứng xa mà ngó. Vì vậy, chỗ ở của chú Thuộc hầu như là một nơi bất khả xâm phạm, một thế giới riêng.

Sau những hàng mù u phủ bóng âm u man rợ, đã vô tình lập được một bức màn che bí mật, không ai nhìn thấy cuộc sống của chú Thuộc đã diễn ra như thế nào. Ấy thế mà bà con trong làng đã mô tả cái nhà chú Thuộc một cách tỏ tường như chính họ đã thấy tận mắt. Theo lời thiên hạ thì căn nhà chú Thuộc có ba gian. Nhưng cái kinh khủng là gian giữa số là cái trang thờ thiên linh cái nằm ở gian này.

Cái trang này được dựng phía trên một chiếc bàn thờ trên đó cũng gồm đủ những lư hương giá nến, bài vị tổ tiên, lại có cả hình tam thánh Đào Viên nữa, chẳng khác chi như mọi bàn thờ khác của làng quê xứ mình. Lơ lửng trên không là cái trang ghê gớm nọ, với một chiếc đầu lâu trắng hếu nhe răng cười trong ánh đèn đỏ lại trước mặt chiếc đầu lâu là một bàn tay; khô quắp như chân gà màu đen thẫm. Chiếc đầu lâu và bàn tay ấy chính là ăn trộm vậy. Những kẻ hành nghề đạo chích thường thờ hai vật đó làm thần tổ của họ, nhờ độ từ cho. Ngày ngày tên đạo chích thờ cúng linh vật của «tổ» một cách tâm thành, cũng hương khói xôi gà y như đối với tổ tiên mình vậy. Rồi hôm nào y thấy bàn tay tổ chỉ ngón về hướng ấy, như vậy là luôn luôn công cuộc làm ăn của y sẽ thành công.

Theo lời người ta đồn thì chú Thuộc là một tên trộm tài danh. Chú làm nghề ăn trộm nửa đời người rồi — từ thời nào thời nào đó cho đến năm 1945 — mà không bao giờ bị bắt. Hay đúng ra là bị bắt quả tang. Bởi vì trong thực tế thì chú ta cũng đã có một lần bị quan Tây bắt, nhưng mà

không phải là bị bắt tại trận. Về điểm bị bắt này thì cũng có nhiều nghi vấn: có thuyết cho rằng chú Thuộc bị bắt nguyên do là vì ăn trộm; nhưng trong khi đó cũng có một dư luận khác oanh liệt hơn nhiều cho chú Thuộc bị bắt là vì tội làm chính trị, «Cần Vương» chỉ chỉ đó... Dù sao thì chú Thuộc cũng bị bắt suốt hai năm trời, giam ở lao Thừa Phủ. Về điểm này thì có thật hoàn toàn.

Nói tóm lại thì chú Thuộc có danh là tên ăn trộm tài danh. Chẳng biết có thật không, có điều là có lẽ vì như vậy nên mới sinh ra cái thuyết mô tả rằng chú thờ thiên linh cái. «Bằng không thì làm sao chú lại có thể ăn trộm tài như thế, suốt nửa đời người mà không hề bị bắt quả tang một lần nào?»

Chúng ta nói rằng cái sự thờ thiên linh cái của chú chỉ là một cái thuyết mà thôi, là bởi vì thực ra, có ai đã đến tận ngưỡng cửa nhà chú đầu đề mà mục kích? Như trên đã nói, người ta coi vùng ở ẩn của chú Thuộc là kính nhi viễn chi mà.

Nhưng chú Thuộc, nhân vật huyền thoại của quê mẹ tôi, không phải chỉ có danh về tài ăn trộm. Chú còn là một tay nghề võ tuyệt luân. Dáng người chú khỏe như một con trăn đực, nước da đồng hun. Mặt vuông tượng chữ điền, mắt lồi, mày rậm. Cứ trông vẻ người của chú là người ta đã thấy chú võ giỏi rồi. Không giỏi sao mà nhảy qua đọt tre lá ngà, mà đánh lui được cộp? Có thấy cái đòn xóc đen nhánh

cặp kẻ trên vai chú kia không? Đứng tường đó là đòn xóc thường. Khi giới tùy thân của chú đấy nhé.

Bà con có biết cái tích ông Voi Đen đá bay đầu thằng Tây mũi lõ (xin lỗi) ở nhà Hát Tây Hà Nội không? Ông Voi Đen là nhà cách mạng, hộ vệ cho cụ Phan bội Châu. Ông Voi Đen giỏi võ nhất đời. Chẳng thế mà làm tướng quân hộ vệ cho cụ Phan bội Châu. Năm... Hỡi, ba thằng quan Tây, bày mưu sắp kế diệt hết nhân tài người Việt mình, đã mướn một thằng võ sĩ mạnh như voi từ bên xứ Nhật nhĩ mạn qua. Thiết võ đài ở nhà Hát Tây Hà Nội. Lệnh truyền ba cỡi, bắt thầy võ mình tới đấu. Một tháng liền, thằng cha võ Tây mặc sức tung hoành. Nó ra tay thật là độc ác; hễ thầy võ nào của mình lên đài là nó đâm chết tươi. Sau cụ Phan thấy vậy thương dân mình quá cảm lòng không đậu mới ra lệnh cho ông Voi Đen lên đài. Chà oanh liệt dữ. Thằng võ Tây to chinh inh như con khỉ đột lông lá chàm vàm. Ông Voi Đen mình thì nhỏ con mà đen thui. Hai người trên võ đài coi rất chênh lệch. Như người lớn bên một đứa trẻ con. Ai cũng tưởng «phèng» một cái là ông Võ sĩ mình học máu liền. Dưới này tụi quan Tây coi thật là đông.

Ai ngờ... lần này thì cho tụi quan Tây mất vía. Tồ cha hấn...hết khinh người Việt Nam mình. Cho lỗ mắt ra. Nhắc lại, ông Voi Đen vừa vào hiệp đầu bái Tồ xong xàng ràng ít cái... Thằng Võ Tây tính ăn múa xông tới đâm liền mấy cái, mạnh như

trời giáng lạnh như điện xẹt. Nhưng ông Voi Đen mình khôn khéo dùng thế «thoát bàn nhượng vị» (? tránh tuốt như nước đổ lá môn. Rồi lập tức ông Voi Đen chuyển nội công phóng ra một cước. Rắc !.. cái đầu thằng Võ Tây liền rời khỏi cổ, bay tuốt lên nóc nhà Hát Tây ! Rồi !.

Bà con đã kể câu chuyện trên khi họ mở đầu về cái xuất xứ của nghề Võ chú Thuộc. Theo lời họ, thì ông Voi Đen là thầy Võ của chú Thuộc chú Thuộc là học trò của ông Voi Đen vậy. Nhưng tại sao mà ông Voi Đen một nhân vật căn vương lại là thầy Võ của chú thuộc đạo chích ở cái xứ khi ho cò gáy này? Ông Voi Đen ra xứ này lúc nào gặp chú Thuộc ở đâu để mà trở thành sư, đệ?

Thì bà con giải thích rằng : ... Hồi đó, sau khi đảng Cần Vương vỡ òa, ông Voi Đen chạy trốn ra tỉnh Thừa Thiên, lạc lõng nhiều ngày trên rú cát... rồi gặp chú Thuộc trong Lùm Mù U... thấy chú Thuộc có căn cơ, bền truyền võ nghệ... Lại thêm rằng : chẳng những ông Voi Đen truyền nghề võ cho học trò, mà còn truyền cả óc chánh trị nữa... bởi thế nên sau này chú Thuộc mới làm chánh trị mà bị bắt, giam lao Thừa Phủ..

Cái huyền thoại về chú Thuộc của làng ngoại tôi đại khái là như thế.

A, chưa hết. Còn một mẩu chuyện này cũng là ngộ ngộ, tôi xin kể nốt ra đây. Ngoài chú Thuộc ăn trộm, chú Thuộc nghề võ, lại còn thú Thuộc « cao tay ấn » nữa. Chẳng tin thì cứ nghe câu chuyện này.

Ở miền Trung, vào khoảng 1932 — 1943..., ai mà chẳng nghe danh ông Thầy Giải. Ông là phù thủy cao tay. Một tay ông trị cả vạn tà ma ; bất kỳ quỷ, quái, yêu, tinh, gặp tay ông thầy đều hàng phục. Phép bắt quái của ông thật là trăm cách, cách nào cũng đều thần diệu : nào là cột người bệnh (bị ma quỷ ám) vào thân chuối, múa thanh long đao chém ba lát ngọt qua người ; nào là dùng thần tiễn bắn xuyên thân người bệnh, sau khi đã dùng giấy ngũ sắc cột hai ngón chân cái đương sự mà rút lên ngọn tre cao ; nào là dùng ngón tay trở phát ra lửa thánh đốt cháy yêu tinh sau khi đã dùng phép buộc nó phải hiện nguyên hình thành thú này thú nọ ... Thôi thì ba vạn cách mà cách nào cũng kỳ lạ như nhau. Ngoài ra ông Thầy Giải còn biểu diễn thần thông bằng những cách phi thường như ngự trên một chiếc ngai cắm đầy đao nhọn để cho người kiệu đi đường ... Nói đúng ra, ông thầy này không hẳn là phù thủy gọi ông là một xác đồng thì đúng hơn. Có một vị thần Ngô Sơn Đình Thượng Thần đã nhập vào ông mượn xác phàm của ông để — hình như thế — làm phận sự trừ ma diệt quỷ cứu độ cho người.

Tóm lại ông Thầy Giải là một nhân vật phù thủy rất thần uy rất phi thường. Ấy vậy mà ông lại chính là người làng An Thượng ! Ấy vậy mà chú Thuộc vẫn không kiêng sợ, vẫn dám đương đầu chống đối với ông như thường ! và điều lạ nhất, là đã thắng.

Chuyện xảy ra trên một cánh đồng, mùa lúa chín. Số là có một ngày nọ, để chữa cho một bệnh nhân bị ma ám ông thầy Giải đã đem người này ra tận ngoài đồng trời vào một gốc cây. Sự thực thì ông thầy Giải đã đặt ra hàng trăm cách chữa bệnh nhưng chưa lần nào xai cách này ... Ông trời bệnh nhân ngay giữa ruộng lúa rồi dùng tên lửa mà bắn vào người. Điều kỳ diệu là tuy bị bắn những mũi tên lửa vào người như thế bệnh nhân vẫn tỉnh táo không chết. Giữa sống lúa vàng dưới ánh nắng trưa những mũi tên lửa cháy lên phần phật. Ông thầy Giải đứng trên bờ ruộng mặc áo bào vàng trước ngực có thêu hình đầu cạp lăm liệt uy nghi đằng sau lưng ông là chiếc ngai cắm đầy đao nhọn. Thiên hạ làm ruộng làm rẫy thì đứng xung quanh ô ruộng mà nhìn. Ông Thầy Giải lần lượt bắn từng mũi tên một ; Khi ông bắn đến mũi tên thứ chín thì, từ ngay trong ngực «đương sự» — bị quỷ ám —, một con chuột phóng ra. Con chuột đen nhánh, mập ú. Đó chính là «căn tướng» — ở quê tôi, người ta gọi như vậy — của con quỷ vậy. Mỗi con quỷ có mỗi «căn tướng» : con thì gốc là heo, con thì gốc là rắn, con thì gốc là «Phạm Nhan»..., Con quỷ này gốc là chuột : và đó chính là lý do khiến ông Thầy Giải đã chọn khu ruộng lúa chín làm chỗ ra tay ; con quỷ chuột, ở trong thì bị lửa xua đuổi, ở ngoài thì bị lúa chín rủ rê... thì... nó đục ra là lẽ đương nhiên vậy !

Con chuột quỷ chạy vòng quanh, vòng quanh ; chuột chạy tới đâu, ông Thầy Giải phóng lửa ra tới đó. Chẳng mấy chốc

mà lửa đã bén khắp nơi trong ô ruộng. Cứ cái mồi này thì cả ô ruộng sẽ cháy tiêu. Mà trong khi đó thì con chuột quý vẫn cứ chạy cà tưng cà tưng, chưa chịu phép. «Con quý chuột này lì dử», những người xung quanh xầm xì.

Giữa lúc đó thì chú Thuộc xuất hiện. Chú đi khơi khơi từ đằng xa tới. Thấy «thằng cha Giải» bắn tên lửa đốt ruộng cháy bùng bùng, chẳng tìm hiểu đầu đuôi ắt giáp chi, chú Thuộc thấy nổi giận. Chú sùng sục chạy tới, chiếc đòn xóc cổ hữu trên vai; chú chụp lấy cổ ông Thầy Giải gân cổ hét lên; «Vì rãng mi đốt ruộng?» Ông Thầy Giải nổi thịnh nộ, trợn mắt hét lại; «Người biết ta là ai không? Ta là Ngô Sơn Đình Thượng Thần!...» «Ý xì Mi là đồ khách trú! (Nên biết: Ngô Sơn Đình Thượng Thần là người Trung Hoa: người ta bảo thế). Mà dù mi là thần là thánh, mi cũng không được quyền đốt ruộng. Lúa là hạt ngọc trời ban: mi đốt hạt ngọc trời ban, xưng là Thần rãng được?»

Nói đoạn, chú Thuộc bỏ chạy đến bên một bãi cứt trâu gần đó bụm một cục nóng hổi chạy trở lại, tay thì lăm le nhét vào miệng ông Thầy Giải, miệng thì hét: «mi có dập tắt lửa đi không? Không thì tao nhét cứt trâu vào họng chừ.»

Chẳng biết có phải vì sợ cứt trâu không chỉ biết là sau đó thì ông Thầy Giải đã thu lửa lại!

Câu chuyện trên này, tôi nghe người ta kể đầu tự hồi bốn ba (1943). Chẳng biết

có thật hay không; có chẳng, thì cũng chỉ thật một phần nào. Tuy nhiên cũng kể ra, đề gọi là cho đủ bộ cái thời huyền thoại của chú Thuộc...

oOo

Có giai đoạn về sau này thì cuộc đời chú Thuộc mới là «có thực». Lốp mần huyền thoại được vén lên; chú Thuộc sống trước mắt mọi người.

Có thể là khi chú sống như thế này thì tính cách huyền hoặc nên thơ của cuộc đời chú giảm đi ít nhiều... Những người quê ngoại tôi, họ có thói quen tìm cái nên thơ trong huyền hoặc... Nhưng bù lại, không phải là không... ngộ nghĩnh... Và còn nói là «oanh liệt» nữa, cuộc đời của chú, sau này.

Một cái «mất nên thơ» thứ nhất đã xảy ra đối với dân làng này vào lúc mà, lần đầu tiên, họ được đến viếng ngôi nhà chú Thuộc trong lùm Mù u, nơi mà thời nào thời nao họ vẫn kính nhi viễn chi và đã dẹt quanh nó biết bao là huyền hoặc. «Thì ra cũng giống như nhà cửa tội rình»: cũng ba gian hai chái; cũng gian giữa làm bàn thờ; bàn thờ cũng có lư hương! cũng có bộ phản. Cũng có cây đàn bầu. (Ủa, chú này cũng biết đàn nữa; nguy dữ!) Ngõ trước vườn sau, thì cũng khoai cũng sắn. «Thế mà lâu nay cứ tưởng mô ba đầu sáu tay chi chớ.....» Dân làng, sau khi đã được cái hân hạnh «nghìn năm một thuở» đến viếng nhà chú Thuộc rồi, thì đều thất vọng. Nhưng

cái thất vọng lớn nhất của họ là ở nơi cái trang thờ. Ai đời mà cái trang thờ mà lâu nay người ta tưởng là thờ thiên linh cái, với chiếc đầu lâu trắng và bàn tay đen thui rùng rợn, lại... chỉ là một cái trang thờ tầm thường như của mọi người. Cũng cây đèn dầu phụng hạt đậu. Cũng cái mõ gõ mít. Cũng tượng thờ Quan-Công. « Đâu, mình thử bắc cái ghế lên coi có gì lạ? » Một người nói như thế, và liền bắc ghế trèo lên, nghênh cổ dòm... Trong khi đó thì chú Thuộc vẫn đứng yên mặc người kia làm gì thì làm, miệng mỉm cười. Người kia, sau khi dương mắt nhìn một hồi và mặt hiện vẻ thất vọng có lẽ vì không thấy gì lạ cả, đã đưa tay vào trong trang thờ rút ra hai tập sách xơ bìa dày bụi đóng. Y vội vàng tụt xuống ghế, đưa ngón tay lè lưỡi chấm nước miếng rồi trịnh trọng lật tờ bìa của quyển thứ nhất ra. Mặt y có cái hớn hờ kinh hãi của một người « sắp đọc cuốn Vạn Pháp Quy Tông »... Những người có mặt ở đó đồng thời đồ xô tới, miệng hỏi « sách chi đây ? sách chi đây ? »

Nhưng ai nấy đều thất vọng «Ồ» một tiếng vì đó chỉ là cuốn Truyện Kiều. Cuốn trên là cuốn truyện Kiều và cuốn nằm dưới là cuốn Lục-vân-Tiên.

Có một chị chán nản quá đã bật lời hỏi chú Thuộc : « Rửa còn cái thiên linh cái ở mô ? » Chú Thuộc cười hà hà : « Thiên linh cái hả ? Đây nè ! » Chú

vừa nói vừa đưa tay xoa xoa cái đầu của chú.

Thế là mọi người đều buồn quá sức. Họ những tưởng đi tới nhà chú Thuộc Lùm Mù U là để thấy cái gì hay hay, ai ngờ... Nhưng thôi mà bây giờ có hai cuốn truyện văn văn đây thì để nhờ chú Thuộc ngâm lên chơi cái đã.

Thế là buổi đi thăm Thiên linh cái biến thành buổi nghe ngâm truyện. Hôm đó, chú Thuộc đã ngâm cho bà con nghe bằng cái giọng nặng nặng hơi Nghệ An thăm thía đứt ruột của chú cả một đoạn « Thúy Kiều gặp Kim Trọng » và một đoạn « ông Quán vấn Trịnh Sâm »... Nhiều người nghe xong khúc ông Quán nói ghét thương, trong lòng cảm động nước mắt rưng rưng; như vậy đủ biết cái chú Thuộc lừng danh ăn trộm này ngâm thơ cũng « đỡ ».

Nhưng cái tài của chú Thuộc không phải là ở chuyện ngâm thơ, không phải chỉ là chuyện ngâm thơ. Cái tài nhất của chú Thuộc là tài võ.

Sự thực thì cũng không biết những cái gì của chú đó có đích là võ không ; tuy nhiên, dân làng ngoại tôi đã gọi là như thế. Chỉ biết rằng, trong những năm kháng chiến, chú Thuộc đã từng biểu diễn và chứng minh tài nghệ của chú nhiều lần...

Chú nói với lũ đàn em trong làng : « Thời nì, phải có sức khoẻ. Đề «bầy choa» (1) « dạy cho các chú ít nghề riêng »... Nghề

* Tôi — tiếng địa phương.

riêng của chú, đó là : lặn một mạch từ bên này qua bên kia bờ sông, nhảy vọt qua hàng rào cao quá đầu người, và... chạy lẹ như heo. Về những cái món này thì chú tài thật; và thanh niên trong xóm cũng đã học được của chú rất nhiều. Người ta còn đồn rằng chú Thuộc giỏi nghề múa kiếm; điều này thì chẳng biết có thật hay không, và cũng không ai thấy chú biểu diễn bao giờ. Chỉ là đồn đãi với nhau như vậy...

oOo

Tuy nhiên, cái « sự nghiệp » oanh liệt nhất trong đời chú Thuộc không phải là ở nơi tài ăn trộm, múa võ, ngâm thơ: nó ở nơi cái chuông đồng.

Cái chuông đồng mà ngày nay người ta gọi là chuông chú Thuộc...

Nguyên cái chuông đồng này được ra đời vào dịp Tết Nguyên Đán... Số là sau chín năm ròng rã chiến tranh, dân làng An Thượng sửa soạn ăn một cái Tết thanh bình. Ăn Tết thanh bình thì phải làm một cái gì kỷ niệm và xây dựng chớ? Người ta đồng ý kiến tạo một ngôi chùa... bởi vì còn gì có tính cách kỷ niệm và xây dựng bằng việc kiến tạo một ngôi chùa nữa? Chùa là biểu hiệu của hồn dân tộc, của hòa bình, của tình thương...

Huống chi, từ sáu bảy năm nay, ngôi chùa cũ đã không còn nữa. Chiến tranh đã tàn phá tất cả... Dân làng An Thượng đã không còn nữa ngôi chùa mà họ mến yêu...

Đừng tưởng rằng việc xây dựng một ngôi chùa làng trong hoàn cảnh

này là dễ dàng đâu nhé. Thiếu thốn tất cả: từ viên gạch, viên ngói, từ bao xi măng... Tuy nhiên, hai tháng sau, ngôi chùa mơ ước của làng ngoại tôi cũng đã được hoàn thành: tường gạch quét vôi, mái tranh vén khéo. Cái chùa nhỏ thôi, làm tiệm tiệm thôi, thế mà trông cũng khéo đáo để. Bên trong cũng tượng Phật bằng đồng bóng nhoáng, bình sứ cắm bông sen, bên ngoài, nơi hai bên vách tường, khéo nhất là những hình vẽ rồng phượng bằng phẩm ngũ sắc... Tóm lại thì là được lắm, ai nấy thấy xoa tay hài lòng. Bây giờ thì tất cả đều hoàn tất, chỉ còn đợi đến ngày mừng một Tết là khánh thành thôi.

Thế nhưng ngôi chùa mới này, nó còn thiếu một cái chuông đồng. Chi cũng tạm đủ, nhưng mà còn thiếu một cái chuông đồng. Mà cái chuông đồng thì rõ ràng không thể thiếu. Thiếu nó, thì lấy chi mà « cảnh tỉnh »? Lấy chi mà « đánh lên tiếng của mình »?

Mãi đến cận ngày, nhóm dân làng ngoại nghiệp của quê ngoại tôi mới nghĩ ra là thiếu cái chuông đồng. Bây giờ thì làm sao mà tậu? Tậu ở đâu ra? Vả chẳng nói cho vui vậy chớ dù cho có nghĩ ra từ đâu đi nữa, những con người xơ xác của quê ngoại tôi đây cũng chẳng lấy gì mà tậu nổi một cái chuông. Một cái chuông đồng đâu có phải ít tiền? Mà trong thân phận họ bây giờ đây — bạc tiền không có — ruộng vườn tan nát — thì lấy đâu ra tiền?

Chuyện đã không thể có thì thôi đành an phận vậy. Dân làng ngoại tôi bèn vuốt bụng tự an ủi : « Thôi năm ni không có thì đề năm khác vậy ! » Tuy họ nói như thế nhưng ai mà không biết trong niềm vui đã xen lẫn nhiều ít ghen ngào.

Thế rồi, vào đúng buổi chiều ba mươi, chú Thuộc vác chiếc chuông đồng tới.

Chiếc chuông đồng lớn bằng cái vại, lấp la lấp lánh dưới ánh mặt trời chiều. Trong dáng đi mạnh mẽ tươi cười của chú Thuộc, chiếc chuông đồng mới tinh khôi trông quang vinh như ngọn cờ chiến thắng.

Đằng sau lưng chú Thuộc còn có hai người vác cái giá chuông bằng gỗ sơn màu đỏ tươi.

Chuông giá đã sẵn rồi, việc đặt treo chỉ là trong vòng ba mươi phút.

Thế là bây giờ chùa mình đã có chuông rồi. Ai nấy vui mừng hơn hở. Mười bác già mà ngày xưa người ta gọi là bô lão bèn mời chú Thuộc ra nhà sau uống nước, cốt để hỏi thăm sự tích đầu đuôi.

Đề trả lời, chú Thuộc nhắc lại chuyện xưa :

— «Mấy ông, mấy bác có nhớ chuyện tui quần nhau với tàu bay Tây chớ ? Chuông này là ở đó, chớ đâu !»

Chuyện chú Thuộc (chọc tàu bay bà già của Tây thì mấy bác già ở làng này, ai mà chả nhớ). Số là chú Thuộc có tánh cà tang cà rịch vô cùng. Chú Thuộc ở một mình trong Lùm Mù U, giữa rú cát mênh mông. Mỗi khi có tàu bay Tây bay qua, «ai

đời mà» trong lúc thiên hạ chui vô hầm núp hết thì chú nhảy ra giữa lộ thiên mà... chọc. Chú đứng một mình giữa đất, đi chân không, quần xắn lên đầu gối, tay thì cầm cây đòn xóc vừa xĩa xĩa lên tàu bay vừa la hét : « Tồ cha bây ! Tồ cha bây ! » Thế là trên tàu bay Tây nó bắn xuống đùng đùng. Thôi thì đạn rơi như vãi giống, cát bay mịt mù. Có người núp kỹ gần đó được may mắn nhìn thấy cái cảnh tượng dị kỳ này, thuật lại : « Chà, trông chú Thuộc mình cứ như Triệu tử Long ! Chú cầm một cây đòn xóc mà dám cự với tàu bay Tây. Tây nó bắn như mưa như gió mà sao không trúng chú. Chú cứ lura chiều... tàu bay nghiêng cánh bên này thì chú nhảy vọt sang bên kia, nghiêng cánh bên kia thì lại nhảy sang bên này. Tài thiệt ! ».

Từ nhiều năm nay, chú Thuộc đã diễn cái trò chọc tàu bay thiên nguy vạn hiểm ấy biết bao nhiêu lần, ai mà chẳng thấy mà chẳng biết. Tuy nhiên có điều là người ta không hiểu chú Thuộc làm như thế để làm chi. Thời buổi này hạt gạo hạt vàng, cơm đâu ăn mà đi chọc tàu bay. Lỡ ra nó bắn trúng một nhát thì mất mạng, còn gì. Vả lại chọc nó như thế cũng chẳng làm hại gì nó được. Chẳng lẽ chọc nó giận mà nó chết hay sao ?...

... Chú Thuộc hỏi xong, nín lặng một lát, đợi cho mọi người nhớ hết cái chuyện xưa của chú xong, rồi mới nói :

— «Tui biết bà con có nhiều người cho tui vô lối, chọc tàu bay như rứa làm chi, chết uổng mạng. Nhưng tui có ý riêng mà lúc đó chưa nói ra. Tui nghĩ thẳng Tây

đánh mình mãi rồi cũng có lúc phải ngừng. Bây giờ chiến tranh chớ tới lúc thái bình thế nào mình cũng phải xây cái chùa làng mình lại. Mà chùa thì còn chắt bóp mà làm được, chớ cái chuông thì lấy ở đâu ra ? Thôn xóm mình, mấy năm nay ba thằng Tây nó vơ nó vét hết đồ đồng đồ bạc, lư hương đỉnh trầm rồi, biết lấy chi mà đúc ? Chi bằng chộc tàu bay Tây cho nó bắn đạn... Đạn bao nhiêu tức thì có đồng bấy nhiêu...

« Tôi cắt dành đạn Tây mấy năm trời; nì, đợi tới ngày nì mà đúc cái chuông cho chùa làng mình ».

Trong không khí vui mừng hơn hờ chung, chú Thuộc thông thả hút vài hơi Cầm lẹ, uống cạn bát chè tươi. Đoạn chú đứng dậy bước ra đằng trước, cầm cái dùi

lên gõ vài chiếc chuông một cái. Boong !... Tiếng chuông hiềm dịu, ấm áp, ngọt ngào tiếng chuông thân yêu mà từ sáu bảy năm nay dân làng chờ đợi — vang lên, ngân nga trong lòng người cả một triều tin tưởng và hy vọng.

Chú Thuộc cười ha hả và cất tiếng nói, giọng oang oang của chú xen lẫn trong giọng chuông đồng trong trẻo ngân nga :

— « Hà ! Đạn bây bắn nhiều chừng nào, chuông bấy choa kêu to chừng nấy.

Chú nhìn lên đám mây trắng trên trời, nghiêng tai ngẫm nghĩ một chút, rồi thêm :

— Kêu khắp năm châu ».

TRỤ VŨ

Thu 2509.

GIỮ THƠM QUÊ MẸ

NGUYỆT SAN VĂN NGHỆ ● LÁ BỐI XUẤT BẢN

Thư từ, bài vở, ấn phẩm xin gửi về :

HOÀI KHANH

Hộp thư 935

SAIGON

Bưu phiếu xin đề :

TRƯƠNG PHÚ

CAO VỌNG THANH NIÊN

HỒ-HỮU-TƯỜNG

BỐ N mười một năm về trước. Năm ấy tôi vừa thi đậu bằng sơ học ở quê nhà và lên Sài-Gòn để thi học bổng vào trường cao đẳng tiểu học. Thuở ấy người ta học trễ hơn bây giờ nhiều. Bọn chúng tôi, hơn mười đứa, đứa nào đứa nấy cũng mười sáu tuổi đầu. Chỉ có tôi là nhỏ hơn hết ; mười bốn. Thế mà đứa nào đứa nấy quê mùa, không dám đi Sài Gòn một mình, chợ Sài Gòn nhỏ xiu, khi xưa vừa bước khỏi chợ Bến Thành là ruộng là sinh cho tới đến Chợ Lớn. Cha mẹ chúng tôi phải nhờ một anh lớn tuổi đến hai mươi đang học nọt-manh rồi nhơn nghỉ hè về quê dắt đám cử tử chúng tôi lên Sài Gòn lúc ấy đếm đầu vào lối 60.000 dân. Mà tôi còn sợ tôi nhỏ,

đi lạc mà mất con đi nên tháp tùng theo mà giữ tôi từ bước.

Chúng tôi ở trọ nơi một khách sạn ở đường Amiral Courbet, nay đổi tên lại là đường Nguyễn-an-Ninh. Chính là cái tên đường này mới cho tôi cái ý viết bài này, vì ở ngay đường này, thẳng con trai mười bốn tuổi, là tôi, bắt đầu nghe tới tên người anh hùng của thời đại ấy là Nguyễn-an-Ninh. Đường Amiral Courbet khởi bên hông chợ mới và dứt ở đầu đường Amiral Roze. Bên này của đường này có phố, còn ở bên kia là đất hoang. Bên phía chợ mới, là hàng trái cây. Anh Tri người dắt đường chúng tôi, khi vừa đến Sài Gòn, tuyên bố : «Tụi bây vừa tới, tao đãi bây các loại trái

cây bên Tây bên Tàu. Tui bây mà thi đậu, tao sẽ dắt tui bây ăn hồ thén.» Nói thì nói vậy, chớ tui tòi nghe hai chữ hồ thén là đã mè rồi, đòi được dãi trước, sẽ rán thi cho đậu cả. Thế là chúng tòi được hưởng hương vị của đủ thứ trái cây quý lạ và của những món ăn trân mỹ tại một hiệu ăn sang trọng ở Chợ lớn.

Trong kỷ ức của tòi, những món ăn quý lạ này không ghi ấn tượng sâu xa vào tâm não tòi bằng món ăn tinh thần mà tòi đã nuốt được lần đó. Lúc ăn ở Chợ lớn xong, đi về, anh Trí gặp một người bạn cho mượn tờ *La cloche fêlée*. Về phòng, các bạn thì người dở sách ôn bài để mai thi, người tựa cửa sổ nhìn xuống đường để dõi theo nhịp sống của thành phố. Anh Trí nằm tréo cẳng đọc tờ báo vừa mượn. Tòi tò mò tìm hiểu nội dung của tờ báo mà tòi chưa biết chữ *fêlée* có nghĩa gì. Tòi còn nhớ số báo là số 19, ra ngày 14 tháng bảy năm 1924... Chờ anh Trí đọc xong, tòi hỏi ;

— Fêlée có nghĩa gì anh ?

Anh Trí đặt tờ báo lên giường, ngồi dậy, cắt nghĩa :

— Fêlée có nghĩa là nứt. Cái chuông nứt, thì tiếng nó rè. Bối nước mình mất, thì nhà chí sĩ mình vì chẳng khác chi cái chuông đã bị nứt rồi, tiếng đã rè rồi. Tuy vậy, vẫn phải cất tiếng lên mà đóng tỉnh đồng bào.

Rồi anh Trí kể tiểu sử của người chủ trương tờ báo có cái tên đầy ý nghĩa này. Bọn chúng tòi lần lần rời cửa sổ, xếp sách bu lại chung quanh anh ; để nghe anh kể. Một thần tượng lù lù hiện lên trong đầu óc chúng tòi. Một thiên thần sống, mới hai mươi bốn tuổi mà đã có một sự nghiệp hiển hách. Chưa đầy hai mươi đã dấn vào giữa rap hát bóng đánh hai « ông tây » chạy dài. Học cao đẳng Hà nội mà không thèm làm phủ, làm huyện bổ trường để đi Tây. Sang tây, gặp hội nước Pháp mở rộng thi cử cho các cựu quân nhân, lại chỉ trong một năm thi nốt ba kỳ và đậu cử nhân luật học. Thời của chúng tòi mười lăm mười sáu tuổi mới thi sơ học, một ông cử nhơn đốt đuốc kiểm khắp xứ họa may mới gặp, mà ông này vừa hơn hai mươi một đã đậu cử nhơn, bọn chúng tòi đã phục sát đất rồi. Huống chi, còn giao thiệp với những nhà trí thức ở bên Pháp, « viết báo bằng tiếng Tây cho Tây nó đọc ». Rồi về xứ, hai mươi hai tuổi đã đăng đàn diễn thuyết trước hạng thượng lưu trí thức để nói về sự « cần có một nền quốc học ». Năm sau, 1923, đến hai mươi ba tuổi, lại diễn thuyết nữa, để nói về những « cao vọng thanh niên ngày nay » ...Rồi anh Trí tả một thanh niên,

mặc dầu có thể làm trạng sư làm tòa, mà chẳng cầu danh lợi, đầu hớt bom bê, tóc dài tới ót, mặc cái áo dài đen ôm tờ báo *La cloche fêlée* mà đi mời mọc khách mua các đường phố, không khác chi trẻ em mời « Đông Pháp thời báo ngày nay, thầy ! ». Bán một số báo một cắc, mà có khi gặp người kích bác, phải đứng mà diễn thuyết tranh biện cả giờ, gặp ông Tây nào kỳ khôi cãi lại, thì thiên hạ bu xem hai người « trăm tiếng Tây với nhau », đen nghệt. Ban ngày ôm báo lội khắp phố mà bán, ban đêm rút về số 29 đường Pierre Flandin mà viết bài, mà sửa bản vở, mà chuẩn bị cho số tới. Chỉ trong vài năm hoạt động, Ninh đã thành thần tượng của thanh niên. Họ cắt tóc theo kiểu bom bê, dài chấm ót như Ninh. Họ bắt chước chụp hình theo kiểu như Ninh, mặc áo dài, tay chống đầu nghiêng nghiêng, có vẻ trầm tư mặc tưởng. Họ truyền nhau một hai câu đặc sắc của Ninh. Song lúc ấy, người đọc được chữ Pháp không có bao nhiêu. Đám thanh niên sùng bái Ninh càng ngày càng đông, song trong đám, ít có được bao nhiêu đọc được báo viết bằng tiếng Pháp.

Số đọc giả đọc hiểu tiếng Pháp, lúc ấy gọi là hạng thượng lưu trí thức, ban đầu ghi tên mua dài hạn được sáu trăm. Song họ bị chủ tỉnh, chủ sở hãm dọa, bắt nạt, khủng bố. Họ sợ

mất niêu cơm, nên không dám đọc nữa. Báo gởi theo bưu cuộc cho độc giả ở xa bị ếm cả. Đến ngày 14 tháng bảy năm 1924 đến số 19, *La cloche fêlée* dành báo tin rằng mình phải « đóng tiếng chuông chót », vì vốn vẹn có hai trăm độc giả dài hạn mà thôi. Chính số 19 này là số mà anh Tri mượn đọc.

Tôi nghe thuật, say mê như nghe thuật một chuyện thần thoại. Bấy lâu nay tôi thấy chung quanh tôi chỉ những phàm nhân quanh năm lo việc sanh sống thường tình, nuôi những ý giành trâu cướp ruộng lẫn nhau, lo tranh ngôi thứ trong làng, bắt bẻ nhau từng câu từng lời. Tôi chỉ thấy vĩ nhân chỉ ở trong truyện sách, mà tôi cho là thấy đều do người bịa ra để đọc cho thú và tạm thoát những cái thường tình. Có dè đâu lại có thể có vĩ nhân xuất hiện bằng xương bằng thịt đem cặm cuì viết bài có tinh cách quyến rũ mê hồn, ngày gặm khúc bánh mì, hai xu mà ôm báo đi bán, tờ báo ghi những tư tưởng cao quí của mình ? Đến mười bốn tuổi tôi vẫn tưởng rằng không có một ai làm thần thánh được, và thần thánh chỉ ở trong mơ ước của nhà văn mà thôi. Nào dè lại có người lại làm thần thánh được !

Câu chuyện của anh Tri chấm dứt. Bọn cử tử chúng tôi, kể lo ngủ sớm để mai khỏe mà thi, người còn rần òn bài. Tôi mãi trần trọc vì bốn

chữ « cao vọng thanh niên ». Thuở ấy, tiếng Việt ta nghèo, danh từ ít. Hai chữ cao vọng, tôi chưa từng nghe nói bao giờ. Nhưng lấy nghĩa từng chữ mà ráp lại, tôi quan niệm một cái gì cao cả, mà thanh niên nên ngưỡng vọng, tôn sùng, đeo đuổi, và nếu cần, hy sinh vì đó được. Mà nếu mà ta rần rần mà ngưỡng vọng, tôn sùng, đeo đuổi, hy sinh cho, thì ta cũng có thể hóa ra thần thánh...

Ý nghĩ ấy làm cho tôi không ngủ được. Tôi lấy tờ báo của anh Trí mà đọc. Chữ Pháp lúc ấy tôi còn dở hiểu chưa hết. Nhưng một hai câu, tôi cũng thông. Những câu ấy, tôi học thuộc lòng, bốn mươi một năm đã qua, bây giờ tôi còn nhớ.

Tôi xin chép lại đây, để đọc giả nào hiểu tiếng Pháp, thưởng thức được cái văn phong rắn rỏi của Nguyễn-an-Ninh :

« A la force matérielle du vainqueur, le vaincu réduit à l'impuissance, peut opposer sa force morale » (1)

« La vraie force de l'homme vient de l'intérieur et non des appareils qui lui confèrent une puissance fragile » (2)

« L'homme qui est né libre, l'est même dans la servitude » (3)

« L'homme fort accepte certains faits, certains états comme inévitables et garde une tête altière au milieu des

humiliations les plus grossières pour songer calmement à l'avenir et préparer un temps où les grossièretés et les insolences des plus mauvais parmi les hommes ne pourraient plus facilement triompher » (4)

« Il est dans l'histoire de tous les peuples qui veulent vivre, des périodes difficiles où la force morale est la seule chance de salut » (5)

Và cũng trong số báo ấy, có trích một tư tưởng của Gandhi, trong ấy có câu « Un seul homme peut défier un empire et provoquer sa chute » (6)

Tôi không được đọc bài diễn thuyết và những « cao vọng thanh niên ». Suốt mấy ngày ở Sài Gòn đề thi, tôi hỏi khắp các tiệm sách. Quyền ấy không còn ở đâu bán nữa. Báo *La cloche fêlée* bằng tiếng Pháp khó kiếm đọc giả, song những cái chi do Ninh viết bằng tiếng Việt, vừa in ra đã bán hết ngay. Thanh niên thời đó khát khao cao vọng, ngốn ngấu văn chương của một anh hùng dám đem vấn đề cao vọng mà bàn bạc với họ. Thuở ấy, tôi chỉ đọc được có một số báo ấy. Câu hiểu, câu không. Cần gì hiểu hết. Một ít câu thôi. Cũng đủ nung nấu trong lòng tôi một chút ầm áp rồi. Cũng đủ cho tôi hé thấy cái cao vọng thanh niên ra sao rồi.

Thi xong, về tỉnh nhà. Lâu lâu nghe nói Ninh chạy được chút đỉnh

tiền, cho ra báo lại. Rồi nghe Ninh được hai bức lão thành là Phan-Châu-Trình và Phan-Văn-Trường nâng đỡ : một thanh niên hai mươi lăm tuổi được một cụ phó bảng và một cụ tiến sĩ làm hậu thuẫn. Vinh điện biết chừng nào ! Một thanh niên hai mươi lăm đã khêu ngòi mà đốt được ngọn lửa thiêng trong lòng của đứa trai mười lăm là tôi. Mầu nhiệm thay ! Bởi vì, nhìn chung quanh tôi, tôi thấy biết bao nhiêu chàng trai, trang lứa tôi, cũng như tôi, mê mải theo cao vọng.

Nay, bốn mươi năm qua. Con đường Amiral Courbet nơi mà tôi gặp gỡ Nguyễn-an-Ninh trong tinh thần, hãy còn đó. Tên nó lại đổi làm đường Nguyễn-an-Ninh, dường như để nhắc nhở những thế hệ sau này lòng nên nuôi cao vọng. Mỗi lần đi qua, tôi sẽ nhớ đến sự gặp gỡ của tôi, đứa tra nhà quê mười bốn tuổi, với vị thiên thần sống, mà tuổi chỉ có hai mươi tư. Và mỗi lần sẽ nhớ như vậy, là mỗi lần tôi tự trách, đầu đã bạc phều, răng đã long, cầm bút ngót ba mươi lăm năm mà hồn bút nhạt phèo, không rắn rỏi, không quyến rũ, không hấp dẫn không say mê đám thanh niên đọc qua không có cảm giác như đã nốc một chai rượu mạnh, rồi máu chạy mau lên, má đỏ phừng, lòng quên phứt những tầm thường mà tri chỉ nhớ rằng thanh niên phải có cao vọng. Trách mình thật gắt rồi khoan

dung, tôi tìm cách gỡ tội, tự bào chữa rằng mình đã già cõi, máu đã lạnh lòng đã nguội; điện lực không còn để giựt nhảy dựng ai.

Rồi mơ ước, tôi nhìn quanh, tìm những thanh niên hiện nay đang có cái tuổi của Nguyễn-an-Ninh thời đó : hai mươi bốn, hai mươi lăm tuổi. Trong những thanh niên có tuổi đó, ai là kẻ dám đăng đàn diễn thuyết để đòi hỏi một « nền quốc học » ? Ai là kẻ dám cả tiếng kêu gọi thanh niên ngày nay phải có « cao vọng » ? Ai là kẻ định nghĩa được « cao vọng của thanh niên ngày nay » ra thế nào ? Ai là kẻ dám chủ trương một tờ « cái chuông rè », ngày ôm báo mời mọc khách mua, nếu cần thì tranh biện với họ, tối về ngồi trước đèn, nghiền ngẫm, viết bài cho số tới ?

Trong khi tôi tìm những thanh niên có cái « cao vọng » cũ xưa đến bốn mươi năm, tôi chẳng thấy thứ thanh niên đó. Tôi chỉ thấy đường xá đầy nghẹt những xe loáng bóng, những rạp hát với những tranh quảng cáo loè loẹt, những hộp đêm, những phòng trà chi chít hai bên. Đầu óc già nua của tôi từ chối, không chịu chấp nhận những hình ảnh ấy là « cao vọng của thanh niên ngày nay ». Đầu óc già nua của tôi còn vang những câu bằng tiếng Pháp, của Nguyễn-an-Ninh viết trong số độc nhất của *La cloche fêlée* mà tôi được đọc, và tôi

ẤP THẢO ĐIỀN

CHÍN

Hơn nửa giờ bơi quanh co giọc một cái rạch con giữa rừng dừa nước, xuống ghé vào một ngách nhỏ bùn sinh.

Mười Tý reo lên :

— Tới nơi rồi !

Chúng tôi lần lượt bước xuống, tay xách guốc, giày. Quần xắn lên cao, chúng tôi đi cẩn thận trên những bẹ dừa xếp chồng lên nhau làm thành một lối đi dài trên đất phù sa lầy lội.

Tôi nôn nao đến nơi mà chú Tâm Thẻ mỗi khi về xứ là cứ xuýt xoa khen « bà con cô bác thật dễ thương mà cũng thật tội nghiệp ».

Đi loanh quanh trong rừng dừa nước độ năm phút chúng tôi ra đến

bờ ruộng và lọt hẳn vào nhà chú Chín. Chú Tâm Thẻ reo lên.

— Ủa sao gần dữ vậy hả Mười ? Sao thường khi em chẳng đưa chú đi dạy ngả này. Để cho chú phải đến bến dò rồi đi bộ vào đây xa dữ vậy ?

Mười Tý cười :

— Năm thuở mười thì mới có nước ròng dâng cao như vậy, xuống mới vô được ngả này đó chú. Chờ thường ngày thì vô phương vô được. Thôi, chú với các anh chị đi chơi nghe, em về ngay kéo nước ròng; xuống mắc cạ em đây hồng nổi.

Chú Tâm Thẻ giải thích cho chúng tôi nghe :

ngồi chằm lá. Chị Hai thấp người hơi mập tóc búi cao thành một búi thật to nước da đen màu bánh ít ngọt. Chị nhoẻn miệng cười đưa cái răng vàng sáng chói ra khi nghe tôi nói tôi muốn chị dạy cho cách chằm lá. Chị ngồi bệt xuống nền nhà gạch, hai chân co lên cầm gác trên đầu gối. Bàn tay đen bóng thoăn thoắt kết những chiếc lá xanh dài vào nhau.

— Ồi có khó gì đâu chị. Cái bẹ dừa thì mình tước sợi làm dây. Mấy miếng lá thì mình banh ra như vậy. Chồng lên nhau như vậy rồi lấy mấy sợi hồi này làm chỉ may nó lại. Phải nhớ là đầu sợi mình nên vót cho nhọn và cứng để làm kim luôn thề.

Nhà chú Chín không sang trọng như những nhà ở thành phố nhưng không phải là nhà nghèo. Nền lát gạch tàu vách cây nóc lá. Bốn cây cột nhà to bằng một ôm bằng gỗ bầu lằng bóng chia nhà ra làm 3 gian, gian giữa có cái bàn tròn để bình trà và gian bên cũng có bộ ván gỗ. Trong cùng cũng có ba bàn thờ như các nhà.

Mặc dù khát nước tôi không thể dùng được chén nước trà quá nóng vừa mới được đun ở bếp mang lên. Tôi nghĩ bụng sẽ đến uống ở nhà khác nơi nào có nước nguội.

Vừa bước ra khỏi nhà chú Chín, tôi thấy bốn năm cậu bé tuổi từ tám đến mười lăm đang nhảy tung tung gọi nhau :

— Thầy về bây ời. Đi học. Đi học.

Chú Tâm Thề lật đật, kêu một em lại dính chánh là hôm nay chúng chỉ học buổi chiều, nhưng không kịp. Đứa này la lớn gọi đứa kia ời ời chuyện cái tin thầy giáo về đi khắp làng. Trong khoảnh khắc đã thấy lũ nhỏ mấy mươi có cậu vào khoảng từ năm đến mười lăm tuổi, tay cắp vở, tay xách mực, chạy ào ào về phía trường học. Tiếng cha mẹ gọi con

— Cu ời, về đi học. Con Gái, mầy chạy ra ruộng kêu anh Hai mầy về đi học coi.

Thằng Ba gọi má nó :

— Má ời, má xách com ra ruộng cho tia đi, tui đi học bây giờ.

Tất cả chúng tôi đều đứng im, cảm động. Không ai ngờ có những nơi trẻ con lại khát khao đi học như nơi này.

Nguyên nói :

— Trời, sao tui nó ham học dữ vậy. Tôi hồi nhỏ lần nào đi học phải đợi má đánh mấy roi mới chịu đi.

Chú Tâm Thề cho biết lớp vỡ lòng được sáu mươi bảy em. Em nhỏ nhất sáu tuổi và lớn nhất mười lăm.

Chợt Thảo gọi chúng tôi :

— Kia, xem kia, thằng nhỏ coi « ngon lành » không ?

Hướng về phía Thảo chỉ chúng tôi thấy một chú bé con độ năm tuổi,

nước da đen bóng, đang cặp sách chạy lúp xúp về phía trường. Nó mặc chiếc áo sơ mi rằn nâu đã phai màu, để lộ hai cánh tay no tròn. Một tay thì cong lại cặp cuốn tập. Một tay co ngang ngực, thúc cùi chỏ ra sau theo mỗi nhịp chạy của chân. Chiếc áo chẳng gài nút để hở cái ngực và cái bụng cũng đen bóng, no tròn. Ngộ nhất là cặp đùi rần, chắc nịch, đen, co vào, thẳng ra đều đặn theo nhịp chạy lúp xúp. Trông « ngon lành » thật !

— A, thằng bé Tư đó chị. Cừ khôi nhứt làng đó chị — chú Tâm Thẻ chú giải — Chị coi áo chẳng bao giờ cài nút cả. Khi nào mà mấy anh chị về đây nhằm ngày mưa thì mới biết tài cậu ta. Chị ơi nó lặn tròng trọc trên đường sinh chẳng biết nhớp là gì cả. Những lúc ấy mà nó có vật lộn với chú bạn nào thì coi mới dễ sợ. Cả hai ôm nhau lặn tròn tròn dưới mưa, trên đất sinh trơn trượt.

Hèn chi mà cặp đùi chẳng chắc nịch, tròn lẳn và đen thui.

Chúng tôi tiến về phía trường trong những câu chào hỏi mừng rỡ của bà con trong làng

— Chú Năm (1) mới về.

— Chú Năm ghé nhà uống miếng nước. Từ những nhà giàu sang như nhà chú Chín có cột gỗ bầu lẳng có ván gỗ đến nhà nghèo như nhà thằng Nửa, thằng Xi, thằng Tép và nhà thật nghèo như nhà thằng Co. Nhà nào cũng mời

chúng tôi vào uống nước. Tới chừng đó tôi mới tiếc chén nước ở nhà chú Chín vì tuy nước còn nóng mà lại « bảo đảm » hơn. Ở đây hai ba chục nhà mới có một nhà nấu nước trà uống mỗi bữa. Phần nhiều người ta uống toàn thứ nước ngàu ngàu vàng hừng từ những nóc lá cũ khi trời mưa. Té ra nhà chú Chín là một trong ba bốn cái nhà giàu nhất Ấp. Ở đây không thể đào giếng được vì đất gần sông có nhiều *mọi*, nếu đào cạn thì nước sông sẽ theo *mọi* vào dễ dàng và nước giếng sẽ mặn khi đến mùa nước sông mặn. Cần phải đào giếng sâu từ năm mươi thước trở lên, sâu khỏi lòng sông và đặt ống xi măng thì mới mong có nước ngọt mà uống. Mà đó là chuyện viễn vông.

Dân làng cũng theo đường chú Tâm Thẻ về dạy học mà mua thức ăn và mang nước về uống.

Có một điều hay là ở chỗ khó khăn nghèo khổ như vậy thì họ thương nhau, những nhà khá giả có ghe thì đơi tới ngày nước ròng đun ghe đi chở nước về cho cả làng uống. «Đôi» nước như vậy ở bên Cầu Sơn chỉ tốn có hai đồng rưỡi một đôi.

Má thằng Co than :

— Nhà mà không có cái lu thật

(1) Chú Tâm Thẻ (tỏ vẻ kính trọng người miền nam thường kêu theo thứ tự chứ chẳng dám kêu tên sợ vô phép).

là khổ vậy đó chú Năm. Chỉ có nửa cái lu bể này của bà ngoại cháu cho vợ chồng em. Tụi em mua đôi nước nào là uống đôi nước nấy. Mấy lúc nước kém, ghe chẳng được vào rạch dừa, anh phải đi gánh từng đôi một ở bến đò về, trễ cả công ăn việc làm. Nguyên ái ngại hỏi :

— Sao chỉ không đề dành tiền mua cái lu. Tôi nhìn quanh nhà chị vừa lắng nghe câu trả lời. Cái chòi lá vuông độ ba thước đường cạnh, hơi xiêu nghiêng về một bên. Một cái võng lem luốc treo trên một cái giường lùn nhưng xem kỹ chỉ có khung giường còn bên trong là vạt tre. Con « Gái Huệ » độ ba tuổi ngồi chơi với đứa bé mới sanh nằm trong võng. Chúng tôi bốn đứa ngồi trên bộ ván bằng cây. Ngồi vào đã thấy bộ ván gập ghềnh.

— Trời, tụi em có xu nào dành dụm xu đó đề mua đờ nay cây kéo mai cây cột về mà chống cái nhà này lại. Kẻo mùa mưa đây một trận giông lớn cũng đủ lòi cả nhà đi, hay xô nó sập mất.

Ấp Thảo Điền là một cái ấp gồm bảy mươi lăm nóc nhà do chính phủ Ngô đình Diệm tập trung vào. Người ta hứa với dân là sẽ cất cho họ trường học, trạm y tế, đào giếng và nhiều thứ khác.

Bốn trăm người dân cứ kiên nhẫn chờ. Chờ đã hai ba năm rồi mà chẳng thấy chi.

Má thẳng Co tâm sự

— Có một lần con « gái Huệ » nó bệnh nhiều quá, đó chị. Em đánh liều ẵm nó đi bộ ra Thị Nghé. Em nó vậy, nắng gió tưởng chết rồi. May sao ông bác sĩ giỏi quá, cho cái viên thuốc gì mà uống vô là mát ngay.

Chúng tôi đến trường học, chú Tâm Thẻ cho các em biết là chiều mới học vì sáng hôm nay chú Tâm dẫn chúng tôi đi thăm ba má các em. Chú giới thiệu :

— Có anh Năm đây coi mạch giỏi lắm đó các con. Nhà trò nào có người bệnh anh Năm sẽ đến cho thuốc là hết liền.

Đi thăm khắp xóm thì cũng đủ trưa. Chúng tôi ra về trong tiếng hát tiễn đưa của các trẻ em trong làng :

*« Chúng ta là chim bốn phương
bay về đây*

*Về đây chúng ta, sống trong tình
thương*

*Chúng ta là hương gió mang đi
ngàn phương »*

Tiếng hát các em lan dài trên cánh đồng xanh màu mạ nên dù cho bận về không có ghe, phải đi bộ hơn một cây số ra đến bến đò, chúng tôi vẫn thấy lòng thoải mái.

oOo

Năm ngày sau chúng tôi lại nao nức về thăm Thảo Điền. Lần này chúng tôi đi bằng xe đạp và xe gắn máy: Tôi đeo sau lưng cô bạn tình nguyện về đây giúp chú Tâm Thẻ hai lớp ba và tư.

Qua khỏi xa lộ đến con đường dè rộng hơn một thước, sạch sẽ nằm giữa hai thửa ruộng xanh màu mạ non. Hai cột trụ hai bên cổng bước vào ấp trắng xóa nổi bật trên những nóc nhà lá xám lò nhò ở đằng xa. Thấy thì gần mà phải đi quanh hai cây số mới vào đến nơi. Hôm nay vì có một cô bạn nên tôi hơi cực, nhất là gặp chỗ nào đường dè bé lại và gồ ghề. Tôi nghĩ bụng nếu đi được Solex một mình chắc thích lắm. Mạ xanh đẹp quá, gió mát và trời xanh xanh.

Chưa vào mà tôi đã nghe tiếng chào mừng của các em khi bước chân vào cổng ấp rồi.

Cổng làng đây rồi, làng đây rồi, nhà cửa đây rồi, nhưng các em đâu rồi. Sao các em chẳng ra chào chúng tôi? Thiểm Hai, bà Ba thường khi vẫn niềm nở mời chúng tôi vào uống nước sao hôm nay lại ngỗ ngang, ngơ ngác?

Tôi chợt hiểu khi thấy bốn năm người lính mình mang đầy lựu đạn tay cầm súng tay cầm dao găm đi qua đi lại trên con đường chính của làng mặt hầm hè trông thật dữ tợn.

Bà Ba ghé tai tôi nói nhỏ :

— Hồi hôm *mấy ảnh* về cắt hàng rào ấp, vào bắt ông đại diện trói ké lại định cắt cổ. Bà con ở đây xin quá họ mới tha, *Mấy ảnh* còn đòi đốt cái nhà hội. Thôi, khổ quá Chín ơi, mấy ông lớn tuổi trong làng phải đứng ra năn nỉ xin vì sợ cháy luôn cả ấp. Cho nên họ thôi, chỉ kéo cho sập. Cháu vô đó mà coi.

— Dạ cái nhà nào vậy thưa bác?
Tôi hỏi.

— Ờ, cái nhà hội ở gần trường học đó cháu.

Cái nhà mà khi nào có việc gì ông ấp trưởng đánh trống mời bà con lại bàn đó mà.

Tôi tò mò :

— Cái ông trưởng Ấp này chắc là khó thương lắm phải không bác. Chắc ông ăn hiếp dân lắm phải không bác?

— Đâu mà có cháu, ông đâu có muốn làm đại diện. Mà tại anh em đề cử quá phải ra. Làm Ấp trưởng thì có chi đâu mà ăn hiếp ăn đập

— Vậy sao *mấy ảnh* đòi giết ông ta?

— Thì bác có biết *mấy ảnh* muốn gì đâu. Nhờ ông dễ thương nên bà con mới xin tha ông và ông mới khỏi chết đó. Vậy nhưng họ bắt ông phải hứa không làm Ấp trưởng nữa.

Người lính địa phương quân đến
lắng nghe chúng tôi nói.

Tôi hỏi :

— Sáng nay sao bác chẳng đi cấy
hà bác ?

Bác Ba trả lời :

— Bị chuyện hồi hòm thành ra
các ông đây cấm không cho dân ra
khỏi Ấp ngày nay. Chờ khám xét lại.

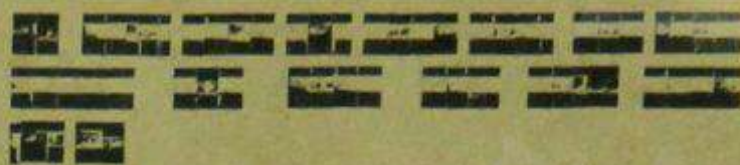
Chúng tôi đi lần vào xóm...

Hai bên đường từ người lớn trẻ
em cho đến thú vật cây cối đều im lìm
xác xơ, ngơ ngác. Vài em chạy lại
nhắm tay chúng tôi, đi theo, im lặng.

Anh tôi trình giấy với người quân
nhàn và hỏi :

— Thưa ông có việc chi vậy ?

— Dạ thưa hồi hòm Việt Cộng về.
Thầy nghĩ coi, phải có *tụi nó* ở đây,
ở chính trong ấp này *tụi nó* mới về
được chớ. Tôi sẽ « *lòi đầu* » *tụi*
nó ra.



Trời vẫn vũ rồi đổ mưa. Ngồi
tường lá của chú Tâm Thề thấp quá,
nước tràn vào ướt cả nền. Khi trời tạnh
chú Tâm Thề và chị Út ở lại đánh một
hồi trống gọi các em vào học còn
chúng tôi ra về.

Tôi dắt xe đi độ hai mươi thước
thì từng khối sinh theo bánh xe dính
vào vè bít nghẹt. Xe chẳng còn lăn
bánh được. Chúng tôi phải đi tìm cái
que cứng để khời bùn ra. Một lúc sau
bánh xe lại đóng cứng không thể dắt
đi. Ra về từ khi chín giờ mà mười một
giờ hơn chúng tôi mới đi khỏi khoảng
đường dẽ. Sinh còn nhiều quá nên
chiếc Solex của tôi đạp hoài chẳng
nổ máy.

Chẳng đón được xe ở Xa lộ nên
tất cả chúng tôi đều phải đi bộ
về Saigon.

Đi bộ thì cũng chẳng sao nhưng
mà những điều mắt thấy tai nghe vừa
rồi khiến cho trời nắng càng nắng
thêm, đường dài càng dài thêm, chân
càng mỏi thêm. Phải chi chúng tôi có
đủ an tĩnh để mà nghĩ đến con sông
và hàng dừa nước xanh mát hôm nọ.

CHÍN

TRÍ NHỚ HOANG VU VÀ KHỎI

HOÀI-KHANH

MỘT đêm kia từ một tỉnh nhỏ ở miền trung có chuyến tàu hỏa khởi hành vô Nam. Đó là một đêm trăng nhưng bầu trời không sáng tỏ lắm. Dường như sương rất nhiều và bầu trời vì thế nhòa đục trong cơn gió tự Trường sơn thổi về nghe như một niềm thê thiết. Chuyến tàu thì dài và chạy rất chậm, rất chậm, rất chậm, Trong toa tàu dường như có một vết thương đang bốc hương ngào ngạt, đang sáng chói, đang chuyển rung theo nhịp điệu ỉ ảm, rầm rập của những bánh sắt đồ xuống con đường dài hiu hắt đã có tự ngàn năm. Vâng, đó là một vết thương. Vết thương thật sự, bởi vì con ong bầu vẽ đã chích vào má chàng thanh niên vào buổi chiều trước khi chàng

bước lên chuyến tàu hỏa về vô Nam. Chàng tên là Vũ. Vũ ngồi đó, rất im lặng. Thỉnh thoảng chàng đưa tay lên sờ nhẹ dưới con mắt trái. Mấy ngón tay chàng nghe một sự mát lạnh khó chịu, đồng lúc có một cái gì cân cần nhưng nhức dăng lên. Chàng khẽ xuyết xoa và bỏ bàn tay xuống. Tự nhiên chàng cúi thấp đầu xuống. Chàng cảm thấy như tất cả những cặp mắt trong toa tàu đều đổ dồn về nhìn chàng. Chàng nghe thấy ở cổ họng mình như có một cái gì ứ nghẹn. Chàng muốn biến mất ngay. Nhưng thực ra có ai chú ý đến chàng đâu. Chẳng thế mà trong toa tàu đã nổi lên tiếng ngáy ngủ đều đều cùng với tiếng gió rít qua cửa nghe đều đặn, nhịp nhàng, hòa điệu với những bánh xe lăn thỉnh

thoảng rú lên khi chuyển tàu từ chỗ rậm kín chạy ra khoảng trống hoặc lướt qua một khúc quanh. Rừng trùng trùng cứ tiếp tục bỏ lại đằng sau. Và vết thương kia như đã thực sự thắp sáng cả toa tàu và thắp sáng cả bầu trời mờ đục ánh trăng sương. Có thể nào một vết thương làm mất đi cái hình thể đã mang vết thương đó? Thực ra thì Vũ vẫn còn ngồi đó một góc trong toa tàu hạng ba đầy những người. Chàng giương cặp mắt nặng nhọc nhìn ra cửa. Những cuộn khói bay đi trong một đêm trăng mờ mờ như đêm nay cùng với tốc độ của chuyển tàu lướt tới thì thật ra đó không phải là khói nữa. Đó là hình ảnh hư hư thực thực của cuộc đời. Tự nhiên Vũ muốn mình được là khói. Những sợi khói chỉ một đêm nay. Để bay đi. Về đâu?. Để tan biến chẳng? Để quên hết đời sống của mình trong những tháng ngày đã cũ chẳng? Nhưng khói đã bay rồi và Vũ thì vẫn còn ngồi đó. Một cách co ro. Một cách không làm sao diễn tả được. Nhưng Vũ biết rằng một lát nữa thôi, khói lại từng đợt bay đi. Vũ ơi, sao mi vẫn còn ngồi đó. Ngày mai còn xa lắm phải không nhưng hôm qua những thoáng hiện chớp chờn, những khắc khoải, âu lo vẫn còn nguyên vẹn, đầy tròn để cho vết thương đêm nay thêm phần cay đắng. Rồi mi sẽ làm gì ở một thành phố lạ với một vết thương? Dù là một vết thương nhẹ. Con ong chỉ chích một cái thôi mà.

Và cái nỗi im lặng huyền hoặc trong toa tàu mà Vũ đang ôm ấp, đang muốn tan biến đi trong đó, chợt vỡ ra, một cách dịu dàng như mặt hồ chợt xao động, khi có tiếng nói của người. Đó là tiếng nói của một cô gái, thanh thanh, dịu dịu, quen quen và Vũ đã bừng tỉnh. Và vết thương kia cũng tan biến đâu mất.

— Toa dưới kia bị xét giấy.

Tự nhiên cả toa tàu đều nhao nhao lên, tiếng cựa mình vươn vai, tiếng ngáp dài của một ông lão và giọng nhura nhura khàn khàn.

— Xét với xung làm chi cho mệt.

Có tiếng đáp lại:

— Đừng có ngứa miệng nói bậy mà mang họa!

MẤY con gà bị nhốt trong giỏ nghe tiếng động vùng dậy đập lẫn nhau kêu oác oác. Một cụ già bắt diêm đốt thuốc, lúc đó cô gái bước trở tới trước mặt Vũ. Hốt nhiên Vũ nghe một tiếng thét lạnh lạnh trong cùng tận linh hồn mình. Hay là tiếng còi tàu rú lên khi đến gần một ga xép cùng lúc đó? Thật ra thì que diêm đã bật lên rồi. Đã cháy rồi. Và chỉ một thoáng thôi, Vũ biết rằng mình đã hồi sinh. Nhưng mà vết thương vẫn còn đó, bởi vì bàn tay Vũ lại rờ lên phía dưới mắt trái. Không hiểu tại sao. Trong lúc chơi với tâm thần định hỏi lại

mình chẳng, hay là để vuốt ve cho qua nốt một đêm trên một chuyến tàu rất dài chạy rất chậm, rất chậm, rất chậm... Bầu trời vẫn ánh trắng mờ huyền hoặc giải lên khỏi rừng đen sì như lùi lại đằng sau. Thỉnh thoảng cơn gió ủa vào toa tàu nghe lạnh mát cả người. Vũ thấy cái đóm thuốc của ông lão ngồi đối diện như một vì sao càng lúc càng sáng lóe lên như một chiếc vung lớn dần phủ xuống cả chuyến tàu, cả khoảng núi rừng trùng điệp và cả những ý nghĩ chập chờn, leo lét của Vũ.

Sau cùng, không hiểu sao Vũ lại dám nói với cô gái :

— «Cô cứ ngồi vào góc kia đi. Có bác đây bảo lãnh dùm cho không sao đâu. Tôi cũng nhờ bác đó. Tôi cũng... vậy mà... »

Vũ định nói rõ nhưng thấy không tiện đành thôi. Thật ra thì Vũ nhờ người soát vé bảo lãnh thật. Đó là bác Tư mà người bạn của Vũ mới giới thiệu vài giờ trước khi lên tàu. Khi lên tàu Vũ định nói chuyện với bác Tư nhiều hơn để tìm hiểu và cũng để cho quen biết nhau hơn nhưng... thôi mà nhắc làm chi. *Con ông chỉ thích một cái thôi mà.* Vậy là giữa hai người như một kẻ lạ. Hơn nữa, bác Tư lại có một cô con gái cùng đi với bác. Và điều đó đã làm Vũ đau đớn còn hơn nơi chỗ sưng lên. Thật ra có phải Vũ e thẹn vì sự có mặt của cô gái con bác Tư

đâu. Phải nói rằng Vũ cảm thấy nhục nhã mới đúng hơn. Nhưng rồi tiếng nói đã vọng lên và que diêm đã bật cháy rồi. Vũ đâu còn miễn man nghĩ đến ai nữa. *Que diêm đã bật cháy rồi. Thôi. Cứ ngồi đây. Như cầm. Như không hề thấy. Như đã là những sợi khói bay đi trong sương khuya huyền hoặc. Em cũng trở về thành phố sao. Chắc em không thể nào nhận ra anh. Thôi em cứ ngồi vào góc đó đi. Cứ ngồi xuống đi em. Ta gặp nhau như thế này là quá đủ. Còn gì em phải biết có anh ở trên một chuyến tàu chạy rất chậm, rất chậm, rất chậm, như thế này. Que diêm đã bật cháy rồi. Cũng như que diêm anh đã hồi sinh. Nhưng cũng như que diêm, anh chỉ hồi sinh được trong khoảnh khắc thôi. Như mắt em khẽ chớp một hôm nào trong rừng tranh xào xạc nắng ngáy trưa. Hãy ngồi xuống đi em. Cho anh được ngắm nhìn lại quá khứ của mình dù quá khứ rất mỏng manh. Nhưng vẫn là quá khứ với những năm tháng thấy dài hơn sự sống. Thấy điệp lặng hồn chiều thao thiết nhớ quê hương. Nhớ thành phố, con sông anh đã lớn lên với bao nỗi vui, buồn. Nhưng khi bước chân về thành phố quê hương, anh lại phải ra đi. Để đến một thành phố xa lạ khác. Để làm gì. Không hiểu được. Để sống ở đó và tâm hồn luôn vọng về một nẻo nào xa vắng : Quê hương. Và em nữa chớ. Phải không Liêu. Làm sao anh*

không nhớ Liêu cho được. Bởi vì trong một giây phút thiêng liêng nào đó ta trót gặp nhau, nhìn nhau, thì khoảng không-thời-gian đó sẽ mãi đứng lại muốn đời trong bốn con mắt, trong hai trái tim và trong nỗi thao thức không cùng của con sông đi những bãi triều mòn mỏi suốt thiên thu. Em hãy ngồi xuống đó đi Liêu. Ngồi xuống đi em và hãy lắng nghe trái tim mình đập như tự thuở nào. Nhưng làm sao em biết anh có mặt ở trên chuyến tàu này. Nó dài lắm phải không. Và chạy rất chậm. Nhưng làm sao anh dám nói với em là chính anh đang ngồi trước mặt em. Đang nói với em. Có lẽ vì anh đã mang một vết thương rồi. Liêu ơi, ai sinh ra đời mà lại không mang một vết thương. Anh hèn nhát quá phải không. Anh ích kỷ quá phải không. Tất cả những gì xấu xa anh xin nhận lãnh. Nếu sau này linh hồn em sẽ bừng hiện mà nói cùng em rằng đêm hôm đó... trên chuyến tàu vô Nam đó, chính là anh. Anh đang ngồi cùng em trên một chuyến tàu để cùng xa cách quê hương. Nhưng thực ra chính vì muốn gìn giữ một cái gì... mà anh đành câm lặng. Ai sinh ra đời mà không mang một vết thương. Anh có sợ gì vết thương đâu. Chỉ sợ linh hồn em đau xót. Thế thôi. Chắc gì sau này ta sẽ gặp nhau. Nhưng thôi. Liêu ơi. Để anh cố quên...

— Không sao đâu em, có qua đây, cứ ngồi xuống băng đi.

Bác Tư nói, « Có quen với cậu đó hả » bác Tư chỉ đến Vũ. Cô gái ngồi nhìn sững sờ không biết đầu đuôi ra sao và có về e then.

Vũ vội nói, không quên đưa bàn tay xòe phủ lên phía má trái :

— Chắc cô ấy cũng ở trong tình cảnh như cháu, bác làm ơn giúp cho cô ta.

Bác Tư là người kiểm soát vé xe, nhân dịp nghỉ phép về thăm bà con. Bạn Vũ là cháu của bác liền giới thiệu nhờ bác đưa Vũ vào một tỉnh ở miền Nam nơi đó Vũ có người bà con. Bởi Vũ mới tản cư về thiếu giấy tờ hợp pháp ở dưới này. Cũng may mà Vũ gặp bác Tư. Bác thật là tốt và hiền lành. Dù tuổi già bác vẫn còn có một nụ cười thật tươi và phúc hậu nữa là khác.

Cô gái không hiểu sao Vũ lại ra tay giúp cô ta làm chi vậy. Có mục đích gì chẳng ? Khi ngồi xuống một góc rồi cô ta mới định thần nhìn kỹ vào Vũ và bác Tư. Cả hai đều xa lạ. Bỗng dưng lại đòi cứu giúp cô. Thật là lạ. Cô đang phân vân tự hỏi thì viên kiểm soát đến. Y rọi ngọn đèn pin từ góc này đến góc kia, hỏi giấy người này người nọ.

Bác Tư liền chỉ vào Vũ và cô gái, nói :

— Ông anh ơi, đây là hai đứa cháu của tôi. Tản cư mới về. Tôi đưa về trông xin giấy tờ.

Khi ngọn đèn pin của viên kiểm soát rọi qua khắp toa tàu một lần nữa và bóng y khuất sau cánh cửa mở ở toa sau, cô gái bỗng có một cảm giác bàng hoàng, e thẹn và nỗi tủi hổ xót xa như chận đứng ở ngực nàng. Trước mặt nàng chàng thanh niên kia — Vũ — như là một điều gì không sao hiểu được. Nàng tự hỏi đó là một người tàn tật chăng ? Khuôn mặt không có vẻ gì bình thường như mọi người. Nơi má trái dưới con mắt sưng lên no tròn bóng lưỡng, con mắt bị hip lại như mắt heo nhắm lại nhưng lại phồng lên. Cái mặt như thế thoát trông vừa thấy dễ sợ vừa thấy lấy làm lạ không hiểu tại sao. Bởi vì nếu bị thương sao không thấy băng bó gì cả mà cũng không có một tí thuốc đỏ nào cả. Cỗ tàn tật chăng ? Cô gái chưa bao giờ thấy một người nào bị tật lạ kỳ như vậy. Thế mà đây là vị ân nhân của nàng. Vài phút sau khi viên kiểm soát đi qua, cô gái quay mình lại nhìn ra ngoài khung cửa. Cùng lúc con tàu chạy chậm lại và một hồi còi lạnh lạnh thét lên giữa đêm khuya. Ánh trăng vẫn mờ nhạt càng huyền ảo hơn khi cô gái nhìn thấy những sợi khói bay dọc theo toa tàu. Và một điều mà cô gái cảm thấy mạnh hơn hết trong lúc này là chuyến tàu chạy quá chậm. Nàng muốn lúc này nó đến ngay nơi nàng định xuống. Nàng muốn làm một người vong ân, không biết đến ai và

chạy đi mất. Thế là xong. Khởi cần ai ngại vắn vơ gì cả. Bảy giờ chàng thanh niên đã đi đến ngồi một góc khác sàu khi thương lượng với một người đã ngồi ở đó. Như vậy chàng ngồi ở một góc lệch với nàng. Và như thế nàng không sao nhìn thấy khuôn mặt kỳ dị của chàng thanh niên đó nữa. Nàng tự hỏi : « Có phải y lẩn trốn mình không ? » « Như thế càng đỡ cho mình » Bởi vì nhìn vào cái mặt đó không ai mà không tự hỏi điều này lẽ nọ cho được. « Nhất là y lại đã giúp mình. Thời buổi này có được một người giúp mình đâu phải là một chuyện thông thường. Thôi. Cũng xong. Cứ ngủ một giấc cho khỏe. »

THAY đổi chỗ rồi, tâm hồn Vũ mới cảm thấy lắng xuống để nghĩ đến một cái gì hiện không có ở đây và cũng không làm sao có thể có được ở đây. Nhưng nó đã có trong ý nghĩ đuổi bắt, hồi tưởng của chàng ngay trên toa tàu hạng ba đông đảo này. Bởi vì ngay tại nơi đây vết thương ~~chàng~~ chàng bừng lên qua sự thôi thúc của một vết thương sâu hơn, kin đáo hơn. Vết thương ấy đã kết thành từ ngày chàng còn lạc lõng bơ vơ ở vùng rừng núi miền Trung nước Việt thân yêu. Những đời tranh. Những rù cát. Những tháng ngày chờ đợi.... tưởng không bao giờ người ấy cũng chỉ để vọng về một nẻo không gian quen thuộc : Quê hương. Và quê hương ơi,

trong lòng chàng cũng đã trở thành là một vết thương sâu thẳm, kín thẳm và còn mãi như què hương đã mang trong nỗi buồn gục ngã của bao mái đầu xanh. Tự nhiên Vũ nhớ đến Alan Paton, một nhà văn Nam Phi, gốc người Anh nhưng lại đứng vào hàng ngũ những người Nam Phi da đen chống lại nạn kỳ thị chủng tộc. « Hãy khóc đi hồi què hương thân yêu » đó là nhan đề một cuốn tiểu thuyết lớn của Alan Paton mà Vũ, cũng như Alan Paton, muốn gào thét lên cho nhân gian biết rằng « Què hương đang khóc than đó » các người con của què hương sẽ làm gì ? *« Hãy khóc đi hồi què hương thân yêu » Hãy khóc đi Liêu. Hãy khóc đi Vũ. Vì ít lâu nữa chuyến tàu sẽ đến nơi chúng ta muốn. Và anh sẽ bước đi. Em sẽ bước đi. Trên mặt đất bơ phờ, xa lạ. Trần gian muôn đời vẫn là trần gian chung. Nhưng Liêu ơi, em muôn đời vẫn là của riêng anh. Dù một lát nữa thôi. Anh sẽ bước đi. Em sẽ bước đi. Trên một thành phố xa lạ. Dáng điệu bơ phờ, mỗi một. « Hãy khóc đi hồi què hương thân yêu ».*

GIỮ A vùng rừng núi miền Trung, một buổi trưa nắng chàng thanh niên lầm lũi bước đi. Nắng trưa gay gắt xuyên qua kẽ lá rừng cây phản chiếu lại những giọt sương long lanh trên cành lá khiến khu rừng như một biển kim cương lấp lánh, lấp lánh. Con đường mòn cát lún xuống dưới

bước chân nặng nề cơ hồ như rời rã của chàng. Bởi vì chàng đã bách bộ từ sớm tinh sương cho đến giờ. Một công tác khẩn cấp mà chàng phải thi hành. Và chàng đã đến khu rừng này vào một buổi trưa. Nắng tuy chói chang nhưng nhờ cây rừng rậm rạp hai bên nên không nóng bức mấy. Thỉnh thoảng đôi tranh nghiêng ngả như những đợt sóng nhấp nhô và một làn gió thật mát rượi thật khỏe khoắn thổi đến người chàng. Phấn khởi chàng hát lên và khu rừng đã hoang vắng như lại càng đứng lặng bất động chỉ còn tiếng hát vui tươi của chàng vọng lên như để cùng hòa điệu với tiếng chim riu rít vang lừng.

Qua khỏi khúc quanh khu rừng rậm là đến một đồi tranh với rừng chồi bát ngát chạy thẳng về chân núi Tà lung phía phải. Trước mặt chàng con đường cát đỏ thẳng tắp hiện ra với ánh nắng chói chang như vừa thoát được sự kìm hãm của cây rừng, nắng sáng hồng lên với con đường đỏ, với rừng tranh vàng úa, với cơn gió hiu hiu như từ một cõi nào xưa cũ lắm thổi về đây. Hốt nhiên chàng đứng khựng lại. Đối diện với chàng ở cuối đường bỗng sừng sững hiện lên hình bóng một người con gái. Nàng chỉ mặc bộ đồ bà ba đen. Thật giản dị. Nhưng hai con mắt. Hai con mắt diệu vợi và sâu trầm. Và đôi má như hồng lên với màu cát đỏ dưới chân thon với màu vàng úa của rừng

tranh già cối và nhất là với màu nắng gió như của một cối nào xưa cũ lắm rồi về đây. Nàng thật mảnh mai. Vậy mà một mình giữa khu rừng hoang vắng. Nàng mang một chiếc xác. Vậy thì thêm một hình ảnh đẹp nữa. Nàng đi khâu vá vết thương cho những kẻ «nguyên đi khâu vá cơ hàn mai sau». Như thế làm sao một kẻ mới tập tễnh làm thơ như Vũ không thấy cối lòng bồn chồn cho được. Chàng đứng lại một lát lâu. Hai bàn chân như mỗi lúc lún sâu dưới cát mềm. Nàng cũng đứng lại một lúc nhìn chàng, bàn tay phải vịn vào chiếc xác ngang hông, bàn tay trái đưa lên gạt nhẹ mái tóc dài bay tung ra trước, bởi một cơn gió mạnh từ sau lưng nàng thỉnh thoảng đến. Nàng thật là mảnh mai.

THẾ là Vũ đành phải quay trở lại. Thế là Vũ đã thua. Nhưng thua một người con gái còn nghìn lần hơn thua kẻ thù dân tộc có phải không. Vũ cứ bước đi. Nàng cứ bước đi. Thỉnh thoảng mái tóc dài tới thắt lưng của nàng vút tung lên như đàn chim sẽ bị tiếng động vút bay tung lên. Lũ thú theo người con gái được một đoạn đường khá xa thì Vũ bỗng sực nhớ đến phận sự mình. Cũng đến hơn hai cây số là ít. Đến trước đoạn rừng sâu tối hơn quẹo về phía trái, cô gái bèn đứng lại và quay hẳn người lại. Nàng đứng đó. Như một bức tượng uy nghi. Bốn con mắt có dịp phản kích lẫn nhau. Vũ cũng đứng lại và gương

cặp mắt không chớp. Có lẽ đó là lần thứ nhất trong đời chàng thấy mình quá can đảm như vậy. Từ bao giờ đối với những người con gái, chàng chỉ «lẻo đẻo» theo sau và khi bắt gặp người ta ngoảnh lại thì hối hả quay đi, y như một kẻ trộm tên tò bị bắt giữa đám đông. Có gì lạ lắm đâu. Bởi vì người con gái đẹp quá. Và cái không khí «ngây trưa» của rừng tranh bát ngát đã làm tăng thêm sự can đảm cho Vũ không ít. Thật ra thì trong tâm hồn của Vũ lúc đó như đã say. Đã chín mùi đến cái độ phải rung xuống. Nghĩa là cứ lẻo đẻo theo sau người con gái mà không biết tại vì sao. Nhưng rồi cơn say cũng phải tỉnh. Và Vũ đành đứng lại khi bóng người con gái khuất dần vào khu rừng sâu tối. Nàng đã nhìn Vũ thật lâu. Bốn con mắt. Đó là một điều kỳ bí.

PHẢI đi trở lại đoạn đường vắng vẻ khá xa lần thứ hai với một tâm trạng nôn nao, mất mát, tiếc nhớ, khiến bước chân chàng như sâu lún dưới cát mềm. Đến phút này chàng mới cảm thấy ở cổ mình như bị nóng bỏng. Nhưng đến đoạn đường mà người con gái bỗng hiện diện, chàng không quên nhìn xuống dưới đường để tìm kiếm dấu chân nàng. Sau này, hồi tưởng lại chàng đã có dịp viết một bài thơ về dấu chân trên cát đỏ. Bây giờ thì chàng không

nhớ gì. Nhưng lúc chàng viết, đó là một bài thơ có vần điệu dàng hoàng. Đại ý diễn tả nỗi tiếc nhớ, mất mát về cái hình ảnh bàn chân in trên cát sẽ bị chôn vùi trong quên lãng của thời gian. Nhưng không làm sao quên được, bởi vì một lần những bàn chân thật sự bằng máu xương hồi hộp, rung chuyển đã dẫm lên đó. Đoạn kết bài thơ còn nói đến một hình ảnh bi đát của cuộc đời. Đó là một bàn chân của một người con gái tuyệt đẹp dẫm lên cát lẫn lộn với những dấu chân cộp giữa khu rừng hoang vắng được nổi tiếng là nơi nhiều cộp hơn hết ở vùng đó. Bây giờ và cả lúc viết bài thơ đó, Vũ cũng không làm sao diễn tả được cái tâm trạng của mình khi thấy bàn chân cộp năm móng sắc bén in bên cạnh bàn chân năm ngón thon muốt dịu dàng và cái gót chân hẹp lại ở phía sau một cách tròn trịa. Một cách không gì quên được. Nhưng mà hiện giờ thì bài thơ đó Vũ đã quên. Chàng chỉ còn máng máng nhớ lại hình ảnh hoang vu của khu rừng vắng vẻ và những dấu chân. Và hồn con mắt. Đó là một điều kỳ bí...

VÀ chuyến tàu rất dài qua đêm trăng mờ huyền hoặc đêm nay cứ chạy mãi không ngừng. Nhưng chạy với một tốc độ — mà theo Vũ — thì rất chậm, rất chậm, rất chậm, rất chậm...

Anh Vũ,

Tự kèm chế lòng mình mãi nhưng rồi sau cùng em cũng phải viết cho anh bức thư này. Thật ra thì đối với anh, em chỉ là một kẻ lạ, chỉ gặp nhau một lần có gì mà phải thư với từ cho nó mệt ra. Trong khi chúng ta còn phải làm một cái gì cho quê hương đang ngút ngàn lửa khói. Và giấc Pháp vẫn còn trên xừ sở thân yêu của chúng ta có phải không anh?

Nhưng em phải nói rằng em đã có dịp biết anh và nghe nói đến anh nhiều lắm. Chắc anh làm gì nhớ đến em trước khoảng thời gian gặp gỡ giữa rừng tranh. Để em sẽ nhắc cho anh rõ.

Anh còn nhớ cái đêm mà mấy người bạn đưa anh vào nhà má Tám ở Tà Dương không? Đêm đó em đã nghe thấy cái hơi nóng ấm áp của thân thể anh. Đó là lần đầu tiên trong đời em. Bây giờ anh nhớ ra rồi chứ? Anh bị bệnh thông manh nên về đêm cặp mắt không trông thấy được gì. Đêm đó kẻ thù bỗng làm cho chúng ta gần nhau hơn. Đôi khi kẻ thù cũng có ích chứ anh nhỉ. Đại bác ở đồn Ma làm bắn lên vùng chúng ta trú ngụ. Và dù muốn dù không em phải dắt anh chạy ra hầm trú ẩn.

Lúc đó mà anh cũng e thẹn nữa chứ. Rõ là thi nhân có khác. Em phải giục anh, anh mới nắm chặt tay em và hai đứa mình chun xuống hầm trú ẩn trong khi đại bác nổ vang rền ở xung quanh. Thật ra, lúc đó, trong lòng em cũng đã nổ tung. Chỉ cần... Nhưng sợ anh hiểu lầm. Sao anh điềm tỉnh, đứng đưng thế nhỉ. Vậy mà anh lại làm thơ. Cũng lạ. Nhưng em không trách gì anh, bởi vì em cũng nghĩ đến cặp mắt mở to mà bóng tối vẫn là bóng tối, đó là một điều mà chính em cũng không sao chịu nổi. Chỉ thiếu sinh tố thôi mà. Đôi khi những điều vụn vặt như thế cũng làm cho đời sống đau khổ nhiều hơn. Và quê hương nữa. Sao những bài thơ của anh thường nói đến hai chữ Quê Hương thế nhỉ. Quê hương bây giờ đã bốc khói. Và chúng ta sống ở đây, nơi cuối bãi đầu ghềnh để từng đêm nghe trong cơn gió hắt hiu tự chốn nào thổi về vì vút bên tai như nhắc nhở cái tên quen thuộc : Quê hương ! Quê hương !

Anh Vũ ơi,

Thế là từ đây anh đã biết em rồi đó. Nhưng từ đây anh cũng sẽ mất em trong cái xung động bốn bên của xóm làng lửa khói. Anh hãy quên em đi. Nếu cần, anh sẽ nhớ đến em qua hình ảnh

« rừng tranh khởi nắng ngày trưa », vậy là quá đủ rồi. Được thư này, chắc anh không thể nào gặp em nữa. Giữa những cuộc riêng, chung rời rã, đôi khi người ta cũng phải biết mím môi lại để quên đi những nỗi niềm riêng... Phần em, suốt đời, em sẽ nhớ mãi cái buổi trưa hôm đó. Em sẽ mang theo làm vốn liếng....,

Thư đã quá dài phải không anh. Nhưng anh hãy đọc lại đi nhà. Nếu cần thì đọc mãi suốt một đời mình. Nếu cần thì quên phứt đi. Riêng em thì vẫn là em. Nghĩa là chỉ thực sự làm thân con gái vào một buổi trưa. Ôi một buổi trưa hui hắt và nghìn trùng đến thế.

Thôi xin tạm biệt (hay vĩnh biệt) cùng anh.

Lê thị Hằng Liêu

oOo

GIỮ A những tiếng ồn ào rầm rập của những bánh xe lăn, Vũ vẫn cảm thấy bức thư của Liêu thành ra một tiếng động lớn hơn và dần phủ xuống thân thể chàng. Chàng thu hình lại, như cố che dấu cái khuôn mặt của mình. Nhưng người con gái bây giờ đã khuất lấp, bởi cách một góc chéo giữa toa tàu đầy ắp những người, hành lý, gà vịt, cá mắm .

Chàng đưa tay lên sờ vào phía dưới mắt trái. Chàng không còn có cảm giác gì nữa cả. Tất cả chỉ còn lại một sự tê nhừ. Tất cả chỉ còn lại một chuyến tàu chạy rất chậm, rất chậm, rất chậm. Vũ lầm thầm : « Nếu cần thì sẽ đọc mãi suốt một đời mình ». *Vâng, anh sẽ đọc mãi mãi bức thư suốt một đời mình.*

Trong cái tâm trạng mệt mỏi, tê nhừ và sần sượng cùng khắp thân thể, phút giây đó Vũ muốn mình biến thành những sợi khói. «Vâng, những sợi khói chỉ một đêm nay».

HOÀI KHANH

Cáo lỗi

Vào giờ chót vì lý do ngoài ý muốn của toà soạn nên phải gác lại truyện ngắn « Cuối đường » của Võ Hồng ở trang 34—43. Để thay vào đó—vì không thể để 10 trang trắng được, nên Hoài Khanh phải viết vội vàng một truyện ngắn khác bù vào chỗ trống đó

Toà soạn G.T.Q.M. xin cáo lỗi cùng tác giả Võ Hồng và bạn đọc.

BÁCH KHOA THỜI ĐẠI

Phát hành ngày 1 và 15 mỗi tháng
BÁN NGUYỆT SAN NGHỊ LUẬN VĂN NGHỆ

NHÀ XUẤT BẢN LÁ BỒI

Đã phát hành những tác phẩm các bạn mong đợi

- **BÔNG HỒNG CÀI ÁO** của Nhất Hạnh
(in lần thứ hai) giá 10 đồng
- **TÌNH NGƯỜI** của Tâm Quán
(in lần thứ hai) 152 trang, giá 36 đồng
- **CÂU CHUYỆN CỦA DÒNG SÔNG** của Herrmann Hesse
giải văn chương Nobel, bản dịch của Phùng Khánh và Phùng Thăng
240 trang, giá 50 đồng
- **ĐẠO PHẬT NGÀY NAY** của Nhất Hạnh
(in lần thứ ba) 146 trang, giá 45 đồng
- Sách sẽ được gửi bảo đảm đến nơi nếu quý độc giả ở xa.
Thư từ và tác phẩm xin gửi về THANH TUỆ.
Bưu phiếu xin đề Ông TRƯƠNG PHÚ, hộp thư 935. Sài Gòn.

Hồ sơ văn nghệ

VĂN CHƯƠNG KỊCH TIỀN PHONG VÀ... CHÚNG TA

TAM ÍCH

Những vấn đề văn nghệ âu mỹ thì nhiều lắm, nhưng vào giữa thế kỷ hai mươi có hai vấn đề lớn trong một số vấn đề lớn khác : là vấn đề *văn chương kịch tiên phong* (littérature dramatique d'avant-garde) và vấn đề *tiểu thuyết mới* (nouveau roman). Tôi xin nói về vấn đề trên trước : nói nó là một vấn đề cũng được mà nói nó là một hiện tượng văn nghệ cũng được : nó đang trưởng thành ở Âu Mỹ.

Nó phát sinh vất vả lắm. Nhưng tới lúc trưởng thành thì nó lại chóng... lớn : nó lớn vùn vụt, lớn ngang tầm nhận định và tầm thông minh của người âu mỹ, nhưng tốc lực trưởng thành của nó lại đi quá tầm thông minh và hiểu biết của người Việt Nam — nói trí thức giới Việt Nam thì đúng hơn. Nói vậy bởi vì thế nào rồi nó cũng.. qua đây, cũng như ngày xưa những chủ

nghĩa lãng mạn, tả chân... đã qua với ông bà chúng ta với chính chúng ta vậy : hiện thời «hành trình» của nó qua Việt Nam đang dè dặt — có thể nói là chưa có hình bóng nó thì đúng hơn — nhưng ở Đông Kinh bên Nhật bốn chẳng hạn thì nó đã nghênh ngang và có vị trí rồi !

Lãnh tụ văn nghệ của phong trào văn nghệ kịch tiên phong ở Pháp là các kịch gia Ionesco, Adamov, Beckett, vân vân. Những vở kịch điển hình của nó là : *En attendant Godot* của Samuel Beckett, *La cantatrice chauve*, *Les chaises*, vân vân, của Eugène Ionesco, vân vân. Cũng nên thêm *Le balcon* chẳng hạn của Jean Genêt là một kịch gia thi gia văn gia được Jean Paul Sartre thương lắm, quý lắm... Cách đây chừng năm mươi năm, khi Beckett và Ionesco... viết xong kịch của họ và đưa cho

Hồ sơ văn nghệ

VĂN CHƯƠNG KỊCH TIỀN PHONG VÀ... CHÚNG TA

TAM ÍCH

Những vấn đề văn nghệ âu mỹ thì nhiều lắm, nhưng vào giữa thế kỷ hai mươi có hai vấn đề lớn trong một số vấn đề lớn khác : là vấn đề *văn chương kịch tiên phong* (littérature dramatique d'avant-garde) và vấn đề *tiểu thuyết mới* (nouveau roman). Tôi xin nói về vấn đề trên trước : nói nó là một vấn đề cũng được mà nói nó là một hiện tượng văn nghệ cũng được : nó đang trưởng thành ở Âu Mỹ.

Nó phát sinh vất vả lắm. Nhưng tới lúc trưởng thành thì nó lại chóng... lớn : nó lớn vùn vụt, lớn ngang tầm nhận định và tầm thông minh của người âu mỹ, nhưng tốc lực trưởng thành của nó lại đi quá tầm thông minh và hiểu biết của người Việt Nam — nói trí thức giới Việt Nam thì đúng hơn. Nói vậy bởi vì thế nào rồi nó cũng.. qua đây, cũng như ngày xưa những chủ

nghĩa lãng mạn, tả chân... đã qua với ông bà chúng ta với chính chúng ta vậy : hiện thời «hành trình» của nó qua Việt Nam đang dè dặt — có thể nói là chưa có hình bóng nó thì đúng hơn — nhưng ở Đông Kinh bên Nhật bôn chằng hạn thì nó đã nghênh ngang và có vị trí rồi !

Lãnh tụ văn nghệ của phong trào văn nghệ kịch tiên phong ở Pháp là các kịch gia Ionesco, Adamov, Beckett, vân vân. Những vở kịch điển hình của nó là : *En attendant Godot* của Samuel Beckett, *La cantatrice chauve*, *Les chaises*, vân vân, của Eugène Ionesco, vân vân. Cũng nên thêm *Le balcon* chẳng hạn của Jean Genêt, là một kịch gia thi gia văn gia được Jean Paul Sartre thương lắm, quý lắm... Cách đây chừng năm mươi năm, khi Beckett và Ionesco... viết xong kịch của họ và đưa cho

chiến tranh và viễn ảnh một cuộc tự sát đã làm họ không tin tưởng ở giá trị của thứ tự có sẵn — ordre établi — dù là thứ tự văn hóa. Họ tìm cái mới để tìm những giây phút lạ cho tâm hồn — lối thoát của vài giờ cũng vẫn là lối thoát. Đồng thời tiềm thức của họ cũng phản ứng lại những giá trị văn nghệ (valeurs artistique) truyền thống đã không làm đủ vai trò xã hội và lịch sử (mission sociale et historique) của văn nghệ. Tiềm thức họ nói với họ: tưởng đâu nghệ thuật truyền thống và cổ điển đã tham dự vào việc xây dựng một xã hội có công lý và thái bình, nào có ai dè: ai cũng như ai, gì cũng như gì... Tiềm thức nói kín đáo và nói nhỏ cho nên chủ quan không nghe hết lời « tâm sự » của tiềm thức. Một sớm, thói quen văn nghệ tiên phong thành một phong trào và đóng vai trò của nó: lối cuốn. Thời trang (mode) và sự « a dua » (snobisme) can thiệp vào nữa... Đã vậy, sự khủng hoảng về tâm hồn, sự xao xuyến (angoisse metaphysique) nấp trong chỗ sâu nhất xa nhất của tâm hồn lại được những vở kịch tiên phong giải quyết cho một phần lớn.

Và đồng thời, một trong những phương diện tâm lý chủ quan cũng đã góp phần cho kịch tiên phong phi lý và bí hiểm ấy này nở vùn vụt một cách dễ dàng. Những dân tộc Âu Mỹ là những dân tộc thừa thãi về... dân chủ, về văn minh...: họ có dư không — thời-gian — nếu có thể nói vậy — và có dư cả tiềm lực nhân sinh — tiềm lực chìm

cũng như tiềm lực nổi — đề hưởng thụ, đề thưởng ngoạn về nghệ thuật... Con người dư dật và thừa thãi... thường là con người sắm đồ trang sức và xa xỉ phẩm: Françoise Sagan hay Ionesco... hay những bức tranh lập thể và phi hình dung (non-figuratif), đối với họ có thể là những món đồ xa xỉ phẩm về văn nghệ: một cuốn *Bonjour tristesse* hay một vở kịch đầu voi đuôi chuột *Les chaises* của Ionesco chẳng hạn lấp cho họ những chỗ trống trong tâm hồn những kẻ dư ăn dư mặc ăn không ngồi rồi... Cũng nên hiểu là sự phong phú tràn trề, sự phê phỡn, sự giàu sang quá giới hạn... cũng gây khủng hoảng cho tâm hồn. (Tâm lý này hiện đương diễn ra ở Âu Mỹ trong giới trí thức). Ấy là chưa nói rằng đứng trên bình diện xã-hội (sociologique) người Âu Châu chẳng hạn có thể coi như là đã thuộc về những dân tộc đi gần hết giai đoạn trưởng thành biến chứng của Lịch sử toàn diện một quốc gia — giai đoạn mà Hegel gọi là một *moment nécessaire du processus* và cũng đã « mang » đủ cái mà chính Hegel cũng gọi là *Esprit historique* — chờ ngày tận hiện sắp tới của một quá trình biến chứng, đề qua một quá trình khác. Một trong những đặc tính của cái giai đoạn ấy là sự trưởng thành già lão, sự thừa thãi... triệu chứng của một sự sa đọa... nào đó sắp tới. Những dân tộc ấy, trong sự diễn tiến lịch sử, cần « ngoại hiện » những sự đòi hỏi, những nhu cầu kín đáo hay là bộc lộ. Tất cả những phát hiện của nghệ thuật

phí lý có thể chỉ là sự thỏa mãn những đòi hỏi ấy...

Ai công kích Hegel thì cứ công kích, tôi thấy Hegel vẫn là một uy tín lớn về trí thức của lịch sử...

Trái lại, người Á đông là người còn thiếu... nhiều: thiếu những đòi hỏi căn bản về dân chủ trên phương diện chính trị — tôi trừ Trung-cộng và Nhật bản là hai trường hợp riêng — thiếu máy lạnh, thiếu máy vô tuyến truyền hình... thiếu những máy nguyên tử... thiếu nhiều lắm: họ vội vàng hấp tấp lo lấp những chỗ trống... họ lo tìm cho đời họ, cho dân tộc họ, cho cá nhân họ... đái mà người ta có thừa thãi, cái mà chính họ chưa có — công đâu, hơi đâu, thì giờ đâu, mà... sấm xa xỉ phẩm, hưởng thụ xa xỉ phẩm, thưởng ngoạn những đồ trang sức... trừ những kẻ đã giàu có trên lưng dân tộc rồi! Ionesco, Jean Genet v.v... mà có qua được đến đây cũng khó có đất đứng — ấy là chưa nói rằng người Á Phi chưa có một tâm lý « dư dật » để phù hợp với sự thưởng ngoạn nghệ phẩm phí lý... thì nghệ phẩm phí lý không thể có đất để trưởng thành...

Ô Việt nam « gió » tiền phong ấy chưa « thổi » tới: thoạt kịch thông thường ở đây mà còn chưa phát sinh được — huống là thoạt kịch *tiền phong*!! Thật ra, kẻ viết bài *Hồ sơ văn nghệ* này đã đọc nhiều kịch *tiền phong*, tin tưởng rằng giá có « truyền nhiễm » được... đến đây, chúng cũng sẽ có

số phận của một cái thai chưa thành hình đã... chết. Vì...

Vì không có gì cụ thể và chứng minh bằng diễn ra đây vài đoạn *đối thoại* của kịch *tiền phong*, độc giả sẽ tự tìm lấy câu trả lời của bản khoán vậy.

Ông Martin Bánh là một cái cây to trong khi mà bánh là một cây to, và một cây sen sẽ phát sinh từ một cây sen, sáng nào cũng vậy, vào buổi bình minh...

Bà Smith Chú tôi sống ở nhà quê nhưng cái đó nào có ăn nhập gì đến bà mụ.

Ô. Martin Giấy đề mà viết, còn con mèo là đề bắt chuột cống. Miếng phở mát là đề cào...

Bà Smith Xe hơi đi lạnh lắm, nhưng con sen nó nấu ăn ngon hơn

Ô. Smith Nào, đừng có làm mặt thộn thế kia, bà nên hôn cái anh chàng phiền loạn

Bà Smith Ô tuổi gì mà tuổi như vậy, tuổi gì mà tuổi như vậy, tuổi gì mà tuổi như vậy, tuổi gì mà tuổi như vậy, tuổi gì mà tuổi như vậy, tuổi gì mà tuổi vậy kìa... thác nước gì mà...

Ô. Martin Trời đất ơi, tuổi gì mà mà hàng dây tuổi như vậy — hàng dây tuổi như vậy — hàng dây tuổi như vậy — hàng dây tuổi như vậy — hàng dây tuổi như vậy — hàng dây tuổi như vậy — dài

dằng dặc không biết cơ man nào là thác nước là suối...

Bà Smith Những con chó có bộ chó, những con chó có bộ chó.

Bà Smith Những con chuột có lông mày, những lông mày không có chuột.

Bà Martin Đừng đụng đến giày ký long của tôi.

Ô. Martin Đừng có rục rịch giày ký long.

Ô. Smith Rờ con ruồi đi, đừng cho sự rờ mó nó hỷ mũi.

Bà Martin Con ruồi rục rịch.

Bà Smith Cái miệng của bà phải hỷ đi.

Ô. Martin Đề cho cái đập ruồi nó hỷ mũi, đề cho cái đập ruồi nó hỷ mũi.

Những câu đối thoại ấy trích trong kịch phẩm *La cantatrice chauve* của Ionesco. Đầu voi đuôi chuột. Đầu ngô mình sờ. Ngây ngây ngô ngô. Ngớ nga ngớ ngần. Nhân vật diễn không ra diễn, không không phải không... nói những câu như của người loạn trí, và nói với nhau như hai người đau thần kinh... đối thoại với nhau... Cái kiểu nói như vậy diễn trong hai giờ, ba giờ — khán giả âu mỹ cứ chịu khó... coi như thường. Coi kịch. Nghe kịch... Thường ngoạn kịch... Mô phật !

Và kịch như thế — viết làm sao, dựng làm sao, diễn làm sao, rạp nào, khán giả

đông hay thưa, phát sinh cách nào, trường thành ra sao—tôi đã trình bày ở trên rồi ! Quả tình tôi viết bài này là đề cho trí thức giới Việt Nam biết qua một câu chuyện văn nghệ ở Âu Mỹ hiện thời — ra sao, thế nào, làm gì. Rồi bạn đọc của tôi sẽ phê phán, phán đoán lấy — và sẽ tìm hiểu coi là kịch tiền phong có qua đây như xưa kia trước kia văn thơ lãng mạn, văn thơ tả chân văn chương duy nhiên văn thơ tượng trưng, văn thơ siêu thực... đã hơn một lần theo làn sóng văn hóa âu mỹ qua đây — tạo ra Hoàng ngọc Phách, Xuân Diệu, Huy Cận, Nhất Linh, Khái Hưng, Vũ trọng Phụng, Xuân Sanh, Đoàn phú Tứ... vân vân hay chăng ! Ai tin được rằng văn thơ kịch việt nam sẽ tiến hóa đến.. tiền phong thì cứ tin. Tôi — đứng trên cương vị một nhà văn nghệ — tôi xin phép quý bạn cho tôi lạm xưng như vậy — thì tôi không tin... một chút nào.

Huy Cận đã một lần tin... bậy như vậy nên mới viết *Kính Cầu Tự* bằng một lối văn cầu kỳ bí hiểm phi hình dung rồi lớn tiếng nói rằng : "Tôi viết cuốn *Kính cầu tự* là may một cái áo rộng thênh thang — độc giả của tôi sau này lớn lên ... mặc là vừa ! Huy Cận có ý cho rằng ngày đó không ai hiểu cái bí hiểm của Huy Cận thì vài ba chục năm sau sẽ ...hiểu *Kính cầu tự*.

Không ngờ ngày nay *Kính cầu tự* của Cận chết theo chất thơ tiền chiến của Cận— người ta quên mất và quên dứt *Kính cầu tự*, người ta vượt *Kính cầu tự*. Và...: Hoặc là lịch sử vượt lên trên sách Cận. Hoặc là lịch sử rẽ ngã khác...

Cận tính sai một nước cờ văn nghệ — sách Cận hoặc là làm trò cười, hoặc chỉ làm tài liệu... nghèo mà thôi. Hẳn Cận đã «giác» về nghệ thuật *Kinh cầu tự* của mình rồi chứ gì!

Có người gọi kịch *tiền phong* là kịch phi lý (théâtre de l'absurde). Riêng Ionesco thì gọi kịch của chàng là phi kịch (anti-pièce) nghĩa là kịch *tiền phong* không nói gì cả - không có nghĩa lý gì cả - nhưng đồng thời « phi kịch » mà lại dùng hết tất cả kỹ thuật sân khấu — đề lên sân khấu — nghĩa là đề dựng, đề ra đời...

Ý của các kịch gia *tiền phong* là muốn đem những câu nói của chị Năm ngã ba chủ ía, của con sen, của bác phó rền... của người đồ thùng... nói mỗi ngày, ròi rạc, đầu voi đuôi chuột, cũng như... cuộc đời vậy... lên sân khấu — đó là kịch, đối với họ.

Thực ra Ionesco còn muốn dùng kịch *tiền phong* đề lên án giá trị của *ngôn ngữ* — vì *ngôn ngữ* là một lợi khí đề *chở* ý tưởng — *văn dĩ tải đạo, văn dĩ tải...* — nhưng lại là một lợi khí rất thiếu giá trị và tác dụng — chỉ gây *hiều lăm* giữa cá nhân và cá nhân, giữa tập thể và tập thể..., giữa dân tộc và dân tộc — nhỏ là một chuyện xung đột vặt, lớn là chiến tranh giết nhau, vừa giết người vừa học luân lý giáo khoa thư và đọc diễn văn nhân bản...!

Tôi nhớ như đầu đó đã có một kịch gia *tiền phong* viết câu này về kịch *tiền phong*: *C'était une condamnation du langage, véhicule très imparfait de ce que nous voudrions exprimer* » Ý câu pháp văn ấy là kịch *tiền phong* lên án

ngôn ngữ — vì *ngôn ngữ* « *chở* » ý tưởng người ta một cách... bất túc, một cách... xuyên tạc! Ấy vậy thì đối thoại kịch có đầu voi đuôi chuột — thì có gì là lạ... nào!

Té ra kịch *tiền phong* lại là một lợi khí phản ứng của nhà văn hóa — nhà văn nghệ, và kịch gia... Phản ứng lại tác dụng tai hại của... *ngôn ngữ* trong lịch sử tiến hóa của loài người: tan vỡ cá nhân, tan vỡ tập thể... tan vỡ vì *hiều lăm*, *hiều lăm* nên tan vỡ. Chỉ vì *ngôn ngữ*...

Té ra ý Ionesco, Beckett vân vân lại là ý cao, ý xa ý cực vi, ý cực diệu — ý rất *siêu hình*... — chẳng phải là chuyện... lập dị như thiên hạ tưởng một tí nào!

Ông Lão đăm, cái ngày ông nói rằng đạo mà gọi được bằng tên — nghĩa là bằng *ngôn ngữ* — thì không phải là đạo nữa, là ông đã đưa *ngôn ngữ* ra... tòa rồi!

Và Thái tử Tất Đạt Ta bốn mươi chín năm tu hành không nói một câu nào là suốt bốn mươi chín năm người đã đưa *ngôn ngữ* ... ra vành móng ngựa rồi!

Mà nào phải chỉ có các bậc thánh mới nhìn... xéo giá trị của *ngôn ngữ* đâu! Bỏ hàng thánh hiền xuống hàng phàm phu, chúng ta có Jean Luc Godard, một nhà dàn cảnh điện ảnh Pháp tên tuổi vào bậc nhất và thuộc loại « hiện đại » nhất... cũng đã thiếu... thiện cảm với *ngôn ngữ*, và thường nói bóng gió xa xôi về cái đẹp của... *im lặng* (như của *thiền* Phật giáo chẳng hạn). Jean Collet, nói về chàng Godard, một nghệ sĩ mà có kẻ cho là thiên tài, có kẻ lại cho là láo, một nghệ sĩ cho ra đời những

nghệ phẩm điện ảnh gây sóng gió như ở *Bataille d'Hernani* ngày xưa... đã viết: « Et pourtant, on ne peut pas mieux montrer que les mots nous trahissent, que la vie ne peut se réduire au langage, que l'essentiel est ailleurs » — ý muốn nói rằng ngôn ngữ thường... phản phúc, đời sống không phải chỉ ở cái miệng và người ta phải tìm cái cần yếu ở chỗ khác...

Tôi sức nhớ xưa kia đã đọc một cuốn sách, còn nhớ một câu ý nói: một vạn sự tan vỡ của nhân sinh đều do sự hiểu lầm — malentendu — mà phát sinh. Mà sở dĩ có hiểu lầm chỉ vì có ngôn ngữ.

Té ra Phật giáo Thiền tông thật đã đi trên con đường cao nhất — cực vi cực diệu — của Phật giáo, của hình nhi thượng của tất cả mọi hệ thống triết học siêu tại hay nội tại: họ ngồi... tuyệt đối họ không nói.

Vào thu rồi
TAM-ÍCH

TÁI BÚT : Hình như tôi có nói, sau khi nói về vấn đề thứ nhất là vấn đề kịch tiền phong bên Âu Mỹ, tôi sẽ nói về vấn đề thứ hai là vấn đề *Tiểu thuyết mới*.

Nhưng tôi tưởng tôi nên khiêm tốn. Đã có hai người làm: người thứ nhất là ông Nguyễn-văn-Trung đã viết những chương khảo luận có giá trị về *Tiểu thuyết mới* trong cuốn *Xây dựng tác phẩm tiểu thuyết* do Cơ sở báo chí và xuất bản Tự do ấn hành; người thứ hai là ông Trần thiện Đạo có công phiên dịch và chú giải bài về *Phấn đấu cho một nền tiểu thuyết mới* (Pour un nouveau roman) trong tạp chí *Văn*, một tạp chí có giá trị — tôi được đọc một trong những bài. (Cuốn *Pour un nouveau roman* tác giả là Alain-robbe-grillet do nhà Gallimard ở Pháp ấn hành trong tủ sách *Idées*).

Vậy xin giới thiệu luôn.

Nên tìm đọc

TRUYỆN HAY *Số 52*

ĐẶC BIỆT KỶ NIỆM ĐỆ NHẤT CHU NIÊN

- Một số báo qui tụ nhiều nhà văn nổi tiếng với những bài vở đặc sắc của :
NHẬT TIẾN — DƯƠNG KIỀN — NGUYỄN THỤY LONG
PHẠM HỒ — TRẦN ĐỨC UYÊN — NHÃ CA...

tuần báo duy nhất bán 6đ.

NGÓ LÊN SỞ THƯỢNG

SƠN-NAM

TRONG sách Trang Tử Nam Hoa Kinh, có chuyện Tiêu Dao Du, tạm dịch là Đi Tiêu Dao. Thoạt nghe qua, danh từ ấy đượm vẻ huyền bí, siêu hình. Nhưng gẫm đi gẫm lại, Tiêu Dao của thánh hiền ngày xưa cũng đồng nghĩa với « đi bát phố », « đi phát phơ », « thả tà tà » hoặc « lêu têu kháng chiến », « cà nhõng chống xâm lăng. » Mỗi thời thế, còn người đi tiêu dao tùy theo phương tiện tài chánh và phạm vi cương tỏa của mình.

Vào năm 1948, thời kháng Pháp, tôi được dịp đi tiêu dao nhiều phen. Con người tôi bẩm sinh yếu ớt, luôn luôn có bệnh trong lục phủ ngũ tạng, hễ đến bác sĩ hoặc y tá là luôn luôn được chứng nhận... sắp ho lao đến nơi. Thật ra, tôi là người « minh giây », ốm nhưng dẻo dai lắm, đi bộ

lại rai suốt ngày cũng không thấy mệt ; thuốc lá, cà phê, trà tàu là những món « sáng nhót » cần thiết hơn là cơm canh.

Tôi đến quận Long Phú, tỉnh Sóc Trăng thì nghe tin mừng : Thăng Đình, bạn đồng học ở Cần Thơ hồi thời « tiền khởi nghĩa » bấy giờ sống trong cảnh sung túc, cưới vợ giàu tại làng Long Phú.

« Dịp may hiếm có, bỏ qua rất ồong. Tại sao ta chẳng đến nhà bạn, trước là thăm viếng, sau là ăn nhậu vài ngày ? » Tôi dò đường, đến nhà thăng Đình, cách đồn giặc Pháp chừng 3 cây số ngàn. Vừa thấy dạng nó từ xa xa là tôi nhận ngay : nước da đen ngăm, lỗ mũi cao và cái lưng tôm. Hồi học tại trường Phan-Than-Giản (Cần Thơ) thăng Đình nổi danh hào hoa phong nhã, ăn xài như nước và đánh lộn

rất giỏi. Nó đang lui cui... cưa cây, một khúc cây gòn quá to.

Vừa gặp tôi, thằng Đinh hò reo ;

— Hay quá ta ! Thời buổi này, gặp nhau là điều sung sướng. Làm chức gì rồi ?

Tôi đáp :

— Ở không, chơi lai rai. Còn mầy ?

— Cũng vậy thôi. Miễn là không theo Tây. Vô nhà chớ.

Nhà thằng Đinh giống như căn chòi, cất tạm nhưng bày biện khéo léo. Thằng Đinh cho biết :

— Mới dời về đây chừng hai tháng. Đời sống coi vậy chớ... nội dung còn bảnh lắm.

VỪA lúc ấy, một thiếu nữ xinh đẹp, mang thai bước ra chấp tay chào tôi. Thằng Đinh giới thiệu cô vợ cưới từ hồi năm ngoái. Cô ta có vẽ "con nhà giàu," đi đứng khoan thai, tay chân trắng nõn. Bỗng dưng, thằng Đinh chạy ra sân, vác đem vô một khúc cây gòn, dựng đứng trên mặt đất :

— Tốt không ? Đây là ghế ngồi, xinh đẹp vô cùng. Minh đề như vậy thì cái da cây gòn xanh tươi mãi. Giống như cầm đôn của nhà vua, phủ gấm xanh.

Tôi phục thăm sự tính toán của thằng Đinh. Cây gòn thuộc vào loại dễ trồng, chặt nhánh cắm xuống đất là mọc nhanh. Gốc

cây gòn này đặt trên nền sẽ lấy hơi thổ sống lai rai, tuy không châm rế ra lá nhưng tế bào của nó lâu chết. Không sợ ai trộm cắp. Không sợ Tây đốt phá.

Chúng tôi ngồi trên hai khúc cây gòn mát rượi, uống trà "chèo xụi." Vợ thằng Đinh lui cui nấu cơm, bắc nước làm thịt gà. Và trong khi chờ đợi, chúng tôi uống lai rai rượu chát trắng, ăn vài con khô lóc. Đúng là kiểu "văn minh nhàn rỗi."

ĐÊM ấy, chúng tôi nằm gần nhau, kể chuyện hàn huyên từ thuở rời mái nhà trường. Đại khái, đứa nào cũng lấy làm hân hạnh khoe khoang mấy lần chết hụt vì bom đạn và tự phong cho mình hai chữ trường thọ, phước đức. Mãi đến khuya, chờ khi vợ thằng Đinh ngủ say, ngáy khò khò trong buồng, tôi mới hỏi :

— Tại sao mầy phiêu bạt tới xứ này ? Hồi xưa, tao nhớ rõ ba mầy làm đại diện chủ ở Bạc Liêu.

— Sự tích còn dài dòng lắm. Năm 1946, tao theo Thanh Niên Tiền Phong rồi mang bệnh tại xóm này, nhờ gia đình của vợ tao bây giờ đó nuôi nấng. Họ cảm mến tao, vì tao hiền như cục bột, ăn rồi ngủ. Họ ngạc nhiên vì tao là đứa nhu mì thể gian ít có.

— Mầy mà nhu mì ? Ăn gỏi nằm nhờ ở nhà người ta mà phách lối thì chết đói luôn. Mầy đóng kịch nhu mì tạm thời phải vậy không ? Mầy sợ chết, sợ người ta điếm chỉ cho Tây bắt.

— Lẽ dĩ nhiên. Nhưng còn lý do khác.

Sau khi nhờ bà con săn sóc, sức khỏe tao bình phục. Tao nghĩ cách đền ơn. Nhưng đường xá xa xôi, giấy tờ không có, tao không dám đi. Tao nhờ người bà con bên vợ mang bức thư tới Bạc Liêu. Người bà con đó trở về, hoảng hồn vì cha mẹ tao giàu quá mức.

Thằng Đinh liếc phía buồng ngủ của vợ rồi nói khẽ :

— Giàu bằng mười ông già vợ tao. Đúng lý ra, còn giàu hơn nữa.

GIÔNG nói thằng Đinh im bật. Tôi hoàn toàn tin tưởng rằng nó không khoe khoang. Hồi đi học, tôi đã nghe một học sinh ở Bạc Liêu cho biết : cha thằng Đinh nổi danh ăn chơi hào hoa phong nhã, nuôi một con cạp trong nhà để cho ai nấy xem chơi. Cạp này suýt sút chuồng mấy lần... khiến đám tá điền báo động, đánh trống đánh mõ.

Tôi hỏi :

— Ông già mầy cho bao nhiêu ?

— Ông đồng ý cho tao cưới vợ nhưng tiền bạc thì ông siết hầu bao. Trong gia đình ai nấy phiền hà xem tao như đứa con hoang, bất hiểu nên chia gấp gia tài cho tao hưởng. Đó là bảy trâu ở Vĩnh Trạch. Tao lập tức tới điền, bán đồ bán tháo tất cả 250 con trâu. Mấy người tá điền hoang nghênh quá xá vì tao bán hạ giá, ai mua ba con trâu thì được tặng thêm con trâu thứ tư. Rồi họ đãi tiệc, ca ngợi tao là « cậu út biết giác ngộ ». Tao ẵm gần 20 ngàn

đồng về Long Phú cưới vợ linh đình. Tiền đó xài hết rồi. Tao đưa cho vợ tao cất giữ, gọi là làm vốn. Bây giờ bà con bên vợ thấy tao là đứa đàn hoàng nên cho tao ăn lời...

GÀ gáy điểm canh ba. Thằng Đinh lồm cồm ngồi dậy nhúm lửa nấu chè đậu xanh. Tôi ngăn cản :

— Ăn nhiều bệnh chết. Tụi mình còn lâu ngày, cứ ăn lai rai.

Thằng Đinh cười lạt :

—Bậy nè! Thời giặc già mình nên hưởng trong phạm vi có thể. Sau khi làm xong phận sự thì tráng sĩ được quyền ăn uống no say.

— Thôi đi mầy ơi! Mầy làm phận sự gì ?

— Bộ mầy tưởng tao làm chức vụ nhỏ hả ? Tao vừa lãnh chức Trưởng ban Giáo dục, chống nạn mù chữ hai ba làng.

Tôi lắc đầu :

— Dóc hoài ! Giao một làng cho mầy, mầy làm không xong. Có lẽ nhờ mầy mà dân chúng thêm người dốt. Thí dụ như thằng con nhà mầy sắp sanh ra...

— Bậy nè ! Thời thế tạo anh hùng. Giáp ranh với làng này, còn hai làng đặc biệt lắm, toàn là người Miên, làng Tài Văn làng Liêu Tú,.. Tao coi sóc hai làng đó nhưng chưa biết làm sao.

Tài Văn, Liêu Tú hai địa danh nghe lạ tai quá. Tôi nằm mơ màng thử hình

dung khung cảnh. Chắc là có tre xanh, có cây thốt nốt, có chùa.

— Ở đó vui không ?

Thằng Đinh trả lời :

— Tao chưa đi tới gần bót Tây. Đi lang bang thì nấp mạng. Ruộng trống trơn hễ mình chạy thì ở ngoài đồn Ngan Rô, Tây bắn liền. Nghe ở nói đồn Ngan Rô có «thằng xếp» bắn đại tài. Nó có cây súng lạ lùng, gần ống dòm. Hễ cái bóng của mình lọt vô ống dòm là nó bóp cò, bá phát bá trúng.

NỒ I chè sôi ùng ục. Thằng Đinh quạt lửa. Bỗng nhiên một tràng súng liên thanh nổ dồn gần lắm. Tiếp theo là tiếng «mọt chè» tiếng súng «mút» ròi rạc. Thằng Đinh vẫn ung dung mở tủ.

— Đường cát trắng. Nấu cho ngon một phen.

Tôi bắt đầu lo ngại :

— Súng gần quá. Tụi nó vô bắt tui thì làm sao ? Có ai canh phòng, đánh mồi đánh trống, thổi tù và không ?

— Cần gì ! Xóm này chẳng có ai là nhân vật quan trọng, trừ ra tao với mầy. Bây giờ thì ăn. Và tiếng súng hồi nãy nhắc nhở bọn mình nên ăn.

Tôi cầm đũa, nhắc nhở :

— Kêu vợ mầy ăn cho vui.

— Thôi. Nó gần sanh đẻ, nó mệt. Hơi đau mà lo.

Nồi chè khá to, mỗi đứa ăn ba chén mà chưa cạn. Thằng Đinh vét nồi, múc cho tôi :

— Con người tử sanh hữu mạng. Trước sau gì con người cũng chết. Kề giàu sang, quyền cao tước trọng cũng như bọn mình thôi...

— Cái triết lý của mầy nghe nhàm quá rồi.

Thằng Đinh cau mày :

— Tao muốn tuyên bố rằng : Tử thần viếng ta bằng một trăm nẻo đường. Nếu ta giỏi hoặc cần thận thì chỉ đề phòng được chín mươi chín nẻo. Luôn luôn, tử thần có sẵn một nẻo trống trải để viếng thăm, bất cứ ai.

oOo

— Tây vô ! Tây vô !

Vài người chạy ngang nhà thằng Đinh đánh thức nó. Tôi ngơ ngác đứng trước sân, vừa sợ sệt, vừa xấu hổ. Rủi mà bị Tây bắt sống phen này thì... như danh trong sử sách ! Nụ cười vẫn nở trên môi thằng Đinh. Nó chạy lại đầu xóm thật nhanh rồi trở về, hơ hải.

— Nguy rồi ! Một cha nội ở trong này ra ngoài đồn, chỉ đường chỉ nẻo cho thằng Tây Ca Rê.

— Ca Rê là ai ?

— Là xếp đồn Long Phú. Tụi mình nên lánh mặt, bằng không thì tui nó nhìn mặt.

— Mình chạy theo anh em ở đẳng “cơ quan” chứ ?

Sau vài phút suy nghĩ, thằng Đỉnh nói khẽ :

— Mấy cha đó là nhơn vật quan trọng mình chạy theo thì chết chùm. Chi bằng mình giả dạng thường dân, chạy cà nhổng ra sau ruộng, chắc ăn hơn. Chẳng lẽ tụi nó kéo đại đội hùng binh ra ruộng để bắt hai đứa tay không, ồm nhom ồm nhách như tụi mình ?

Rồi nó nắm tay tôi , thúc hối :

— Đi là vừa. Tụi nó gần tới rồi đó. Tụi nó bơi xuồng, chừng 20 chiếc.

— Còn vợ mày ?

— Vợ tao là dân của... đồn tây, có lãnh giấy “lách xê”, dán hình đảng hoàng. Thời buổi giặc già, đàn bà con nít với người già cả là.. sượng nhứt. Hơn nữa, vợ tao có chửa, bên vợ tao thiếu gì người làm việc ở tại dinh quận Long Phú.

Súng nổ thừa thớt. Ngoài ruộng, mấy người nông phu vẫn ung dung cày bừa, đánh trâu về phía “ hậu bối », càng xa mé sông càng tốt. Họ ngoắt, mời chúng tôi hút thuốc. Nhưng sau khi nói vài câu khôi hài thằng Đỉnh tạm biệt họ :

— Đừng tập trung, dùm năm dùm bảy. Tụi nó thêm nghi ngờ. Nhứt là con trâu này. Tụi nó ngửa tay, bắn con trâu rồi lạc đạn làm hư giò hư cẳng bọn ta.

Chúng tôi bắt đầu chạy trên bờ ven

nhỏ. Đến gốc cây trâm, thằng Đỉnh dừng lại co chân, trèo lên.

— Quá xá rồi ! Nó đồ bộ kéo ra ruộng...

— Thiệt vậy sao ?

— Chạy nữa ! Mau lên. Cứ theo tao !

Tôi chẳng hiểu tại sao thằng Đỉnh lại đâm đầu về hướng đồn Ngan Rô và cách đồn ấy không xa: dường như là đồn Bàu Biển. Ghê quá. Từng hàng tre xanh tươi giăng ngang trước mặt, như bức trường thành. Bên kia hàng tre là đồng trống hoang, giáp đến mé sông Hậu Giang, vùng kiểm soát của giặc Pháp.

Những người ở xứ xa mới tới như tôi làm sao dám cãi về chiến thuật rút lui với thằng Đỉnh, ông thổ công của vùng Long Phú ? Lát sau thằng Đỉnh dừng lại, ngồi xuống bên bụi dừa gai, bên bờ con rạch nhỏ đầy ô rô, cóc kèn. Tôi hỏi :

— Chờ cơ hội “ chém vè » hả ?

Nó đáp :

— “ Chém vè » làm gì, dơ quần dơ áo. Đứng đây chờ thời, được rồi. Mày biết tại sao có danh từ đó không ?

— Thì mình giả như con cua đinh, con cần đước...

— Chưa đúng. Con cua đinh với con cần đước khác nhau. Cua đinh có cái vè mềm, giống như xương sụn ở xung quanh cái mai. Nó vùi xuống bùn thật nhanh, nhờ cái vè chém bùn đó.

— Hiền rồi. Nhưng tại sao mình không vô xóm nhà sau hàng tre đằng kia kiếm nước uống chơi. Xóm nào vậy ?

— Đó là làng Liêu Tú, đằng kia là làng Tài Văn mà tao nói hồi tối đó. Tao lãnh trách nhiệm giáo dục trẻ em, người lớn. Ngật tao chưa làm quen với bà con. Mình vô xóm đột ngột, họ nghi ngờ. Mày biết tiếng Miên không ?

— Làm sao tao biết ! Thôi thì đành ở ngoài này.

Chúng tôi hút thuốc liên miên, nhìn vòng quanh, từ phía đồn Bàu Biền, Ngan Rô đến đồn Long Phú, rừng tre xanh và con rạch Long Phú, nhà thằng Đinh. Dường như chúng tôi bị bao vây vòng tròn. Nắng chang chang. Súng vẫn nổ. Thằng Đinh dọn một chỗ cao ráo, dưới gốc bụi dứa gai, ngắt bỏ mấy cái lá lòng thòng rồi bảo.

— Nằm xuống cho khoẻ lưng. Tao canh chừng tụi nó. Sướng quá. Lần đầu tiên tới thăm tao, mày gặp một kỷ niệm vui vui... Tao chạy như vầy chừng vài chục bận rồi. Lần này, mình chạy ... có lý. Đôi khi, tao chạy "xịt" vì chẳng có Tây tà nào vô xóm. Tức chết. Ở đầu xóm, thằng cha Tư Đông nhè đặt tên con là thằng Tây cho đúng điệu Đông Tây Nam Bắc. Bữa đó, thằng chả kêu réo đứa con : «Tây ơi ! Tây !» Cả xóm ngỡ là Tây vô, chạy ầu. Rồi cả xóm bắt buộc thằng chả sửa tên con là thằng Hai ...

— Ngộ quá. Chuyện khôi hài đó đáng ghi sổ tay ...

Nói xong, tôi ngáp dài, ngủ thiu thiu để dưỡng sức. Đêm rồi, thức đến quá canh ba. Mấy ngày trước lại phí sức lực hơi nhiều, cuộc bộ hàng trăm cây số, dầm mưa, đường sinh lầy, nhảy qua mương ...

ĐỂ N xế chiều, tôi giựt mình thức giấc. Thằng Đinh đứng thẳng người, quát to.

— Nó đốt nhà. Ngay cái nhà ông già vợ tao ! Thây kệ. Tôi dụi mắt, hỏi nhanh :

Tụi nó gan quá vậy ? Chừng này mà chưa về đồn, lo ăn uống.

— Múa gậy vườn hoang mà. Có người điếm chỉ, cho tụi nó biết rõ xóm này ai hiền, ai dữ, ai theo kháng chiến ... và tất cả đều đánh giấc với hai bàn tay không.

— Vậy thì tụi mình về xóm, về gần đó cho biết. Xế rồi. Đêm nay, tụi nó ngủ tại đâu ? Nếu muốn trú quân thì tụi nó ngu dại gì đốt cái nhà ngói của ông già vợ mày ?

— Trời ơi !

Tiếng kêu la phần nộ gọn lỏn ấy vừa phát ra khỏi cổ họng thằng Đinh là tắt ngấm. Dường như thằng Đinh còn muốn nói nhiều hơn. Nó chỉ ngón tay :

— Cháy nhà của vợ tao rồi. Vợ tao có chữa, không biết nó chạy kịp không ? Bữa nay, Tây làm lộng quá. Chắc thằng đó điếm chỉ tao là trưởng ban giáo dục hai ba làng. Tao về cho biết. Về gần nhà... Hay là vợ tao thất lạc, gặp tai nạn. Mọi khi vợ tao ngồi lì tại nhà rồi trình giấy «lách xê» khi tụi nó hỏi tới. Mày

ở đây, tùy cơ ứng biến. Nhớ đi về phía nhà tao. Tối nay tao chờ.

Nếu rủ thằng Đinh ở lại thì tôi là đứa quá hèn hạ. Nhưng ở lại một mình thì hơi ngán. Trời chuyển mưa. Giữa đồng không mông quạnh, chỉ còn một mình tôi. Phía rạch Long Phú, lửa cháy đen mịt, hết nhà này nối qua nhà kia. Cả xóm bị đốt rồi. Trong đó có nhà thằng Đinh. Súng vẫn nổ và ngọn lửa cháy ngùn ngụt như đầu máy xe lửa chạy trên con đường sắt vô tận.

Mưa đổ hột. Tôi cảm thấy ớn lạnh, ho vài tiếng. Lạnh quá. Hết đói bụng thì chịu lạnh không kham. Tôi rút hai tay lên ngực. Lại mưa to. Túng thế, tôi chạy nhanh vào hàng tre xanh, trước mặt: địa phận làng Liêu Tú.

Đại khái, làng này gồm chừng mười giồng cát, rời rạc, như một quần đảo. Trên mỗi giồng tập trung chừng hai mươi gian nhà, theo sự phỏng đoán của tôi. Mỗi nhà đều có tre bao quanh, những bụi tre um tùm, thiếu săn sóc. Tôi đánh bạo bước vào giồng. Đất khá cao ráo, trơn trượt vì mưa. Toàn là người Việt gốc Miên. Từ nhà này qua nhà kia, có đường mòn, quanh co. Tôi dừng bước trước gian nhà ở đầu giồng. Một ông lão đang cầm búa, đập cành cạch vào cái miệng lon, lon đựng thức ăn, đồ hộp của nhà binh Pháp. Bên cạnh ông ta, còn hàng chục cái lon khác «chắc là ông ta làm quen với nhà binh Pháp nên xin mớ lon ấy về sửa lại làm ống đất dũa, làm cắm nhang». Tôi qua nhà khác. Năm ba đứa bé ngồi dưới đất, bốc cơm ăn. Thức ăn là

một chén me, trái me tươi đâm nát trộn với muối ớt. Nhà kế bên rộn rịp hơn. Vài người uống rượu, đánh bài. Đường như chẳng ai quan tâm đến tôi. Họ xem tôi như là một chú lái heo, một người vớ vẩn như một bóng ma.

LÀM sao bây giờ? Nếu trở ra khỏi giồng liệu tôi còn nhớ phương hướng để trở về xóm nhà thằng Đinh. Đường xa, tối om. Bụng lại đói. Tôi đánh liều bước tới. Đột nhiên từ trong căn chòi, vang ra mấy tiếng lạnh lốt:

— Ngó lên Sở Thượng thêm buồn.

Muốn chằm cội rễ, ngặt đường xa xuôi.

Tôi dừng lại. Tại sao trong xóm Miên này lại có thể vang ra câu hát đó. Câu hát Việt Nam xuất phát từ đồng bằng sông Cửu Long. Câu hát gọi tình, sang trọng thuộc vào loại chọn lọc, tuy bình dân nhưng ít ai biết. Thật vậy. Sở Thượng là tên một con sông nhỏ, từ bờ Cửu Long chảy vào Đồng Tháp Mười, gần biên giới Việt — Miên. Sở là sở cá, những «lô» đồng hoang mà từ hồi đời vua Tự Đức nhà cầm quyền cho đấu thầu khai thác nguồn lợi cá tôm vô biên. Mấy người lái đem lên Sở mà mua cá về, bán tận Sài Gòn.

Từ trong gian nhà, câu hát được lặp lại:

— Sở Thượng thêm buồn, ý a... thêm buồn...

Tôi cúi đầu, cố nhìn bên trong. Chiếc

võng đưa kéo cà kéo kẹt. Một thiếu phụ vụt rời võng, đốt thếp đèn. Tôi mạnh dạn bước vào.

— Thưa cô...

Thiếu phụ cúi đầu hai bàn tay thô kịch xoa vào nhau :

— Chú đi đâu...

— Dạ, tôi lỡ đường.

Thiếu phụ cười tủm tỉm, đôi mắt đen lánh :

— Ở dưới rạch Long Phú hả ? Gan dữ đa ! Dám đi tới đây hả ?

Tôi quay mặt, sắp sửa co chân chạy trốn. Nhưng thiếu phụ nói :

— Đừng sợ. Xóm này ai nấy làm ăn vui vẻ. Đói bụng không ?

Tôi gật đầu. Thiếu phụ vo gạo, nấu cơm. Tôi yêu cầu :

— Cô khép cửa lại dùm. Từ đây ra đồn...

— Hai ngàn thước. Gần mà. Nhưng lính Tây vô đây làm gì. Xóm này ai lo phận nấy. Tại sao chú dám vô nhà tôi ?

Tôi đáp :

— Dạ, tôi nghe câu hát. Tại sao cô biết câu hát ?

— Chú nằm chiêm bao hả ? Tôi là người «An Nam» ở Châu Đốc. Xóm này có «một mình ên» tôi là người An Nam. Có chồng

Miên tại đây hơn mười năm rồi. Chồng tôi ra chợ Sóc Trăng bán lúa hai ngày nữa mới về. Lát nữa chú ngủ bên bộ ván. Tôi ngủ trong buồn, không sợ ai hết.

Súng nổ từng loạt ngoài đồn. Tôi giựt mình, rút hai vai. Thiếu phụ cười :

— Tin tôi không ?

— Dạ tin chứ. Bằng không thì tôi chạy lui đầu vô tre gai rồi

— Nằm xuống. Thôi, đừng nói chuyện nữa, người ta nghe.

NÓI xong, thiếu phụ đóng cửa lại. Nồi cơm sôi lên, xông hơi. Lát sau tôi ăn cơm. Nhưng suốt đêm ngủ chẳng được. Buồn buồn vô cớ. Đợi rồi lúc hừng đông, tôi dụi mắt bước ra trở về nhà thẳng Đình, theo hướng do thiếu phụ chỉ.

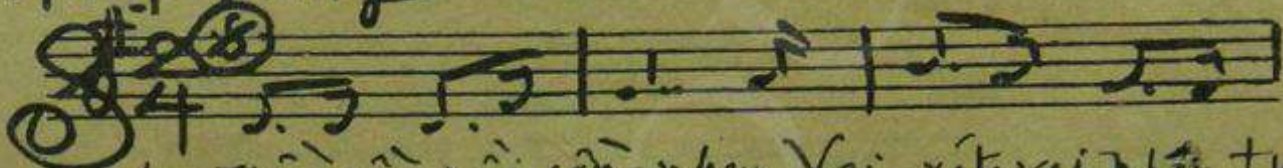
Từ đó, tôi yêu kính ca dao. Ngoài giá trị văn chương, địa lý, phong tục.. ca dao là lá bùa cứu khổ cứu nạn. Thời kháng chiến vài người đã sáng tác ca dao kim thời cải cách nhưng chẳng được phổ biến và chẳng trở thành ca dao. Như trong trường hợp vừa kể: Nếu thiếu phụ hát loại ca dao cải cách thì chưa ắt tôi dám vào nhà, xin tá túc. Vì biết đâu đó là cạm bẫy của bọn gián điệp.

CÁO dao sống trong không khí riêng, khó tả. Dầu trí óc ta quên, nhưng nó còn đó. Như trăng sao, lu mờ chỉ vì mây mưa che phía dưới thấp.

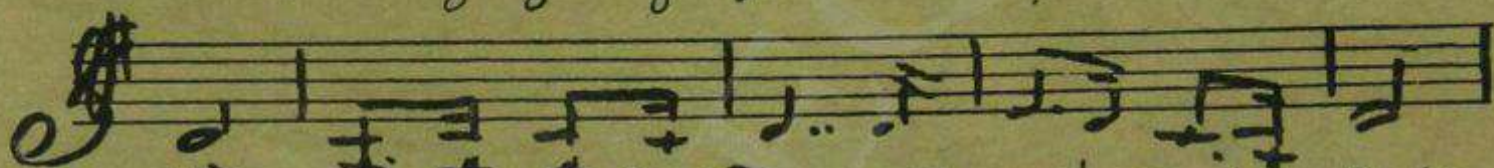
Xâm u. 3

nhạc và lời
phạm duy

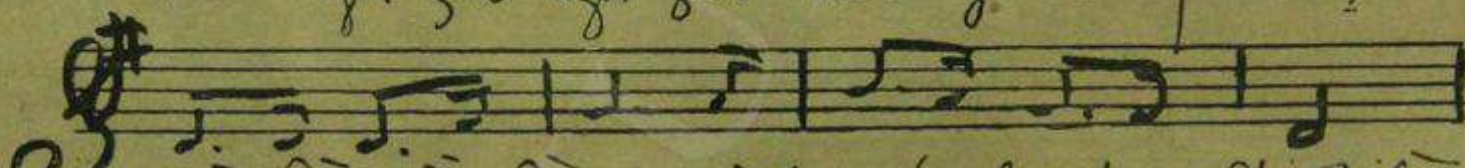
nhịp 2/4



1.- Ngồi gần ngồi gần nhau Vai sát vai nhau tựa



đầu Ngồi gần ngồi gần nhau Tay nắm tay cho thật lâu



Ngồi gần ngồi gần nhau Xin nói cho nhau một điều



Ngồi gần ngồi gần nhau cho nhiên! Ngồi vào đời nhà

nhai Trong Kiếp này đây với ngôi sân người ta

ở Bên lữ giới người Kia ngôi sân loài dưng

dĩ hay ác + thú hùn Beo mình vào ngôi đây

với nhau!

Đến Hết
Một mình ngôi trong cái "ta" Một mình ngôi trong

cái "Ta" %

Tháng 7/1965

2.-

Ngồi gần ngồi gần hơn
Đôi mắt đôi mi lả lơi
Ngồi gần ngồi gần hơn
Đôi má đôi môi lúm què

Vào hội làm một đôi

Trong tiếng than trong nụ cười

Vào hội làm đôi đến cho đôi

Ngồi gần loan ma gái

Nghe tiếng nói là lời

Ngồi gần tình thương yêu

Nghe rõ tiếng hát kêu

Gần người hàng trong trắng

Bên cửa cửa công

Ngồi chờ dài hay ước mong

3.-

Vào hội vào hội chung

Trong xót thương trong bao công

Vào hội vào hội chung

Trong bao mùa trong lửa tuôn

Ngồi ở gần mô hoang

Trong đám tàn hồn với vầng

Ngồi và ngồi đôi bên vui buồn

Ngồi vào rừng giữa sương

Hay đứng giữa vườn bông

Ngồi chờ đàn chim non

Hay đón tiếng đàn bom

Ngồi vào niềm yêu dấu

Hay giữa mối thù sâu

Mình vào hội đây với nhau

4.-

Ngôi gần ngôi gần nhau
Đầy đó hương (phấn) địa cầu
Ngôi gần ngôi gần nhau
Trong kiếp xưa trong đời sau
Ngôi gần ngôi thật lâu
Cho đến khi hai ngọn đèn
Thành một ngọn trong nhau nguyên cội
Ngôi vào một thể giới
Không xấu tốt buồn vui
Ngôi vào niềm chơi với
Không có sắc màu phai
Ngôi vào đời không mới
Không rách nát tả tơi
Một mình ngôi trong cái "ta"
Một mình ngôi trong cái "ta"
Một mình ngôi trong cái "ta".



ASOKA

MỘT CHÍNH TRỊ GIA VĨ ĐẠI HAY LÀ NỀN HÒA BÌNH CHÍNH THỰC CHO CON NGƯỜI

NGUYỄN-ÂN

CHÚNG ta có thể nói ngay rằng Asoka hay A-Dục-vương, là một bậc thánh, một vị Bồ Tát, hay là một Sứ giả hòa bình của nhân loại. Bởi vì qua những truyền thuyết Ấn Độ hay Phật giáo, ta có thể nghi ngờ và cho rằng Asoka chỉ là sự tạo hình của thần thoại. Nhưng kể từ năm 1837, một công chức tại sự ở thành Ba-lanai (Bénarès), James Prinsep, đã tìm ra dấu vết và đọc được các chữ khắc trên hai trụ đá hồng ở Delhi và ở Allahabad. Sang năm 1915, lần đầu tiên người ta tìm thấy tên tuổi sáng chói của Asoka ký dưới một trụ cột ở Maski, thì lịch sử đã hé bày cả một thời đại hoàng kim của Phật giáo, đuổi xua hết mọi nỗi nghi ngờ thần thoại về con người cao cả đó. Chúng ta hãy biết ơn các nhà học giả Tây phương.

I— CON NGƯỜI VÀ Ý CHÍ :

Asoka không phải là một thần linh hiện

xuống từ trời cao để ban ơn rắc phúc cho con người xương thịt như chúng ta, ông có mọi lỗi lầm và vui thú của con người, nhưng ông không đứng lại trong đó mà còn đi xa qua rặng bờ giải thoát để đem an lạc tới cho muôn dân. Chẳng đường từ một A-Dục-vương hung-ác (Candasoka) sang A-Dục-vương của Chánh Pháp (Dharmasoka), đã được hướng dẫn bởi tư tưởng Phật giáo, như một luồng sáng của hừng đông thời phà vào bóng tối tất cả vinh quang của sắc màu.

VÀO thế kỷ thứ 3 trước Tây lịch, Hoàng Hậu Bindusara đã hạ sinh một đứa con, lạ lùng thay, không chút đớn đau thê xác như mỗi lần sinh nở, vì thế hoàng tử có tên Asoka (soka : đau đớn). Ngày vua cha từ trần, Asoka là người kế vị. Ông đã mở đầu sự nghiệp mình bằng một cuộc tàn sát hãi hùng : trở về kinh đô Pataliputra và giết hết 99 người anh của

minh, riêng người anh kế Tissa trốn khỏi. Cuộc tàn sát này mở đầu cho bao nhiêu hành động hung ác khác làm cho Asoka nổi danh với cái tên Candasoka (A-Dục-vương hung ác). Nhưng giữa cảnh đầu rơi máu chảy của đêm sâu dày đặc đó, một lóe sáng đã chói lên làm cho Asoka tỉnh ngộ : sau 4 năm chấp chánh, nhân ngày lễ đăng quang, Asoka được một vị Tăng sĩ, vốn là cháu của mình truyền cho giáo pháp của Phật đà. Từ đó Asoka như một người thoát xác, tái sinh giữa sự ngợi ca của quần chúng : Dharmasoka (A-Dục-vương của Chánh Pháp).

Ta sẽ tìm hiểu những công trình gì mà Asoka đã thực hiện để muôn đời còn lưu danh như một vị Quốc vương của Chánh Pháp lẫy lừng. Chúng ta có thể tóm gọn trong 5 điểm những thực hiện hi hữu và sáng chói :

1) — Đem Phật giáo vào cuộc đời qua cương vị và khả năng cư sĩ, được phát triển tận cùng, của mình. Đây là một điểm đáng lưu ý, như một kinh nghiệm cần khai thác cho thế kỷ chúng ta. Giá như Asoka đã xuất gia, chắc chắn sẽ là một vị cao tăng thời bấy giờ, hành động không phải là không giá trị. Nhưng ông đã đứng về phía cuộc đời như một chứng thực của khả năng hóa thân Phật giáo để « ươm dī Quốc vương thân đặc độ giả ». Trước một xã hội bị hăm dọa bởi tư tưởng máy móc, vật chất và bạo lực, những hình ảnh « cõ người » thân cận trong bùn lầy như thế, quả thực rất ư cần thiết và hiếm hoi. Qua tác phong này, Asoka cho ta cái ý thức của sự sống Phật giáo, sự sống này bộc lộ cùng khắp mọi nơi, mọi giai tầng, cương vị, sự sống thực chứng như một quá trình *hiện tu*

chứ không phải *đi tu*. Qua sự thể hiện của Asoka, thiền nghĩ, chúng ta có thể chia lịch sử Phật giáo tổng chi ra làm hai thời kỳ :

A/ Thời kỳ tiền Asoka : là thời kỳ mà Phật giáo biểu trưng dưới hình thức Tăng đoàn, vụ vào sự thăng hoa tâm linh mà chưa đặt nặng vấn đề chuyển cải những hình thái sinh hoạt của xã hội và quốc gia.

B/ Thời kỳ Asoka : Kể từ thời đại Asoka trở đi, nhờ những thực chứng và thể hiện vĩ đại của ông, Phật giáo đã được phong phú hóa hẳn lên với khả năng hiện thực xây dựng bộ máy nhà nước và những ngành sinh hoạt xã hội cư sĩ. Chúng ta cần nghiên cứu nghiêm chỉnh để khai triển truyền thống Asoka cho thời đại hỗn loạn này.

THỜI đại Asoka được đánh dấu bằng hai sự kiện cách mạng :

— dựng khắp nơi những bản pháp lệnh trên núi đá hay cột trụ đá, để nhắc nhở dân theo đúng với chủ trương hòa bình bằng chánh pháp của nhà vua. Việc làm thật hi hữu, ở một thời đại xa xăm (23 thế kỷ trước đây) chưa báo chí, máy phát thanh, như ngày nay. Bản pháp lệnh thứ XIV khắc trên núi đá vùng Girnar cũng đã từng đề cập đến việc làm này : « ... vì vương quốc của ta quá rộng nên ta đã cho khắc rất nhiều (pháp lệnh trên đá) và sẽ còn cho khắc nhiều nữa! »

— bên cạnh sự hoằng pháp của Tăng đoàn theo quan điểm Giáo Hội, sự xiển dương chánh pháp của Asoka mang một hình thái khác, đó là hình thái đi vào cuộc đời của người cư sĩ vương quyền, cho một

sinh hoạt cộng đồng phức tạp. Sau 13 năm tại vị, Asoka đã thành lập những đoàn Tổng giám của Chánh Pháp và gửi đi cùng khắp xứ sở mỗi 5 năm một lần. Pháp lệnh thứ V khắc trên núi đá vùng Girnar định nghĩa chức vụ của các vị Tổng giám Pháp như sau : « ... Thời xưa, chưa bao giờ có những vị Tổng giám của chánh Pháp. Sau 13 năm tại vị, ta đã thành lập những đoàn Tổng giám của Chánh Pháp. Họ phải lo việc chấn chỉnh chánh pháp cho mọi giáo phái, lo việc phát triển quyền lợi cùng hạnh phúc của các tín hữu của chánh pháp ở những giống người Hy Lạp, Kampu-chia, Gandhariens, Ristika, Pitenika và những kẻ Tây phương khác. Họ có nhiệm vụ đối với những kẻ ... (bị mờ trên bản khắc) ... những kẻ khốn cùng, những kẻ già nua, tuổi tác, chăm lo về quyền lợi, hạnh phúc và bảo trợ cho các tín hữu của chánh pháp, lo việc nâng đỡ, bảo trợ và phóng thích các tù nhân, nếu các bọn này vô trách nhiệm, mà có con đông, nạn nhân của sự bất hạnh, già cả, họ phải có nhiệm vụ đối với những người này. » Những vị Tổng giám của Chánh Pháp có nhiệm vụ trên lãnh vực chánh pháp, duy trì chánh pháp, quản lý việc từ thiện hay đối với các tín hữu của Chánh Pháp, bất cứ ở đâu trên vương quốc của ta. » Và có nhiều hạng Tổng giám của Chánh Pháp, tùy theo thành phần này hay thành phần khác mà có hạng Tổng giám này hay Tổng giám kia phù hợp » (Pháp lệnh thứ VII khắc trên trụ đá hồng ở Bénarès).

2) — Phát triển sự học hỏi chánh pháp bằng cách tạo hoàn cảnh thuận lợi và giúp đỡ cho quý vị Tăng già trong

nhiệm vụ đưa giáo lý an lạc của Phật giáo vào cuộc đời.

3) — Ngoài việc xây cất tu viện, việc làm hi hữu của Asoka, mà nhờ đó ngày nay ta mới còn được chút sử liệu chính xác giữa những thần thoại thất truyền dật chung quanh nền lịch sử Ấn Độ, đó là những pháp lệnh khắc trên núi đá, trụ đá tìm thấy đó đây trên toàn cõi Ấn Độ.

4) — Asoka đã chủ xướng kỳ kiết tập thứ 3 kéo dài trong 9 tháng dưới sự chứng minh của Ngài Tissa Moggaliputta, tại kinh đô Pataliputra để minh xét và giải quyết sự hỗn tạp của 219 giáo phái bị xem là tà thuyết rồi đạo.

5) — Gửi các đoàn truyền giáo để gieo rắc chánh pháp an lạc của Đức Phật lên toàn cõi Ấn Độ và các nước láng giềng. Các đoàn truyền giáo được phân phối ra toàn cõi vương quốc Ấn Độ bấy giờ :

— miền Tây Bắc (vùng Pendjab) do Ngài Majjhantika hướng dẫn.

— miền Nam do hai Ngài Mahadeva và Rakkhita.

— miền Tây do Ngài Dhammarakkhita (là một người Hy Lạp).

— miền Tây Nam do Ngài Mahadhammarakkhita.

Và vượt biên cương qua các nước láng giềng :

✧ Vùng Hy Lạp, do Ngài Maharakkhi ta lãnh đạo.

✧ Vùng biên cảnh Hy Mã Lạp Sơn, do Ngài Majjhima.

✦ Vùng Miến Điện, bán đảo Ấn-Độ-Chi-Na và Mã Lai Á, do hai Ngài Sona và Uttara.

✦ Vùng Tích Lan do Ngài Mahinda.

Công đức hướng dẫn sự truyền giáo như thế kể thực vô lượng và không thể nghĩ bàn. Hình ảnh của người cư sĩ quốc vương này thật đáng là ngọn đuốc dẫn đạo cho những ai muốn đem đời mình phụng-sự cho Đạo Pháp và Dân Tộc.

II — NHỮNG PHÁP LỆNH KHẮC TRÊN ĐÁ.

NĂM điểm thực hiện hi hữu và sáng chói mà chúng ta vừa kể trên đây cho ta thấy Asoka đã thể hiện toàn vẹn tư tưởng hệ Phật Giáo vào cuộc đời: kiến thiết một xã hội an lạc làm nền tảng cho sự toàn giác trí tuệ của con người. Một sự kiến thiết toàn diện song hành giữa xã hội và tâm linh.

Mục đích chính của Asoka không ngoài nền hòa bình chính thực “cổ người” trước khi quảng đại quần chúng có thể ngưỡng vọng đến đời sống cao sâu của tâm hồn (vô thượng giác). Đọc qua các pháp lệnh mà Asoka sai khắc trên núi đá hay cột trụ, tuy chúng ta không tìm thấy những chủ trương chính trị, nhưng chúng ta thấy rõ một điều: nền đạo đức nhân bản — trường hợp ở đây là Phật giáo — là sườn cốt cho mọi bộ máy cai trị của nhà nước. Chính đó mới là yếu tố quan trọng. Bởi vì, giá thử Asoka để lại cho ta một chủ trương chính trị, thì cái chủ trương quân chủ đó chắc chẳng giúp ích gì cho xã hội chúng ta hiện đang đòi,

nói, không ngớt về dân chủ và tự do. Phương sở địa lý cũng như căn cơ tâm lý con người tuy khác nhau, nên tùy từng nơi mà mặt mày chính trị cũng biến đổi, song cái nguyên tắc Asoka để lại vẫn trường cửu và bất biến: đó là sườn cốt đạo đức nhân bản phải sừng dựng như những trụ cột chống đỡ bộ máy cai trị quốc gia. Không có nền đạo đức này, tất cả sẽ đổ vỡ như lầu cát.

Nay ta thử tìm hiểu xem Asoka đã để lại những gì trên các cột đá muôn đời kia. Những cột đá chứng trị cho một khoảng thời phồn thịnh và an vui của con người.

1) Pháp lệnh nói về chiến tranh:

Asoka đã từng dùng bạo lực để mở rộng bờ cõi, nhưng những cảnh tàn sát hãi hùng sau cuộc chiến thắng Kalinga (bờ vịnh Bengale) đã đè nặng trong tâm hồn Asoka một mối thương đau khôn xiết. Một trong 14 pháp lệnh (pháp lệnh XIII) khắc trên núi đá 8 năm sau ngày chấp chính, tìm được ở vùng núi Girnar, phôi rõ niềm hối cải này: “150.000 người bị đầy ải, 100.000 đã bị giết và hằng nhiều lần hơn số này đã bị tiêu hoại...” “Niềm hối hận đã xâm chiếm lòng người bạn của các thần linh (Asoka thường khởi đầu các pháp lệnh bằng câu “Quốc vương, bạn của các thần linh, với cái nhìn bằng hữu...” để tự xưng mình), từ khi chiếm được Kalinga. Sự chinh phục một quốc gia độc lập, thực ra chỉ là sự sát nhân, sự chết chóc hay là sự quy hàng của thần dân xứ đó: ý nghĩ này đã được cảm nhận sâu xa và nặng nề tâm can người bạn của các thần linh...” tất cả mọi người (ở đây) đều là nạn nhân của cường

bạo, của sự sát nhân, bị chia lìa với những kẻ thân yêu "... » cho dù số người bị giết, người chết và bị bắt trong cuộc chiến thắng Kalinga là bao nhiêu đi nữa, số này dù có nghìn lần ít hơn, thì cảm nghĩ xót xa ngày nay vẫn nặng nề trong tâm người bạn của các thần linh ». Sự hối hận không chỉ là nhận định suông, hối hận tức là sửa sai. Asoka từ chối mọi hình thức bạo lực, khí giới độc nhất của ông hiện nay chỉ là lòng từ bi và sự kiên nhẫn. Cũng trong bản pháp lệnh XIII này, đã ghi : « Cho dù có phạm lỗi đối với người bạn của các thần linh, người bạn của các thần linh cũng phải quyết tâm nhẫn nại cho đến kỳ cùng » .. Bởi vì người bạn của các thần linh mong cầu cho mọi chúng sanh sự an ninh sự chế ngự dục vọng "... » chiến thắng mà người bạn của các thần linh cho là cao cả nhất, là sự chiến thắng của chánh pháp. Sự chiến thắng mà người bạn của các thần linh đã thấu đạt trên vương quốc này lan truyền đến những vùng biên giới xa tới 600 dặm, những nơi trị vì bởi vua Hy Lạp Antiochus, xa hơn còn có bốn vua Ptolémée, Antigone, Magas và Alexandre ; phương Nam, xuống tận miền Cola, Pandya cho đến Taprobane ; cho đến cả những đế quốc của những người Hy Lạp, người Kampu-chia, người Nabhaka và Nabhapanti, Bhoja và Pitinika, Andhra và Parinda ; mọi nơi đều theo lời dạy của chánh pháp do người bạn của các thần linh ban truyền. Ngay cả những nơi chưa có sứ giả của người bạn của các thần linh đến, chỉ cần nghe nói đến hạnh nguyện của chánh pháp, huấn giới và giáo lý của chánh pháp của người bạn của những thần linh, người ta

liền sống theo chánh pháp và sẽ sống mãi trong đó... » « Sắc lệnh này được khắc ra để con cháu mai sau đừng mơ tưởng tới những chiến thắng khác. Và trong cuộc chiến thắng này, chúng sẽ chọn lựa sự kiên nhẫn và bớt dùng bạo lực, và chỉ có chiến thắng của Chánh Pháp là đáng kể cho cõi đời này và kiếp sau, niềm vui của chúng sẽ là niềm hoan lạc trong Chánh Pháp. »

2) Pháp lệnh nói về chánh pháp :

CHÁNH Pháp là gì ? — Pháp lệnh thứ II khắc trên trụ đá hồng ở thành Bénarès ghi : « Chánh Pháp rất lành. Nhưng thế nào gọi là Chánh Pháp ? Đó là sự dứt trừ tận gốc mọi tội lỗi, tăng trưởng những hành động chính thiện, lòng xót thương, khoan đại, tính chân thực, niềm trong sạch. » Asoka tin tưởng chân thành vào Phật giáo, bản khắc tìm được ở Bhabra cho ta thấy rõ điều đó. « Quốc dân đã biết lòng kính trọng khôn lường và niềm tin tưởng của ta đối với Phật, đối với Pháp, đối với Tăng. Những gì đáng nói, đức Điều Ngự Như Lai đã nói. Những gì cần thiết đề cho Chánh Pháp được hoằng dương, ta xin phép nhắc nhở cho quốc dân. » Và Asoka đã kê trong bản khắc này những đoạn kinh Phật cần được suy nghiệm và thực hành. Thực hành Chánh Pháp, ghi ở pháp lệnh thứ IV khắc trên núi đá vùng Girnar, tức là « chối từ sự sát nhân, hiền hòa với mọi người; tôn kính các vị Bà la môn và tu sĩ, vâng lời cha mẹ và các bậc phụ lão », đó là điều « chưa bao giờ hiện thực từ bao nhiêu thế kỷ rồi » vì trong quá khứ hàng bao thế kỷ qua, sự sát nhân, bạo lực cưỡng hiếp con người... vẫn không ngừng

gia tăng » và « thiếu đạo đức, không thể thực hành Chánh Pháp ».

Tóm lại, thực hành Chánh Pháp tức là dứt trừ mọi tội lỗi, và « cái mà người ta gọi tội lỗi, tức là thiếu biết điều, nung ác, sự nhần tâm, giận dữ, kiêu ngạo, tham muốn. Với những thứ đó, ta chẳng bao giờ muốn dính tới. » (pháp lệnh thứ III khắc trên trụ đá hồng ở Bénarès).

3) Pháp lệnh nói về cai trị theo Chánh pháp :

Cai trị theo Chánh Pháp tức phải biến mình trước tiên thành mẫu mực của Chánh Pháp, sau đó mới có thể hô hào cho dân theo Chánh Pháp, và muốn cho dân theo Chánh Pháp, phải nghĩ và lo âu cho hạnh phúc của họ.

« Ta xin nói điều ta nghĩ về quyền lợi và hạnh phúc của thế giới. Cũng như đối với cha mẹ, bà con quyến thuộc xa gần, ta muốn mang lại hạnh phúc cho họ, ta dùng mọi biện pháp thích ứng để hoạt dụng cho mọi thành phần (trong xã hội) ».

« Ta cũng đã tỏ lòng tôn kính với tất cả mọi giáo phái qua bao nhiêu dấu hiệu tỏ lộ tôn sùng. Nhưng điều mà ta phải mang thân đến gặp gỡ tiếp xúc thẳng với họ, ta cho là điều quan trọng hơn cả » (pháp lệnh thứ VI trên trụ đá hồng ở thành Bénarès, khắc vào niên vị thứ 26).

« Các vị vua thời trước đã muốn tìm phương cách xiển dương Chánh Pháp cho quần chúng, nhưng quần chúng vẫn không tiến bộ chút nào trên đường Chánh Pháp » ... « Làm thế nào để được quần chúng ưng thuận, làm sao để xiển dương Chánh Pháp ? » Trong pháp lệnh thứ VII khắc

trên trụ đá hồng ở thành Bénarès này, Asoka cho ta biết ông đã ra lệnh dựng lên khắp nơi những pháp lệnh nhắc nhở về Chánh Pháp, tổ chức những cán bộ cư sĩ am tường về Chánh Pháp để đi khắp mọi làng mạc đã thông cho quần chúng, những cán bộ này đã được Asoka huấn luyện để biết tùy theo căn cơ, phương sở mà giảng dạy Chánh Pháp cho phù hợp.

« **T**HẬT KHÓ mà chứng ngộ trong cõi đời này cũng như trong kiếp sau, khi không có một tình yêu Chánh Pháp, một sự nhất tâm cùng cực, một sự thuần thực thấu đáo, một sự cẩn trọng thâm thiết, một năng lực rốt cùng. Nhưng nhờ những huấn thị của ta mà sự chuyên tâm vào chánh pháp cùng tình yêu Chánh Pháp đang được lan rộng và sẽ còn lan rộng mãi ».

« Những kẻ cộng sự của ta cũng vậy, cao cấp hạ thuộc hay trung cấp đều chuyên nhất và phổ biến Chánh Pháp, đủ để lôi kéo những kẻ còn đang do dự. Đối với những kẻ Tổng giám ở biên cảnh cũng vậy. »

« Bởi vì đó là nguyên tắc : cai trị theo Chánh Pháp, chấp chính theo Chánh Pháp, làm đẹp lòng theo Chánh Pháp; bảo vệ theo Chánh Pháp » (pháp lệnh thứ I khắc trên trụ đá hồng ở Bénarès).

« Nhờ sự thực hành Chánh Pháp của quốc vương, bạn của những thần linh, với cái nhìn bằng hữu, tiếng trống trận đã trở thành tiếng báo hiệu cho Chánh Pháp » (pháp lệnh thứ IV khắc trên núi đá vùng Girnar).

« Mặt khác, trên mọi nẻo đường, ta đã cho trồng những cây đa đồ bóng mát cho người và thú vật ; ta đã cho trồng những vườn xoài ; và mỗi khoảng đường

2 cây số (nửa « kos » ?), đào một nơi chứa nước và xây những trạm nghỉ ; ta đã cho đào khắp nơi những giếng nước cho người và vật dùng »... « Nhưng những điều này thực ra chẳng đáng kể là bao » (pháp lệnh thứ VII khắc trên trụ đá hồng ở Bénarès).

« Một nơi trong vương quốc của vị vua, bạn của những thần linh, với cái nhìn bằng hữu, kể cả những vùng biên cảnh của những người Cola, Pundya, Satyaputra, Keralaputra cho đến Taprobane, Antiochus, vị vua Hy Lạp, và những vị vua láng giềng của Antiochus, khắp mọi nơi, quốc vương, bạn của những thần linh, với cái nhìn bằng hữu, cho tiến hành hai việc cứu trợ y tế, cứu trợ cho người và cứu trợ cho loài vật. Ở đâu thiếu những loài thảo được cần thiết cho người và cho thú vật, sẽ được gửi đến và trồng trọt. Ở đâu thiếu rễ cây và trái quả, đều được gửi đến và canh tác. Trên mọi con đường, giếng phải được đào, cây phải được trồng cho mọi người và thú vật dùng » (pháp lệnh thứ II khắc trên núi đá vùng Girnar).

Phục vụ dân không có nghĩa là đáp ứng ngưỡng vọng họ bằng các bài diễn văn và chương trình cách mạng chẳng bao giờ thấy thực hiện. Phục vụ dân, chính là thể hiện ra mặt những đòi hỏi cấp thiết và hạnh phúc đơn sơ của họ, và còn phải hướng dẫn cuộc sống tinh thần họ đi cho đúng với nền đạo đức người của dân tộc.

4) Những nguyên tắc chính yếu để thu phục lòng dân :

a/ Hãy biến mọi tác phong của mình thành mẫu mực của Chánh Pháp : và phải cố gắng tự kiểm thảo không ngừng. « Là một

cư sĩ trung thành từ hai năm rưỡi nay. Nhưng ta đã không thực hành một cách tinh tấn (nhất tâm quy mạng). Nhưng trái lại từ hơn một năm nay, ta đã theo sát với Táng đoàn và trì chí rất nhiều. Trước đây ở Ấn Độ chẳng bao giờ con người tương dự với con người như bây giờ. Đó là nhờ ở kết quả của sự tu trì. Đương nhiên, kết quả này không phải chỉ dành riêng cho những kẻ cao sáng, mà còn dành cho mọi kẻ thấp hèn nên họ chịu tu trì. (pháp lệnh khắc ở Mysore).

“ **T**HỜ I trước, các vua thường tổ chức những cuộc « ngự du hoan khoái » : như đi săn hay các thú vui khác. Nhưng quốc vương, bạn của những thần linh, với cái nhìn bằng hữu, sau 10 năm chấp chính, đã hành hương về Giác Ngộ. Từ đây, chỉ còn những cuộc « ngự du » cho Chánh Pháp, thề như : tiếp kiến hay phân phát (tặng phẩm) cho các vị Bà la môn và tu sĩ, tiếp kiến và phân phát vàng cho những phụ lão, tiếp kiến và thuyết pháp cùng giải quyết những vấn đề liên quan tới Chánh Pháp cho quần chúng ở các tỉnh ... » (Pháp lệnh thứ VIII khắc trên núi đá vùng Girnar).

« Trước đây mỗi ngày có hằng nghìn thú vật bị giết để làm cơm trong bếp núc nhà vua, bạn của những thần linh, với cái nhìn bằng hữu ; nhưng bây giờ, trong khi pháp lệnh này được khắc lên, chỉ 3 con thú sau đây bị giết để làm cơm thôi : 2 con công, 1 con nai, ngay cả con nai này cũng không được giết thường xuyên. Ngay cả 3 con vật này rồi đây sẽ không còn bị giết nữa » (pháp lệnh thứ nhất khắc trên núi Khepingala, vùng Girnar).

Niên vị thứ 26, Asoka đã cho khắc một pháp lệnh (pháp lệnh thứ V khắc trên trụ đá hồng ở Benarès) «cấm giết súc vật» và ghi rõ tên các loại không được giết, ta đọc thấy tên của 23 loại chim, cá, thú bốn chân.» Thêm vào đấy dê, cừu, heo có chữa hay đang cho bú đều không được giết; cho đến cả những con chưa lớn quá sáu tháng. Cấm thiến gà «... cấm đốt rừng không có lý do hay để gây thiệt hại. Cấm nuôi thú vật bằng thú vật.»

«Và ba tuần trăng rằm mỗi 4 tháng, vào ngày tròn trăng Tisya và liên tiếp 3 hôm: ngày 14, 15 và 1 là những ngày phải ăn chay một cách thuần khiết, cấm giết hay bán cá» «Vào ngày thứ 8 mỗi thượng tuần ngày 14, ngày 15, là những ngày lễ Tisya và Punarvasa, vào 3 tuần trăng rằm mỗi 4 tháng và những lễ, cấm thiến bò rừng, dê, cừu, heo và các loài thú vật khác» ... «Cho đến niên vị thứ 26 này, ta đã phóng thích tù nhân 25 lần cả thảy».

b) Phải luôn luôn tỉnh thức để nghe rõ nguyện ước của dân: «Trong bất cứ lúc nào, dù khi ăn, khi ở nơi khuê phòng, nơi phòng ngủ, nơi nông trại, trên xa giá, trong vườn cảnh, khắp nơi những thông tin viên phải phúc trình đầy đủ cho ta biết những công việc dân sự: và ta tham dự vào công vụ ở khắp mọi nơi. Bất kể khẩu lệnh nào ta ban bố, liên quan tới việc dâng tặng hay tuyên cáo, hay những việc khẩn cấp giao phó cho các vị Tổng giám, nếu có điều gì phải tranh luận hay bình nghị ở hội đồng phải thông tin cho ta biết tức thì, bất cứ lúc nào hay ở đâu, đó là lệnh của ta. Bởi ta không thỏa mãn trong việc làm và trong lời kết luận về những công sự. Bởi ta xét rằng nhiệm vụ của ta là mang lại hạnh phúc

cho thế giới, nên nguyên tắc là hoạt động và thi hành kỳ cho hoàn mỹ nhiệm vụ mới thôi. Bởi không có hành động nào cao cả hơn là việc đem hạnh phúc đến cho toàn thế giới. Và mọi cố gắng ta phải đạt là trả mỗi nợ cho nhân loại, ở cõi này, ta phục vụ cho hạnh phúc của họ và ở kiếp sau, ta mong muốn cho họ sinh về cõi Thiên». (pháp lệnh thứ VI khắc trên núi đá vùng Girnar)

Dể kiểm soát và thấu rõ những nhu cầu khẩn nguyện của quần chúng, Asoka gửi đi khắp nơi những kiểm soát viên «Quyền lực phán xét và trừng phạt của họ đều do ta nắm giữ, như thế những kiểm soát viên sẽ yên tâm thi hành nhiệm vụ khỏi phải sợ hãi gì, và họ sẽ chỉ lo đến quyền lợi và hạnh phúc của dân chúng ở các tỉnh và bảo trợ cho quần chúng. Họ sẽ hiểu những gì là hạnh phúc và với những kẻ tin thành Chánh pháp, họ giáo hóa cho quần chúng các tỉnh, làm cho quần chúng chứng ngộ được trong cuộc đời này cũng như trong kiếp sau»,.. «Và có nhiều phương cách khác nhau làm cho quần chúng tiến bộ trên đường thực hành Chánh Pháp, chế ngự nhục tình và phân phối lòng nhân ái.» (Pháp lệnh thứ IV khắc trên cột đá hồng tại thành Bénarès).

c) Đức tính chí công và vô tư: đó là huấn thị mà Asoka căn dặn các vị Tổng giám (công chức) một cách tỏ tường trong pháp lệnh thứ I tại Kalinga: «... «Điều gì ta cho là hoàn mỹ, ta muốn hái lượm bằng hành động của ta và thu nhiếp một cách có phương pháp. Phương pháp hay nhất mà ta thấy trong vấn đề (an dân) này là những huấn thị ta ban cho các người. Bởi vì các người được bổ nhiệm phục vụ cho hằng nghìn nghìn người.»

« Hãy thu phục cảm tình quần chúng. Mọi người đều là con của ta. Thế như các con của ta, ta muốn cho chúng hết thấy quyền lợi và hạnh phúc trong thế giới này cũng như trong kiếp sau, đó cũng là điều ta ao ước cho mọi người. Các người chưa thấy rõ nó can hệ đến chừng nào ; có thể là có kẻ nào đây trong các người thấy điều đó, nhưng chỉ thấy một phần nào thôi chứ chưa phải trọn vẹn. Là người có đầy nhiệm vụ, các người hãy suy nghĩ kỹ đi. »

« Thường có những cá nhân bị vào tù, bị tra khảo và sau đấy được phóng thích không lý do và còn nhiều kẻ khác chịu khổ đau hơn thế nữa. Vì vậy mà các người phải thực hành chí công vô tư. Chí công vô tư là không có khuynh hướng ganh ghét, gắt gỏng, ác hiểm, nông nổi, bướng bỉnh, lười biếng, buông xuôi. Phải cố ý tránh xa những khuynh hướng này đi. Nguyên tắc thực hiện là tránh xa sự biến tính và nông nổi trong khi hành sự. Kẻ nào chán chường chẳng sao hoạt tiến được, mà trong công vụ của các người cần phải tỉnh thức, xúc tiến và hoàn tất. »

III—TINH THẦN KHOAN ĐẠI, TỰ DO VÀ KHAI PHÓNG CỦA ASOKA :

Giáo sư Jean Filliozat đã viết về Asoka như vậy : « Dù đã chọn Phật giáo là con đường cho chính bản thân mình,

Asoka chẳng bao giờ dùng quyền uy của mình cưỡng chế ai theo đạo mình. »

THẬT thế, « Quốc vương, bạn của những thần linh, với cái nhìn bằng hữu muốn rằng tất cả mọi tông phái đều an vị khắp mọi nơi. Bởi mọi tông phái đều muốn chế ngự các nhục tình và tinh hóa tâm hồn. Nhưng mỗi người đều có những ước muốn khác nhau, những nhiệt tình sai biệt. Hoặc là họ thực hành tất cả, hay chỉ một tiểu tiết nào đó. Với ai không có lòng khoan đại, sự chế ngự nhục tình hay tinh hóa tâm hồn, sự hiền giác và sự đoan quyết trong niềm tin vẫn luôn luôn là điều quan trọng. » (Pháp lệnh thứ VII khắc trên núi đá vùng Girnar).

Tinh thần tôn trọng tự do tín ngưỡng của Asoka hiển lộ một cách khoan đại và minh xác qua pháp lệnh thứ XII (khắc trên núi đá vùng Girnar) : « Quốc vương, bạn của những thần linh, với cái nhìn bằng hữu, tỏ lòng tôn kính tất cả mọi tông phái, quý thầy tu sĩ cùng những vị cư sĩ, qua những tính khoan đại, cũng như những vinh hạnh khác nhau. Nhưng bạn của những thần linh không đặt nặng những tính khoan đại cũng như những vinh dự cho bằng sự tiến bộ trong bản chất của mọi tông phái. Sự tiến bộ của bản chất tuy thể hiện nhiều cách, nhưng chính thực chỉ là sự tiết chế ngôn ngữ, làm thế nào để tránh sự tôn xưng riêng

tông phái của mình hay sàm báng những tông phái khác ; dù vì trường hợp này hay trường hợp kia, dù cho là điều không đáng kể. Trong mọi cơ hội, phải tỏ lòng tôn kính những tông phái khác. Có như thế, người ta mới làm cho tông phái mình lớn lên đồng lúc phục vụ cả cho tông phái kia. Trái lại, ta chỉ làm hại tông phái của ta đồng lúc chẳng giúp ích gì cho tông phái khác. »

IV — KẾT LUẬN :

ĐỨNG trước cuộc đời hỗn tạp — mà các nhà luân lý gọi là nơi tục lụy hồng trần—giữa muôn dân sai khác, bên cạnh những nhục tình sôi sục, Asoka không chút hải hùng chạy trốn, dù là một cuộc trốn tìm giải thoát. Đề kiến tạo một xã hội an lạc, một vương quốc hòa bình và phồn thịnh, một cách hi hữu 23 thế kỷ trước đây, Asoka nhìn thẳng vào thực tại, chuyển hóa mọi phiền não và bất an một cách linh động thành cảnh sống an lạc. Asoka đã sống như một quá trình tu chứng cỡ người, không vì cái giải thoát tự tại cho riêng mình, cũng không vì danh lợi bản thân, luôn luôn vì và cho Chánh Pháp, một thứ chánh pháp xuyên qua niềm hòa bình và hạnh phúc của quảng đại nhân dân. Vì vua, bạn của những thần linh có cái nhìn bằng hữu này, «không tin rằng vinh quang hay thanh danh mang đến một lợi lộc lớn, trừ khi dùng vinh quang hay thanh danh trong hiện tại và mai sau vào việc làm

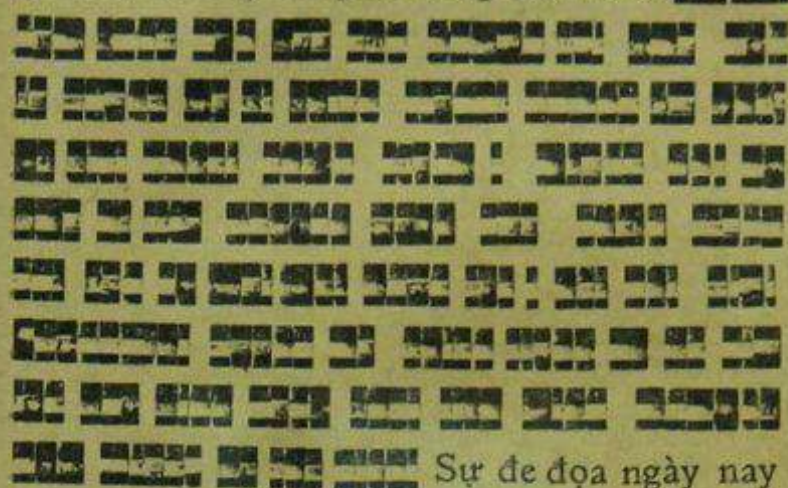
cho thần dân tuân nghe điều phải, tuân nghe Chánh Pháp và thực thi Chánh pháp Chính trong tiêu chuẩn này mà quốc vương bạn của những thần linh, muốn có vinh quang hay thanh danh». (pháp lệnh thứ X khắc trên núi đá vùng Girnar).

Sự thực chứng qua hình ảnh cư sĩ này thật là quan trọng. Giữa các vị vua cao sang sung túc, người ta muốn thấy một vị vua nhân hậu thân dân, giữa sự hiềm hoi của vài vị vua nhân hậu vì bản tính, người ta muốn thấy hình ảnh đạo giáo đã đi qua vị vua đó như thế nào, để nhận rõ giá trị thực chứng và kiểm nhận của một đạo như đạo Phật. Cũng thế, ngày nay, giữa bao khuynh loát của chủ thuyết và bè phái, trên vực thẳm của hủy diệt chúng ta cũng mong thấy hình ảnh một chính trị gia Phật tử như hình ảnh A Dục vương của 23 thế kỷ trước đây.

Ngay chính trong sinh hoạt cộng đồng cũng vậy, có biết bao gia đình theo đạo Phật, song các gia đình đó vẫn chưa hóa Phật, nghĩa là vẫn chưa có một hình ảnh hạnh phúc mẫu mực để cho nhân loại thấy và buột miệng : «Đó là một gia đình Phật tử ! » và ao ước : «Gia đình ta phải giống như thế!»

NỀ N văn minh máy móc với những chủ thuyết cục bộ và độc tôn đang kéo hàng triệu con người vào trận tuyến của căm thù, vào sự buông xuôi chán chường hay thất vọng cô đơn. Người ta không ưa

gì thể, nhưng cứ phải sống như thế.



Sự đe dọa ngày nay thực là trầm trọng, đem lại cho ta ý nghĩ : truyền thống của người cư sĩ Asoka phải được học tập và tiếp nối một cách chí thành và tha thiết. Sự có mặt của người cư sĩ Phật giáo trong hình ảnh này mới thiếu thốn làm sao !

Gần đây các nhà khoa học đang thí nghiệm không ngừng cách thức cho cơ thể con người có thể sống trên bề cao mười tám nghìn cây số, thoát khỏi hấp lực quả đất, hoặc cách thức cho con người có thể sống dưới hầm sâu 1000, 2000, rồi 3000

thước. Các nhà thần học thì bày cho con người khép kín các ngõ ngách của cuộc đời để vào sâu trong tâm linh thăm thăm.

Trong khi đó sự sống cũng như khổ đau vẫn tiếp diễn một cách đương nhiên, mà chẳng thấy ai dạy cho con người cách đi bằng hai chân trên mặt đất nhiệm mầu này, và cách sống làm sao cho cụ thể cũng như tâm linh được thăng bằng hòa điệu, làm sao cho con người nhận diện con người.

Ngoài Asoka, chắc không ai làm nổi. Ta hãy thắp hương cầu nguyện cho Người đến trong tấm thân cư sĩ của chúng ta.

NGUYỄN ÂN

Tài liệu tham khảo :

— Les Inscriptions d'Asoka (Collection Emile Senart).

— Epigraphia Indica — J.G. Buehler.

— Asoka et l'expansion bouddhique — Jean Filliozat (France-Asie Nos 153-157)

ĐÓN ĐỌC :

- TRẦM TƯ CỦA MỘT TÊN TỘI TỬ HÌNH của HỒ-HỮU-TƯỜNG
- VẾT HÀN NĂM THÁNG tập truyện của VÕ-HỒNG
- NHỮNG NGẢ ĐƯỜNG truyện dài của VÕ-ĐÌNH-CƯỜNG

LÁ BỐI xuất bản

ĐÃ PHÁT HÀNH CON ĐƯỜNG TRUYỆN DÀI

Tác phẩm mới nhất của NGUYỄN-ĐÌNH-TOÀN

GIAO ĐIỂM xuất bản

NGÀY LẠI NGÀY sổ tay văn nghệ

TAM ÍCH

THÁNG hai năm 1964. Tòa án Lénin-grad xử một vụ kiện tạm gọi là một vụ kiện văn nghệ. Người ra vành móng ngựa là thi-sĩ Joseph Brodsky, 24 tuổi. Chàng bị buộc tội làm ký-sinh trùng xã-hội (nguyên văn : *parasitisme social*). Toà tuyên án năm năm khổ sai và bị đày. Khi ra toà, toà buộc tội chàng những tội sau này : chàng làm lương ít, chàng không sẵn sóc tới đời sống cá nhân và sự sống riêng tư của chàng, làm những bài thơ phi-công-thức (non-conformiste) và ngâm thơ uỷ-mị trong những cuộc họp văn-nghệ Và toà buộc tội chàng không phải là... thi-nhân

oOo

Ở Leningrad, có rất nhiều nhân-vật

có danh tiếng và uy-tín trong giới văn-nghệ can-thiệp cho chàng, nhưng không có hiệu-quả. Họ cho Brodsky là một thi-nhân và một người dịch thơ có tài xuất chúng.

oOo

Chuyện có sao, tôi kể vậy — ai có mâu kính của nầy để nhìn việc đời, tôi không dám làm mặt lạnh xen ý-kiến của mình vào. Chỉ biết có một điều là tôi thương hại cho thi-nhân — mà thôi. Và cho cả anh, cả tôi, cả nó, cả hần, cả họ nữa Và trong không gian. Và trong thời gian. Đây. Kia. Trước kia. Sau này.

Còn một điều nữa cũng nên nhấn mạnh : Brodsky là một thi-nhân dịch thơ có tài : đó là một việc rất hiếm. Làm thơ

là một chuyện khó, dịch thơ lại là một chuyện khó hơn — nghĩa là giữa hai cái khó, *dịch thơ* vẫn khó hơn *làm thơ*. Nói một cách khác : *làm thơ* còn dễ hơn *dịch thơ* — dịch đây là dịch cho hay : câu thơ hay, ý thơ vẹn Tôi chưa thấy ai dịch bài *Hoàng-hạc-lâu* cho thật hay, kể cả Tản Đà. Dịch làm sao mà *nhạc tính* bài thơ vẫn có, vẫn còn không phải là một chuyện dễ ! Tôi lại cũng chưa thấy ai dịch bài *Sonnet* của Arvers cho thật hay. Ngày xưa nhóm *Phong-hoá* — hình như Khái-Hung thì phải — đã dịch bài *sonnet* ấy mà cũng chỉ còn lại một câu : “ *Tình trong giây phút mà thành thiên-thu* ” là hay — còn thì những câu khác cũng chỉ... tạm.

Còn hình như thi-sĩ Tchya Đái-Đức-Tuấn ngày xưa có dịch “ *Vọng mỹ nhân hề thiên nhất phương* ” là “ *Nhớ người đẹp. Trời một phương* ” thì cũng được lắm !

oOo

THƠ của Brodsky có những câu :
Tout noir qu'il fut, il ne donnait pas d'ombre.
Il ne pouvait pas devenir plus sombre.
Aussi noir que minuit de brume.
Aussi noir que ces arbres, devant
Aussi noir qu'une aiguille, dedans.
Comme un trou, dans la terre, où git la graine
.
Pourquoi respirait-il l'air si noir
Dans le bruissement des branches écrasées ?
Pourquoi le jour noir coulait-il de ses yeux ?

Nhạc-tính rất thắm, rất kín, rất Prévert — tôi thì không dám dịch là lẽ cố nhiên rồi — nào có ai dịch ra cho hay, xin dịch cho thiên hạ cùng thưởng thức !

Dịch thơ khó. Mà Brodsky lại là một thi-nhân dịch thơ ngoại-quốc có tài — đó là chỗ hơn người. Thế là chàng hơn người tới hai lần...

oOo

CÓ vài chuyện văn nghệ có tích chất khá hài hước — hài hước đến làm chảy nước mắt ! Chẳng biết là nên khóc hay nên cười — hay là nên nôn mửa.

Số là Roland Dorgelès, một văn hào Pháp ngày xưa là một văn sĩ chống hội họa phi hình dung, trừu tượng, lập thể, vân vân... Một hôm chàng rủ một hai anh em văn nghệ làm một chuyện ngộ ngộ — là bắt một con lừa, nhúng cái đuôi của nó vào vại ba thùng sơn, rồi thả cái đuôi ấy ra cho nó vung vãi lên một tấm vải trắng. Xong rồi chàng trình trọng, đóng khung nó, ký láo một cái tên nào đó, rồi chở đến một khách thỉnh văn nghệ (tức là salon littéraire ngày xưa ấy !)

Kết quả là tất cả những “ thân chủ ” hào hoa phong nhã — kể cả họa sĩ — cùng với những trang nam nữ văn nghệ — cùng với những nhà giàu sang mà lại thích văn nghệ kia — cao đàm hùng biện và phê bình bức tranh ấy.

Mãi sau mới ngã ngựa ra là bị Roland Dorgelès gạt... Có một điều lạ nhất là không có ai... mắc cở cho thái độ trước của chính

Tác-phẩm thứ hai là *Thành phố quê hương* (La ville natale)... không theo đúng công thức thời-đại cho lắm.

Năm 1961, chàng cho ra đời cuốn *Kira Georquievna*, tả những giới văn-nghệ Nga-sô-viết giống giống như giới văn-nghệ «avant-gardiste» của âu-châu ngày nay... có vẻ... sa-đọa và phi-công-thức.

Nhưng đến cuốn *Ở hai bờ đại-dương* (Sur les deux rives de l'Océan) trong đó chàng công-kích chế-độ «bế quan tỏa cảng» văn-hoá nga-sô và trăm trờ văn-nghệ âu-châu... thì chàng bị khai-trừ ra khỏi đảng cộng-sản. Kroutchev nói rằng ở Nga không cần có những nhà văn-nghệ như Nékrassov ! Nhưng rồi năm 1964, Kroutchev lại đổi ý về Nekrasov — cho vào đảng lại.

Bây giờ thì Kroutchev đã bị hạ.
Chẳng biết số-phận Nekrasov ra sao.

oOo

N HƯNG cứ theo dõi đời sống văn-nghệ Nékrassov ở Nga như vậy thì thật là hết hiểu nổi... văn-nghệ bên Nga ! Hết hiểu nổi văn-nghệ nói chung. Văn-nghệ là cái thá gì thế nhỉ ? Biết đường nào mà lần ! Biết đường nào mà tính ! Vất vả thay nhà văn-nghệ !

Loài người càng văn-minh thì giới văn nghệ càng trở nên... phiền phức — bên này bên kia màn sắt hay màn tre gì thì cũng vậy cả !

Con người nói chung có *thân-phận* đã đành — con người văn-nghệ lại càng

lớn... *thân phận* ! Ăn ở làm sao cho tròn quả phúc đây ?

TÓ I mới đọc lại một số kịch phẩm của Samuel Beckett và của Ionesco.

Lòng tôi cứ nghĩ lẫn thần rằng thoại kịch xứ mình không... trưởng thành, chứ giá có lấy một mẫu trưởng thành thì thử dịch rồi dựng kịch của hai cái ông ấy coi phản ứng khán giả ra sao !

Chắc là trải chiếu cạp điều, đem kiệu bát cống... kèm theo xe Cadillac kiểu tối tân nhứt... mà mời khán giả Việt-Nam cũng khó có ai mà đi coi kịch của các bậc kịch gia tiên phong và trứu-tượng... ấy !

Tại sao.

Sẽ xin đề cập đến khía-cạnh văn-nghệ của vấn-đề văn-nghệ ấy trong một dịp khác đề bà con thưởng-ngoạn một mẫu văn-chương kịch tiên-phong (*littérature dramatique d'avant-garde*). (Xem bài nói về kịch tiên phong cùng trong số này).

N ĂM 1933, cuốn *Le petit arpent du Bon Dieu* của Caldwell ra đời. Thiên hạ làm như trời sắp sụp... Hội Bảo-vệ luân-lý Nữu-Ước đưa đơn kiện Caldwell phạm đến thuần phong mỹ-tục.

Nhưng có hơn 60 nhà văn phản đối vụ kiện ấy. Ông toà Benjamin Greenspan cũng dựa vào thái-độ những nhà văn ấy để loại vụ kiện đi. Còn nhà phê-bình J. H. Jackson thì tiên-đoán là Caldwell sẽ là một nhà văn lớn của quốc-tế !

oOo

Quả tình Greenspan nói đúng. Sau này cuốn sách dịch ra 12 thứ tiếng và bán tại 18 nước trên thế giới. Ai cũng đọc. Bây giờ thì không ai không biết Caldwell. — ngang với tiếng Steinbeck và Hemingway.

Văn chương duy nhiên của Caldwell rất thần tình ! Còn tại sao nó thần tình, nó thần tình ở đâu, ai đọc sẽ thường ngạc nhiên — tôi biết ăn biết nói làm sao để phân-tách cái hay của một văn-phẩm được. Có lẽ trong những cái trùu tượng của trời đất thì cái hay của một văn-phẩm xuất chúng là trùu-tượng nhất đấy !

Hôm nay, tôi đọc tạp chí *La tabbe ronde* số 205, tháng 2 năm 1965, có bài nhan đề là Thơ, một nghệ thuật hấp hối — *Poesie, art moribond* — tác giả là một thi sĩ lớn nước Pháp : Pierre Emmanuel.

oOo

Bài đó là bài đọc ở Những cuộc hội thảo quốc tế tại Genève (*Rencontres internationales de Genève*). Những cuộc hội thảo

này, mỗi năm tổ chức một lần. Riêng bài của Pierre Emmanuel thì hay lắm. Sẽ diễn ra tiếng việt — khi có dịp.

Thấy người ta hội thảo mà mình thì không. Cũng buồn chứ !

HẰNG NGÀY ĐÓN ĐỌC

nhật báo

ĐẤT TỎ

Cơ-quan Thông-tin
và Nghị-luận
của Phật-Giáo

GIỮ THƠM QUÊ MẸ
CÀNG NGÀY CÀNG HAY
Số 4 phát hành ngày 1-10-65

HOA VÔNG ĐỎ

NGUYỄN PHƯỚC

M ẦY cánh hoa vông đỏ gay gắt không ngớt đập vào mắt Khang, thế nhưng Khang vẫn mở mắt nhìn trảng ra ngoài trời. Anh nằm phân tích cái cảm giác khó chịu chích đau vào mắt và thần kinh, trong khi anh hô hấp không điều hòa. Hễ vợ anh đóng cửa sổ anh lại lồm cồm ngồi dậy mở tung ra, mặc nắng gió tha hồ vào, sau đó anh nằm xuống nhìn đăm đăm vào màu đỏ trên cây cao, y như bị thôi miên. Tính Khang rất chiều vợ, độ sau này anh vẫn giữ nét đáng yêu đó, duy có việc ngắm hoa vông anh tỏ ra ngang bướng tột độ. Lúc đầu Thanh buột miệng hỏi :

— Em đã đóng rồi, sao gió làm bật cả cửa ra thế này ?

Thấy Khang nằm im, Thanh định nhắc lại câu hỏi. Anh trả lời :

— Không, anh mở đấy.

— Anh có điên khùng thì bảo, nắng chói thế này mở cửa chịu được sao ?

— Anh nhìn cây vông.

— Cây vông làm sao mà nhìn nó ?

— Em không thấy hoa nó đẹp à ?

— Hừ tưởng gì ! Em đê nhất ghét cái ! Nhìn nhúc mắt không chịu được.

— Cũng có nhúc mắt đấy, nhưng gắng chịu sẽ thấy hay lắm.

Hôm nay, không buồn hỏi, Thanh biết phải làm gì rồi, tự động đóng cửa rồi bước nhanh ra khỏi phòng. Đợi nàng đi, Khang định ngồi dậy đến mở cửa ra lại nhưng không sao nhắc mình lên nổi ; anh nghe

toàn thân rục rã, đầu nặng, đôi lòng bàn chân rịn ướt.

— Thanh à. Khang kêu với ra cửa phòng. Mở cửa sò cho anh đi.

TH A N H bước vào tần ngần đứng cạnh giường chồng, ngờ vực hồi lại. Nghe giọng anh trả lời rần rỏi, nàng đến đẩy tung hai cánh cửa một lượt. Khang không để ý đến tiếng cửa đánh ập mạnh vào tường và cũng không nghe bước chân vợ dậm lên nền nhà đi ra.

Ra đến ngoài Thanh nghĩ lại hối hận về cử chỉ thiếu dịu dàng của mình. Dù sao nàng không khỏi buồn buồn cho một thay đổi không hay đã len vào đời sống vợ chồng trước nay không vẩn đám mây đen nhỏ nào... Không có gì phải khó nhớ ra, nàng không quên buổi trưa cách không lâu, Khang ở tòa soạn về vẻ mặt hăm hăm tức tối. Gạn hỏi, nàng nghe Khang trả lời :

— Minh mắt có trót năm, thế mà chúng nó viết phê bình hạ mình.

— Ai viết phê bình ? Thanh hỏi.

Không trả lời, Khang nói tiếp những ý nghĩ của anh ra. Anh nói rất nhiều, nói không ngừng, không có mạch lạc có khi như sảng sốt, giọng anh từ đầu đến cuối nghe xót xa và thành thật. Nàng nghe và cố gắng nghe và ít nhiều cảm thông cho anh : trước đây anh cũng đã nhiều lần lắc đầu cho một số người cầm bút phê bình văn nghệ. Mỗi bất bình của anh thường ở chỗ :

nhiều nhà phê bình khi hạ bút không thành thật, với ngay chính mình cũng như với độc giả và tác giả cuốn sách. Anh không trông mong nhà phê bình phải đủ khả năng — khả năng dù cần thiết thật nhưng nó vô cùng và không coi như điều kiện tiên quyết — nhưng cần nhứt là đừng ngụy tín và ác ý. Anh còn giữ một bức thư mà tác giả là một người đàn bà có mấy đứa con gái lớn tới tuổi phải lo, bà lo cũng một phần vì chúng say mê truyện của anh nữa. Bao nhiêu lời chỉ trích nặng nhẹ, không thiếu một lời nào trong bức thư gần mười trang bà gửi cho anh. Anh bảo : « Bà này rất thành thật và chịu khó đọc sách anh rất kỹ ».

Vợ anh không ngờ anh thích những lời chỉ trích như thế, anh giữ bức thư đó cùng một chỗ với bức thư thứ hai, đặc biệt không kém. Đó là bức thư của một học sinh lớp nhất. Hai vợ chồng đã cười nhiều vì những lời ngổ nghĩnh trong thư nhưng, giữa hai tiếng cười Khang đã nghiêm giọng bảo : « Thăng bé này sau khác người, xuất chúng không biết chừng. » Suốt một trăm rưỡi trang truyện của anh nó chỉ đề ý có nửa trang và lấy làm thích thú lắm. Nửa trang anh tả cánh đồng lúa xanh. Và nó đã gửi lại cho anh ba trang thư nói toàn về đồng và lúa xanh. Những thứ như tình yêu quê hương, tình yêu thiên nhiên, kỷ niệm làng quê không phải là những bận tâm của đứa bé, nhưng đã tượng hình một cách khả quan như những hạt giống tốt hứa hẹn cây xanh.

Lần này, trong tác phẩm này, anh đề

— nhiều công phu, nhiều dụng ý' thế mà tất cả thứ đó không được người phê bình biết đến hay người phê bình cổ tình không biết đến để đưa đây tác phẩm anh sang một bình diện khác rất thuận lợi cho nhà phê bình và bất lợi cho riêng anh. Tác phẩm anh nói là bị đem ra mổ xẻ, kỳ thật những nhát cuộc của người phê bình chẳng động đến mạch văn hay lòng sách, chỉ xon xớt mặt ngoài. Điều này làm Khang khổ sở. Anh đã say sưa với văn chương, điều anh mong mỏi ở những bạn đồng nghiệp là chia sẻ say sưa với anh. Anh muốn được phê bình, anh muốn được người ta chỉ trích anh triệt để tới nơi chốn, hơn là được khen hò hững chê hò hững để cuối cùng lấp liếm mập mờ.

NĂM trên giường, Khang mở mắt thao láo nhìn mấy cánh hoa đỏ rực nổi hắt giữa khung cửa sổ chói nắng. Nghe tiếng động khẽ ở bên ngoài, tự nhiên Khang thấy nên làm một cái gì cho vợ vui lòng. Anh cất tiếng vọng ra:

Em về đấy à?

Tiếng Thanh bước vội vào phòng, nàng hiện ra nói như reo:

— Vâng, em về đây, em có mua trái cây cho anh. Anh khoẻ được chút nào chưa?

Nghe nàng nói như chim, Khang bỗng cảm thấy ái ngại cho nàng nhưng tâm trí anh vẫn chưa thể nào quang đãng. Nàng ngồi xuống bên anh, nhìn anh e dè qua

lớp kính mắt, nụ cười chưa tắt hẳn trên môi và khuôn mặt hồng lên vì nắng. Ngày thường như thế này phải biết, anh đã bắt cóc nàng ấm lên lòng mặc cho nàng kêu nát cả áo quần. Anh hay có những cơn yêu đương giữa ban ngày như thế, vừa lãng mạn vừa tàn bạo. Bất giác anh mỉm cười.

— Gì mà cười, anh?

Khang hất hàm chỉ quấy về phía khung cửa sổ:

— Hoa vòng đỏ.

— Hoa đẹp phải không anh?

Khang không chờ đợi một câu như Thanh vừa nói. Một đám mây từ đâu chạy về do dự giữa khung cửa. Anh liên tưởng màu tuyết trắng, dày và mịn. Anh nói dối nhanh một câu:

— Hồi nãy anh đóng cửa nhưng gió làm bật ra đấy.

— Đề em khép lại cho. Chối chết.

Hai vợ chồng như hai con chim qua cơn mưa rào làm ướt tổ và bây giờ đang rúc rỏ cho nhau trong nắng. Cơn mưa rào vô thường như đám mây đen đám mây trắng trên lưng trời.

— Anh nhớ hôm nay là ngày gì không?

Một ý nghĩ chực sẵn từ đâu vượt ra khỏi sự kiểm soát của anh để trở thành câu trả lời:

— Hôm nay là ngày nhục nhã của đời anh.

Khang cố giữ nét mặt tươi, nín giữ không khí thanh bình đã lâu nay mới tìm lại được, rồi bảo khẽ :

— Hôm nay là sinh nhật của anh đấy.

KH A N G nhanh trí làm một hội ý :
« Hôm nay là sinh nhật của anh, ngày nhục nhã của đời anh », nhưng nghĩ sao lại thôi không nói ra.

— Em có món quà nhỏ tặng anh.

Khang thấy nàng đặt vào lòng tay mình một xấp giấy rồi đi êm ra khỏi phòng. Khang đưa mắt nhìn vào mấy tờ giấy, ngay mấy chữ trên trang đầu đã làm anh ngạc nhiên. Anh hồi hộp đọc hết từng trang một, một lực vô hình nâng anh dậy lúc nào không hay, anh đọc luôn một hơi đến tờ cuối. Ngồi lặng một lát, Khang tần mẩn giở lại trang đầu và nhìn lại mấy chữ viết tay. *Hoa vông đỏ*. Dưới đó : *Truyện ngắn*. Dưới nữa : *Triu mến tặng chồng tôi*. Anh đọc lại từng đoạn, từng đoạn. Khang có cảm giác vừa ra khỏi bồn nước nóng, ấm áp, phập phồng và khoan khoái. Rất công bằng mà nói, Khang không ngờ vợ có nguồn cảm hứng đặc biệt như thế mà viết thành một truyện ngắn thi vị, khéo, và cảm động. Nàng có thêm cái sáng kiến tặng anh làm quà sinh nhật. Và điều cuối cùng này quan trọng hơn hết đối với anh : nhờ món quà anh tìm lại được cái « hơi » truyện ngắn.

Không nhìn lâu hơn được nữa, anh gọi Thanh vào và khi nàng ngập ngừng ở cửa, Khang nói ra hết những điều anh vừa nghĩ.

oOo

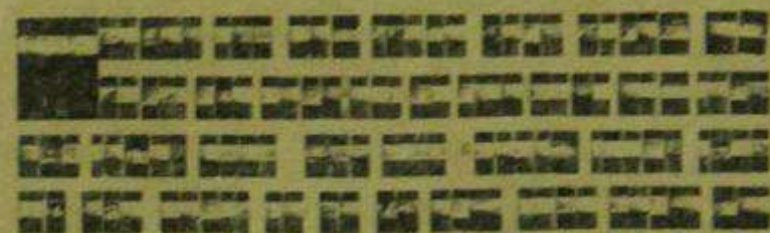
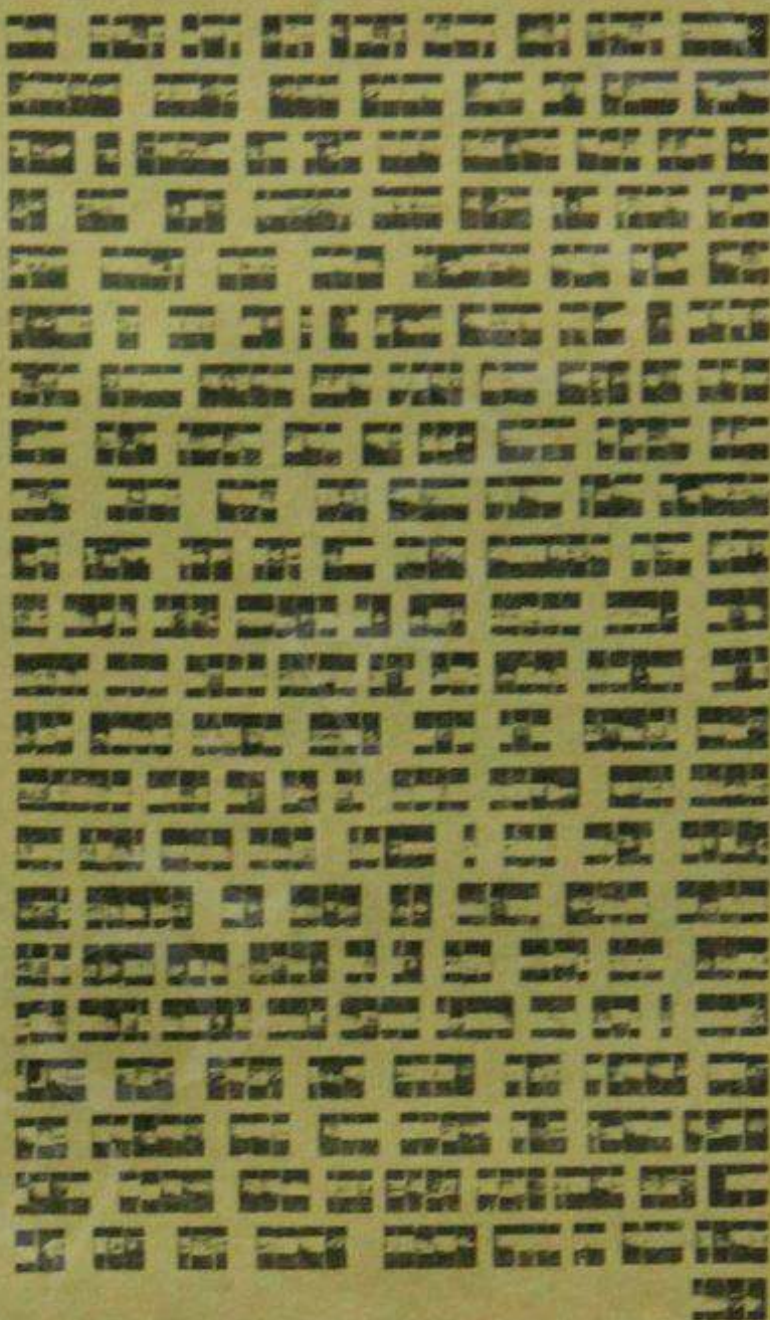
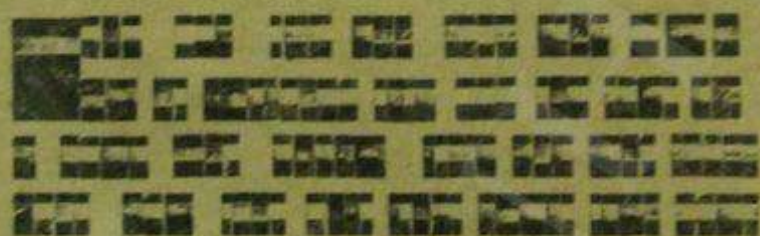
CH U A khỏi mệt, Khang vẫn đi rong nơi này nơi kia, không quên để ý xem chừng có ai có ý kiến gì về truyện ngắn *Hoa vông đỏ* vừa được đăng tải. Anh đoán không sai, anh không phải là người duy nhất cho truyện của vợ anh là đặc biệt. Trong nhiều nơi quen biết anh vừa tiếp xúc, đã có hơn một người nhắc nhở đến truyện, chịu đề thì giờ phân tích, hoặc thắc mắc về lai lịch tác giả.

Trong niềm vui và hãnh diện cùng chia với vợ, Khang không khỏi nghĩ ngợi về mình. Những lúc ngồi riêng, anh hồi tưởng những thành công của mình, thái độ ân cần của giới văn nghệ khi chào đón bàn tán những tác phẩm của anh. Những kỷ niệm vừa gọi vẫn không đánh bật nỗi hiện tại, hiện tại với tác phẩm mới nhất của anh và cái bêu môi nhún vai của người phê bình. Anh dừng lại ở ý nghĩ sau cùng này. Anh không muốn nghĩ rằng người phê bình có ác ý với anh, lại càng không nghĩ rằng người phê bình hạ anh vì áp lực hay yêu cầu của một người thứ ba nào khác. Rốt lại, anh cho rằng, trong một hoàn cảnh bất lợi nào đó, với một quan niệm nào đó chưa được chín tới, người cầm bút phê bình đã đặt nhẹ công việc phê bình, coi việc phê bình như một việc vui chơi chẳng hạn.

Kết quả thật không ngờ : anh kẻ bị phê bình khờ sở. Đáng lẽ người ta không nên làm khờ những người như anh bằng cách đó.

Anh tiếp tục nghĩ về hiện tượng *Hoa vòng đỏ*, truyện ngắn đầu tiên của Thanh. Vợ anh thành công. Tình yêu đặc thắng. Vượt lên trên tất cả các ý nghĩ là một ý nghĩ khác. Ý nghĩ này Khang biết là gì nhưng anh không muốn kêu đích danh, anh muốn khắc phục nó, anh muốn đánh tan nó, anh muốn mang cho nó nhiều bộ mặt để coi hơn, nhưng ! nó mạnh hơn anh và chườn bộ mặt thật của nó ra : nó là lòng đố kỵ. Dù muốn dù không, anh bắt gặp mình ganh với vợ và có những ý nghĩ vị kỷ.

“Mình tìm lại được cái hơi truyện ngắn.” Tất cả nỗ lực suy tư của anh bây giờ phải dồn về câu nói đó mới phải. Anh vẫn thấy câu nói vừa đúng vừa thành thật. Và anh nghĩ đến truyện ngắn đang bào thai trong đầu óc, anh quyết định sẽ đặt cho nó cái tên : *Người nhìn hoa vòng đỏ*.



NGUYỄN PHƯỚC

Thanh niên, sinh viên, giáo sư, nhà tri thức, ai cũng nên đọc
TẬP SỐ I của lòng thơ CON ĐƯỜNG VĂN HÓA :

NÓI TẠI PHÚ-XUÂN

của HỒ HỮU TƯỜNG

Huệ Minh xuất bản

giá 34đ.



nẻo về của ý

Truyện dài

NHẤT HẠNH

III

THỨ tư tuần tới, tôi sẽ rời Medford để về lại thành phố. Mùa thu đã sắp đến rồi. Ở bên này, người ta gọi mùa Thu là *Mùa Rơi*, bởi vì mùa Thu cũng là mùa lá vàng rơi rụng. Cũng như người ta gọi mùa Xuân là *Mùa Tuôn Dậy*. Lộc non, chồi xanh tuôn dậy như một dòng suối tuôn từ các khe đá. Chắc là Công Viên Bờ Sông cũng đã bắt đầu đẹp. Princeton mùa Thu thì nhất định là đẹp lắm rồi. Nguyên Hưng cứ tưởng tượng một buổi sáng lạnh lạnh, có nắng, đi trên những con đường nho nhỏ hai bên là những thảm cỏ xanh, rất xanh. Chỉ cần một tí gió thôi là bao nhiêu lá phong rụng xuống, rơi vào đầu, vào cổ, vào ống tay áo của mình. Mà lá phong rụng không phải chỉ là những lá mang độc một màu hoả-hoàng

thôi đâu nhé. Có thể nói là có những chiếc lá thật là đỏ, đỏ thắm như son. Và từ màu xanh, qua màu vàng đến màu đỏ thắm là biết bao nhiêu màu sắc! Những trận mưa lá như thế thật là ngoạn mục. Tôi rất ưa những loại cây thay lá. Như cây bàng ở quê hương ta chẳng hạn. Ở Phương Bối rừng núi mang màu xanh suốt năm, kể cả mùa đông rét mướt và mưa gió. Chỉ có một số ít cây thuộc về loại cây thay lá mà thôi, và các cây ấy không đủ nhiều để tạo nên một mùa thu, một mùa rơi rụng. Princeton thật là đẹp, nhưng mà Princeton không có được những nét độc đáo của Phương Bối. Princeton không có những buổi sương mù bao trùm núi đồi và gây cho ta cảm tưởng đang đứng trên mặt biển. Princeton không phảng phất hương của hoa Chiếu, không có tiếng chim kêu vượn hú vang rừng, không có huyền bí

và hoang dại như Phương Bối. Tôi không thể nào quên được những đêm trăng rừng Phương Bối. Nguyên Hưng cũng biết là buổi tối ở trên rừng không giống gì với buổi tối ở đồng quê hay là ở thành thị. Mới chừng tám giờ tối thôi, ta đã có cảm tưởng như là đêm đã khuya lắm rồi. Màn đêm dày đặc hơn, huyền bí hơn. Xung quanh Phương Bối, quyền uy của rừng thiêng hình như đã được thiết lập lại. Ngồi trong thư phòng, thỉnh thoảng ta nghe những tiếng kêu kỳ dị, trong những khu rừng bao quanh. Thế giới rừng núi quả đã khôi phục được quyền hành của nó. Ta có thể cảm thấy được những bước chân chậm rãi của chúa sơn lâm và tiếng xào xạc của khu rừng tranh cao quá đầu người khi chúa sơn lâm đi ngang. Rừng núi hết sức yên lặng, nhưng cũng hết sức linh động. Những đêm có trăng, nhất là trăng khuya, ở Phương Bối hình như ít ai ngủ được. Có một bữa, ham viết cho đến một giờ khuya, tôi không biết rằng Thanh Tuệ đã thức giấc và đang đứng lặng yên sau cửa sổ nhìn ra khu rừng tắm ướt ánh trăng. Tôi cũng tắt cây đèn bát đi, và lại đứng gần bên Thanh Tuệ. Cả trăng cả rừng đều huyền bí, đều màu nhiệm, và cùng tạo nên một khung cảnh mà chúng ta chưa hề thấy bao giờ trong đời, trừ ở Phương Bối. Trăng tuyệt đối im lặng và rừng cũng tuyệt đối im lặng. Nhưng mà trăng với rừng quả là đang nói chuyện với nhau, nói chuyện bằng thứ ngôn ngữ gì chúng ta không thể nào biết được. Trăng và rừng trong lúc này không phải là hai mà chỉ là một. Thí dụ ta lấy trăng đi, thì rừng cũng mất. Hoặc

giả nếu ta lấy rừng đi, thì trăng cũng tan biến. Và chính chúng tôi nữa, chúng tôi là gì lúc ấy? Chúng tôi có thể hiện hữu bên nhau sau khung cửa sáng ấy không, nếu một trong hai thứ trăng và rừng kia không hiện hữu? Nguyên Hưng cũng đã từng say mê những đêm trăng như thế. Riêng tôi tôi thấy trăng từ mười sáu trở đi mới già dặn và mới đủ sức *nói chuyện* với rừng. Có những bữa khuya tôi đứng một mình — cũng sau khung cửa sổ lớn đó — nhìn ra khu rừng trước mặt. Hồi đó khu rừng chỉ cách ta độ năm sáu mươi thước. Khu rừng hùng mạnh, và dưới ảnh hưởng của trăng khuya tự tạo cho mình một hấp dẫn lực kỳ lạ. Có một sức gì thu hút phát xuất từ khu rừng, một cái gì rất hoang dại và cũng rất hùng biện. Tôi thấy hình như thấp thoáng ở cửa rừng một bóng người Thượng thân hình đen cháy, hai mắt long lanh, một người Thượng của hàng ngàn năm về trước chứ không phải như những người Thượng hay đi ngang qua Phương Bối để tìm rau Rịa. Tôi thấy thức dậy ở trong tôi con người của thời cổ sơ. Tôi muốn liệng bỏ hết chữ nghĩa, liệng bỏ hết văn minh, liệng bỏ hết những áo xống rắc rối trên người để trần truồng đi vào trong rừng. Đi vào trong rừng làm gì, tôi không biết, nhưng là đi vào thật sâu, đi mãi, đi mãi, dù là trời tối đen, dù là rừng đầy dã thú, đầy gai góc. Tôi thấy nếu tôi bị dã thú ăn thịt thì cũng không sao. Không đau đớn, không hãi hùng, không luyến tiếc. Có thể gọi là êm ái nữa cũng không biết chừng. Tôi đứng như thế, sau khung cửa, rất lâu,

đề chống lại với tiếng gọi của rừng, của trăng.

RỪNG ở Medford hiền quá đi. Tôi nhớ trăng rừng Phương Bối lạ lùng ; mình xa cách Phương Bối đã lâu rồi, Nguyên Hưng nhỉ. Nhưng mà từ ngày tôi rời xứ sở đến nay, đã mười sáu tháng qua rồi. Ngày hôm kia tôi làm một bài thơ hai câu như sau :

*gối khuya rừng mộng trăng mười sáu
mười sáu trăng rồi người biết không ?*

Tôi thích hai câu ấy lắm, Nguyên Hưng. Nguyên Hưng cứ nghĩ là rừng Phương Bối, trong một đêm không trăng, gối đầu lên đêm khuya đề mà nhớ, đề mà thấy trong giấc mơ mặt trăng tròn đầy của ngày mười sáu. Tự ngày xa cách, có phải là mười sáu mùa trăng đã qua rồi hay không ? Tôi ưa những tiếng “trăng mười sáu” và “mười sáu trăng” nối theo nhau làm cho hai câu trở thành như một. Như một mà kỳ thực là hai.

Nguyên Hưng, vào cái ngày bắt đầu mùa an cư năm xưa ấy, trời bỗng tạnh mưa. Vào khoảng chín giờ sáng thì Như Thông, Như Ngọc và thầy Châu Toàn lên. Họ mang theo rất nhiều thứ quà để tặng Phương Bối. Tôi còn nhớ đến chiếc giỏ mây thật đẹp mà chúng ta thường dùng để đựng hoa rừng cúng Phật. Và nào là chén, là đĩa, là đũa, là thức ăn. Hồi đó đôi Thượng chưa được dọn sạch nên không thể ăn bữa cơm đầu hạ trên ấy như

chúng ta ước muốn. Tuệ cũng đã vào từ lúc sáng sớm. Nguyên Hưng và tôi vẫn còn phải loay hoay dọn dẹp thiền thất. Toàn đã vào *Rừng Tham Thiền* một mình để hái hoa. Một lát sau chị Diệu Âm và Cô Lưu Phương vào, cùng đi hái hoa với Toàn. Chị hái được rất nhiều bông Chiếu, những chùm hoa lớn và trắng như tuyết. Còn Toàn thì sau khi hái được một ít hoa mẫu đơn, đã bị rừng Sim lôi cuốn. Thế là từ lúc đó, Toàn hái toàn những cành hoa Sim. Tôi nhớ ngày hôm đó ở Phương Bối có rất nhiều bình hoa nhỏ mà phần lớn là những bình hoa Sim — nhưng vì Toàn đã trầy hết lá Sim nên các bình hoa kia trông như những bình hoa đào. Cái giỏ mây đầy cả hoa Chiếu, hoa Mẫu Đơn, và một vài thứ hoa khác nữa mà chúng ta không biết được tên được họ. Toàn còn chặt cả một đợt thông lớn để cắm vào chiếc ché Thượng men nâu để trên thiền thất. Như Khoa và Thanh Giới cũng đã băng rừng băng núi tìm vào. Các bạn của Phương Bối, như thế, cũng đã khá đông. Sau buổi lạy Phật trang nghiêm và ấm áp, chúng ta đưa mọi người đi một vòng ở Phương Bối. Tuy nói là một vòng, kỳ thực đó là một vòng nhỏ, bởi vì phần lớn đồi núi ở Phương Bối vẫn là hoang vu, không đặt chân đến được.

NHỮNG người bạn của Phương Bối đã ở lại đến ba giờ chiều để đàm đạo về những dự tính cho Phương Bối trong tương lai. Rồi thì Toàn cùng với Như Ngọc và Như Thông từ già

chúng ta trước. Họ phải về Saigon, và trước khi đi tìm tới xe, họ phải băng rừng qua đến Đại Hà. Rồi Như Khoa và Thanh Giới cũng về. Gia đình Đại Hà cũng về. Chị Diệu Âm và cô Lưu Phương cũng về. Chú Thanh Tuệ cũng về, bởi vì Tuệ chưa vào Phương Bối ở luôn với chúng ta được — lý do là Tuệ còn cưu mang dở dang mấy lớp học ở Blao. Buổi chiều ấy, sau khi họ ra về hết rồi, Phương Bối thật là vắng và thanh tịnh. Đưa Tuệ và chị Diệu Âm về xong, chúng ta từ cửa Rừng Tham Thiên — nơi có mấy chữ nho viết dọc theo một bảng gỗ đóng trên một thân cây « Đại Lão Sơn Phương Bối Am » — thông thả đi vào. Phương Bối là một thực tại rồi đó, nhưng mà, cũng như chiều hôm trước, chúng ta vẫn không chắc là nó có thực. Nó hiện hữu như một cái ráng trời. Ta có thể nghĩ rằng nó muốn tan biến đi lúc nào thì nó tan biến. Có lẽ vì Phương Bối không giống với bất cứ một cái gì chúng ta đã gặp, đã thân thiết. Cũng có lẽ vì Phương Bối đối với ta còn mới mẻ quá, nhưng đã thân thiết quá. Lại cũng có lẽ vì Phương Bối đẹp không cùng. Ta chưa hề nghĩ rằng số kiếp của ta mà lại có thể liên hệ với một thực hữu kỳ diệu như Phương Bối. Vậy cho nên Phương Bối nửa như là thực, nửa như là hư. Ta không nghĩ rằng Phương Bối thuộc về ta. Tôi không bao giờ nghĩ như vậy. Cho nên tôi rất đồng ý với Nguyên Hưng, khi Nguyên Hưng nói : Chúng ta thuộc về Phương Bối. Vì câu nói ấy mà sau này Lý thêu dệt thêm ra. Lý nói : Phương Bối là « thánh địa ». Chúng ta là « dân » của thánh địa, đi đâu thì cũng

thuộc về thánh địa. Cái tính của Lý thì hay ăn to nói lớn như vậy đó mà, Nguyên Hưng.

TÔI còn nhớ buổi chiều hôm ấy, khi đưa Tuệ và chị Diệu Âm ra về, chúng ta đã đi thẳng lên đồi Thượng, nhìn ra bốn phía. Rồi chúng ta đi vào trong những hàng trà. Đất rất mềm và xốp. Chúng ta men theo bờ rừng và đi mãi xuống đến gần thung lũng. Bỗng dừng Nguyên Hưng chỉ cho tôi những dấu chân cạp rất mới, in rõ ràng trên đất xốp sau trận mưa hồi hôm. Dấu chân ấy hướng về phía lối về cầu Mai. Trời cũng đã chiều rồi. Thanh vắng quá. Tôi hơi ngải ngải, liền rủ Nguyên Hưng trở về. Chúng ta băng qua những đồi chè để trèo lên đỉnh đồi Thượng. Khi vào tới nhà, chúng ta đi đốt lửa, vì trời đã rét. Di Tâm Huệ ngày hôm ấy chưa ở lại được với chúng ta, nên đêm ấy chỉ có một mình tôi với Nguyên Hưng. Chúng ta soạn một bữa cơm chiều rất giản dị, rồi ngồi ăn bên nhau dưới ánh sáng của bốn ngọn đèn nến. Đêm ấy, tôi đã nói cho Nguyên Hưng nghe về những dự liệu văn hóa chúng ta sẽ thực hiện sau này. Trước khi đi ngủ chúng ta đã có một buổi « công phu » ngắn và cảm động.

Tôi đã nhắc Nguyên Hưng nhớ lại những cảnh trăng rừng Phương Bối. Tôi tưởng cũng phải nhắc Nguyên Hưng nhớ lại thêm về những buổi sớm mai trên núi rừng Đại Lão. Hồi đó, chúng ta thường ưa làm việc tay chân vào các buổi sáng. Chị trong vòng ba tháng sau ngày chúng ta về, Phương Bối đã trở nên quang đãng và

đẹp đẽ. Bởi vì sáng nào chúng ta cũng làm việc tay chân và ngày nào chúng ta cũng có ít ra là một người bạn Thượng làm việc trong phạm vi Phương Bối. Sau này ta lại có anh Năm, người con trai hiền lành từ xứ Quảng di cư vào — Năm đã ở lại với chúng ta trong trọn thời gian hưng thịnh của Phương Bối.

CHỈ trừ những ngày mưa, còn thì buổi sáng nào ở Phương Bối cũng đẹp. Buổi sáng Phương Bối thật là linh động. Sáng nào Phương Bối cũng vang động tiếng chim tiếng vượn. Trời Phương Bối rét nên chúng ta không dậy sớm. Thường thường tôi chong đèn ngồi viết đến nửa đêm. Buổi sáng tôi thường thức dậy giữa tiếng chim tiếng vượn. Chính Tuệ và Nguyên Hưng biết rằng tôi chưa khôi phục lại được sức khỏe ngày xưa nên hai người cứ lảng lảng dậy trước, để yên cho tôi ngủ. Còn đi Tâm Huệ thì ngủ rất ít. Thường thường khi tôi dậy thì đã có nước trà để uống cho ấm bụng. Nồi cháo trắng đỏ xanh lúc ấy đã chín rồi; thường thường chúng ta hay chạy vào bếp sưởi ấm, uống nước và ăn điểm tâm ngay trong cái nhà bếp nghèo nàn nhưng ấm cúng đó, Nguyên Hưng nhớ không.

Nắng mai tuy rất trong và rất đẹp nhưng không đủ ấm. Cho nên chúng ta phải bắt đầu mỗi ngày bằng công việc tay chân. Làm như thế thì chỉ trong mười phút là đã thấy ấm người rồi. Hồi đó tôi cũng biết sử dụng *phẳng*, cuốc và mai không kém gì Nguyên Hưng vậy.

Nguyên khu đồi Thượng, chúng ta cũng đã phải đề ra hàng tháng mới dọn xong. Bao nhiêu là gốc cây. Bao nhiêu là giấy chằng. Bao nhiêu là gai góc. Chúng ta đã làm được không biết bao nhiêu là ghế, là bàn, bằng những nguyên liệu của rừng như mây, như gỗ, ngay trên đồi Thượng. Lại còn có những chiếc ghế treo nữa. Các thầy ở Huế hay ở Saigon mỗi khi lên là cứ tra ngồi hàng giờ trên đồi Thượng và dù lớn đến cách mấy vị nào cũng thích ngồi du trên những chiếc ghế treo.

BUỔI mai ở Phương Bối đẹp như một tờ giấy trắng tinh, nguyên vẹn, một tờ giấy trắng tinh có ửng màu hồng ở góc. Thực vậy, Nguyên Hưng. Chúng ta thức dậy ở Phương Bối với ý thức là chúng ta có trước mặt một ngày trọn vẹn không bị ai xâm phạm. Không phải đi hội họp, không phải chờ xe buýt, không phải ngồi ở phòng đợi, không phải thao thức vì những cái *rendez-vous*. Một ngày trọn vẹn, có đủ sáng, trưa, chiều, tối, và đẹp như màu hồng của bình minh. Một ngày trọn vẹn mà ta muốn sử dụng như thế nào cũng được. Nguyên Hưng có thể hoặc làm cỏ ở đồi trà, hoặc dọn thêm khu rừng trước mặt, hoặc trồng thêm cây ăn trái, hoặc viết lách hay nghiên cứu. Chúng ta làm được thật nhiều việc, nhưng không bao giờ chúng ta chán việc, bởi vì tất cả những gì ta làm là đều do sở thích. Nếu ta không làm cỏ ở đồi chè chẳng hạn, thì

anh Năm vẫn cứ làm và thế nào đôi ché cũng sạch cỏ. Nếu ta không dọn thêm được khu rừng trước mặt hôm nay thì ta có thể làm vào một hôm khác. Chúng ta, tóm lại, muốn làm gì thì làm. Buổi sáng, sau khi ăn điểm tâm, thế nào trong chúng ta cũng có một người đề nghị là nên đi làm việc gì sáng hôm nay. Tôi nhớ hồi Phương Bối có Nguyên Hưng, có Tuệ, có Triều Quang, có Lý, có Năm, có Phú, có di Tâm Huệ và có tôi. Nếu Nguyên Hưng đề nghị « sáng nay dọn thêm ở khu đồi Thượng » thì ít nhất cũng có ba người hưởng ứng. Hoặc nếu Lý đề nghị « sáng nay làm một con đường xuống thung lũng » thì Lý chắc chắn cũng có người hưởng ứng. Thường thường các đề nghị đều được tất cả mọi người tán thành. Có khi hai người cùng đề nghị một lần, và chúng ta chia ra hai nhóm tùy theo sở thích. Lâu lâu chúng ta lại có một cuộc thám hiểm núi rừng. Ai nấy đều chuẩn bị kỹ lưỡng. Thường thường những cuộc « thám hiểm » như thế kéo dài cả ngày. Chúng ta hay dừng lại ăn trưa và nghỉ ngơi bên một dòng suối. Nhiều hôm Nguyên Hưng và Triều Quang mang về những cây phong lan tuyệt đẹp. Ai nấy đều mệt nhoài. Đêm đến chúng ta ngủ rất ngon.

TRONG những buổi đi rừng, sức của tất cả mọi người đều rất kỳ dị. Nguyên Hưng có nhớ không? Ở Phương Bối, chúng ta không cần phải vâng theo luật lệ của người phàm. Ta có thể đội bất cứ thứ mũ nào, đeo

bất cứ thứ giày ủng nào, dùng bất cứ thứ thắt lưng nào. Có khi nhìn vào tấm gương tôi thấy tôi giống như một ông ngoáo ộp. Râu thì có khi một tuần chưa cạo một lần. Không phải vì làm biếng mà vì chúng ta có những việc khác ưà làm hơn! Áo thì bằng da dày cộm để gai rừng không bầu rách. Ống quần thì túm lại bỏ vào trong đôi ủng cao su để khỏi bị vắt. Vai thì mang một cái xách đựng hoặc cơm trưa, hoặc chiếc võng dầy, hoặc hộp cứu thương. Tay thì cầm một cái *phang*, hoặc một cây gậy. Những người học trò của tôi ở Saigon hay Dalat nếu có trông thấy tôi trong hình dáng ngoáo ộp ấy chắc cũng không thể nào không kinh ngạc cho được. Tôi mà ăn mặc như thế này đề vào lớp giảng thơ Nguyễn Du thì chắc là không được đâu, phải không Nguyên Hưng? Ở rừng núi chúng ta đi đứng mạnh bạo hơn. Chào nhau ở cửa rừng thì chúng ta không chấp tay trước ngực mà chúng ta đưa một cánh tay thẳng lên trời. Đi lại trên các con đường rừng núi thì không cần bước từng bước dểnh đặc bệ vệ nữa; chúng ta đi rất mau, hoặc là chúng ta *chạy*. Từ đồi này chúng ta la hét sang đồi kia. Nguyên Hưng hét to hơn ai hết, như cái còi xe lửa. Có một điều mà ta thấy rất rõ là ai lên Phương Bối cũng ưà la hét thật to. Tôi nhớ có một lần trèo lên cây thông cao ở *Rừng Tham Thiên* đề đón một cảnh thông xanh, Nguyên Hưng hét vang cả núi rừng. Tôi lúc đó đang dọn dẹp thiên thất

cũng bị tiếng hét của Nguyên Hưng kích động. Tôi bỏ chiếc chổi lau, chạy ra, nhìn nhìn về phía *Rừng Tham Thiên*. Và buồn cười chưa, tôi cũng hét to đề hỏi và đề trả lời Nguyên Hưng. Rừng núi lớn lao quá khiến ta có cảm tưởng ta bị nhỏ bé lại và vì thế tiếng hét của ta là đề phá tan cái mặc cảm là chúng ta bé nhỏ. Có phải không Nguyên Hưng. Lại cũng có lẽ là vì chúng ta muốn trả thù những công thức giao tiếp của cái xã hội cũ. Trong xã hội đó, nói thì phải nói với giọng nhỏ nhẹ, giữ gìn từng câu từng chữ. Xã hội quy định ta phải ăn như thế nào, chào như thế nào, đi như thế nào, ngồi như thế nào, vén áo như thế nào, ngả mũ như thế nào. Do đó khi lên Phương Bối chúng ta đã có khuynh hướng lật nhào tất cả những luật lệ đó. Và chúng ta chạy hoặc hét là đề phá vỡ cái mặc cảm chúng ta bị nô lệ, đề chứng tỏ rằng chúng ta có tự do. Cũng như ở bên này người ta có cái kiểu chào nhau "How are you" lật như nước ốc. Câu chào ấy ai cũng thấy vô ích, thế mà không chào thì lại thấy thiếu một cái gì. Có thì là dư, mà không thì lại là thiếu. Buồn cười nhất là khi một người bệnh tới khám bệnh. Bác sĩ hỏi "ông mạnh giỏi không?" một cách vô ý thức. Và bệnh nhân cũng trả lời "mạnh" một cách vô ý thức. Trong khi đó, ta biết rằng nếu "mạnh" thì bệnh nhân đâu có cần tới bác sĩ làm gì.

N GUYỄN Hưng, giữa ta và vũ trụ có những liên hệ nào mà mỗi

khi vũ trụ kêu gọi, ta không thể nào cưỡng lại được? Tôi vừa mới viết cho Hưng về *trăng rừng*, một *tiếng gọi* hết sức thiết tha mà ít khi tôi có thể làm nên được. Tôi muốn kể cho Nguyên Hưng nghe về những trận mưa đầu mùa. Từ hồi còn bé thơ, tôi đã bị những trận mưa đầu mùa quyến rũ rồi. Hồi ấy tôi còn ở đồng quê. Tiếng sấm động. Trời sa sầm xuống thấp. Những giọt nước to nặng đầu tiên rơi trên mái ngói. Vài ngọn gió thổi tới đập các cánh cửa sồ ầm ầm. Tôi đã bị kích động ngay sau những hiện tượng đó. Thật giống như *prélude* của một bản hùng ca vĩ đại. Thế rồi sau một tiếng sấm long trời lở đất, mưa trút xuống rào rào như thác đổ. Những lúc như thế đổ mà tôi ngồi yên cho được. Tôi phải chạy ra, vén màn, dán mắt vào cửa kính. Những đợt cau xa oằn oại, trong lúc trời đất thét gào. Vũ trụ rung chuyển. Những chiếc lá to bị gió hất mạnh vào cửa sổ và vách tường. Nước trút xuống ào ào và chảy ồ ồ ngoài sân, trước rãnh. Trong màn mưa bạc, có những con chim quật cánh chống lại với gió với mưa. Trong bản hùng ca đó, tôi cảm nghe rất rõ rệt tiếng gọi của hồn vũ trụ. Tôi muốn trở thành một đợt cau hay một cành cây nghiêng ngả oằn oại trong mưa. Tôi muốn trở thành một con chim bay quần quại giữa trời để chịu đựng sức mưa sức gió. Tôi muốn chạy ra giữa mưa mà hét, mà múa, mà quay cuồng, mà khóc. Nhưng mà tôi không dám. Bởi vì tôi sợ mẹ tôi mắng. Trong tiếng ào ạt rào rào của mưa của gió, tôi ráng lấy tất cả gân cổ hát một bài. Tôi

có hét to đến mấy người ta cũng không nghe được bởi vì bản nhạc đất trời đã lấn át hết. Trong khi tôi hát như thế, mắt tôi vẫn không rời cảnh tượng hùng vĩ của trời mưa, thần trí tôi như bị hút vào cảnh tượng hùng vĩ của trời mưa, và tôi cảm thấy tôi được hòa mình vào trong bản hòa tấu vĩ đại. Tôi thấy dễ chịu. Tôi hát bài này rồi bài khác. Sau đó, trời tạnh, hơi đột ngột. Tôi cũng dừng tiếng hát. Thần kinh tôi êm dịu lại, và trên mi tôi còn đọng một vài giọt nước mắt.

CHO mãi tới ngày nay, tôi cũng vẫn còn giữ cái thói làm như vậy, Nguyễn Hưng, tuy rằng có đôi khác chút ít. Tiếng gọi của đất trời vẫn tha thiết và rõ rệt như ngày xưa. Mỗi khi vắng vắng có tiếng gọi ấy là tôi lại giật mình, và với tất cả bản thể của tôi, với tất cả mọi nguyên tử của sinh lý tôi, với mọi đường máu mọi đường giây thần kinh của thân thể tôi, tôi lắng nghe một cách kính cẩn và thiết tha. Nguyễn Hưng cứ tưởng tượng rằng một người mất mẹ đã mười năm, một hôm bắt giác nghe tiếng mẹ gọi. Tâm trạng của tôi là như thế đó, mỗi khi tôi nghe tiếng gọi của đất trời. Mới vừa hôm qua đây, trong cảnh rừng mưa, tôi quỳ dưới cửa sổ để nghe bản nhạc hùng của trời, của đất, của rừng, của gió. Cửa sổ để ngỏ, nhưng tôi không đứng dậy đóng lại. Tôi quỳ đó, thành kính, đầu hơi cúi thấp, trong

khi gió tạt mưa vào ướt cả đầu cả cổ cả áo tôi. Tôi thấy rất được dễ chịu, rất được yên lành trong cử chỉ ấy. Mãi cho đến khi rừng mình, thấy lạnh, tôi mới đứng dậy, đóng cửa và đi thay áo, đốt lò sưởi, trong lúc rừng Medford vẫn cuồng nhiệt gào thét trong cơn mưa...

IV

NGU YÊN Hưng, không phải tôi chỉ nghe tiếng gọi màu nhiệm kia trong lúc trăng và rừng nói chuyện hay trong những cơn mưa lớn đầu mùa. Tôi lại còn nghe tiếng gọi ấy vào những buổi trưa rất là im lặng nữa. Những buổi trưa ở quê hương ta, những buổi trưa mà Lưu Trọng Lư nghe thấy cả tiếng gà náo nùng xao xác gáy, những buổi trưa mà Vũ Anh Khanh thấy cả nắng lò đỏ rực trên đầu người viễn khách ở xóm đạo vắng người. Những buổi trưa ấy miền Bắc cũng có, miền Trung cũng có, mà miền Nam cũng có. Tôi không tin rằng buổi chiều, dù là những buổi chiều nhìn ra cửa biển, là lúc gọi buồn nhiều nhất. Buổi chiều đối với tôi dù ở đâu cũng chỉ là đẹp thôi, chứ không buồn. Chỉ có một lúc duy nhất trong ngày có thể gọi là buồn : đó là buổi trưa, vào khoảng một giờ, hay trễ hơn một chút. Buổi chiều cũng như buổi mai, bao giờ cũng linh động, biến ảo và tràn đầy sức sống. Buổi chiều đã không mang màu sắc tàn tạ như người ta thường tưởng, mà trái lại còn hứa hẹn một sức sống rào rạt vào đêm. Tôi thấy

vũ trụ sống về ban đêm nhiều hơn. Ban đêm, cái gì cũng linh động, cũng màu nhiệm, cũng hùng mạnh. Chỉ có loài người mới ngừng hoạt động trong đêm, chờ vũ trụ, từ trăng sao nước mây đến trùng đế cây cỏ đều rì rào màu nhiệm. Nếu nói đến giờ ngưng đọng, ấy phải là giờ buổi trưa, lúc quá ngọ một chút. Không có một giọt gió. Trời cao cao quá, cao đến im lìm, cao cho đến nỗi trở nên vô cùng sâu thẳm. Cây cối như chết đứng; không nói năng được một lời nào trong giây phút ấy. Mặt trời như thôi miên trái đất và diêm huyết trái đất bằng con mắt lửa hung hãn của nó khiến trái đất và muôn loài trên trái đất trở thành bất động không còn cựa quậy được nữa. Tôi dám chắc rằng vào đúng giờ phút ấy trái đất không thể nào còn quay được. Phải đợi cho đến khi nào có một đám mây hoặc một tí gió tới cứu vãn thì trái đất mới thoát khỏi được tình trạng bị diêm huyết và mới có thể tiếp tục cuộc hành trình. Nếu ta thiếp đi vào buổi trưa trong một giấc ngủ ngắn mà thức dậy đúng vào giờ phút ngưng đọng ấy, thì lập tức ta nghe *tiếng gọi*. Tôi nghe *tiếng gọi* như thế đã có đến hàng trăm lần rồi Nguyên Hưng, mà lần nào trái tim tôi cũng hồi hộp như nhau. Mà vì vừa mới thiếp đi cho nên lúc chợt tỉnh tôi nghe nó không phải với lý trí của tôi mà với tất cả biên tiềm thức còn đương dâng tràn, còn chưa

kip rút xuống khỏi lần mức ý thức. Tôi nghe tiếng vũ trụ gọi *tôi* về, và tất cả bản thể tôi rung động đáp lại tiếng gọi ấy.

NGUYỄN Hưng, ở Phương Bối tôi cũng trải qua ba bốn lần *nghe* như vậy. Rừng cây ít khi nào đứng chết lặng như trong những lúc ấy và trời không bao giờ cao như thế, sâu như thế. Trong giây phút kia, tôi thấy lòng tràn ngập nhớ nhung và một niềm thao thức muốn trở về. *Trở về* theo tiếng gọi màu nhiệm. Những lúc ấy tôi có cảm giác như đứng ở một biên giới có sương mù. Nếu tôi làm tan được sương mù thì Nguyên Hưng ơi tôi có thể thấy được. Thấy gì tôi không biết, nhưng chắc chắn là tôi sẽ thấy điều tôi hằng mong mỏi. Mà cái lớp sương mù ấy, tôi có cảm tưởng nó có thể tan biến trong bất cứ một sát ma nào, dễ như không, dễ như nó chưa bao giờ từng hiện hữu, em ơi.

Nguyên Hưng, để tôi nhắc lại cho Nguyên Hưng nghe về đêm giao thừa đầu tiên ở Phương Bối. Từ hôm hai mươi sáu Tết, Triều Quang, Từ Mẫn và Thanh Hiện đã tự động kéo về Phương Bối, như con trở về nhà cha mẹ vào những ngày giỗ lớn. Quang ở Dalat về mang theo rất nhiều nhánh bạch mai thật đẹp. (Trước đó, chị Diệu Âm đã cho Như Hiền đem tặng cho chúng ta rất nhiều cây

bạch mai con đề trồng quanh nhà). chúng ta bàn với nhau ăn một cái Tết lớn nhất trong đời chúng ta và ăn tại Phương Bối. Sau một đêm bàn luận, chúng ta đồng ý như sau :

- 1) Đốt một đồng lửa vĩ đại ngay trên đỉnh đồi Thượng
- 2) Cắm trại ở đồi Thượng
- 3) Nấu một thùng bánh chưng trên đồi Thượng để cúng giao thừa
- 4) Cúng giao thừa, đốt pháo ở đồi Thượng
- 5) Hội họp ăn bánh chưng, chúc Tết và bình văn ở đồi Thượng.

Cái đồng lửa vĩ đại ấy, chắc trong chúng ta không ai có thể quên được. Nguyên Hưng cũng nhớ là đề phá rừng trồng trà chúng ta phải đốn ngã hàng trăm cây rừng thật lớn. Những cây ấy, sau khi chúng ta đốt rừng, đã bị cháy xém và khiêng chất lại thành đồng. Chúng ta đã tốn hết hơn hai ngày mới chất được đồng củi vĩ đại trên đồi Thượng. Có cây dài tới gần mười thước; sáu người mới đủ sức dựng nó vào đồng củi. Vì vậy đồng củi lửa trại to lớn như một cái nhà và đã được chất lên một cách rất công phu. Trong lòng đồng củi vĩ đại, chúng ta đã đặt rất nhiều củ khô, lá khô và các cành củi khô rất dễ bén lửa. Đồng củi đã cháy suốt đêm giao

thừa và mãi đến sáng ngày mùng hai vẫn còn cho ta than hồng. Nguyên Hưng nhớ không ?

BAN đầu thì một số trong chúng ta không tán thành ý kiến cắm trại trên đồi Thượng vì sợ sương khuya. Nhưng sau lại, chúng ta quyết định cứ căng lều trên đồi, bởi vì đồng lửa vĩ đại sẽ làm tan sương và ấm cả khu đồi. Mà thực vậy, Nguyên Hưng. Không những chúng ta thấy ấm mà nhiều khi còn thấy nóng bức là khác nữa.

Còn bánh chưng. Lý là người Bắc và Lý tuyên bố có thể gói những chiếc bánh chưng vào hạng đẹp nhất Bắc Hà. Ban đầu ai cũng tưởng là Lý chỉ “ăn to nói lớn” theo kiểu một nhà văn như Lý, nhưng sau khi thấy Lý trổ tài, ai cũng phục lắm. Di Tâm Huệ mua nếp, đỗ xanh và cung cấp lá rong tươi cho Lý. Hôm gói bánh tôi cũng làm phụ tá cho Lý trong việc lau lá, xếp lá, rọc lá. Lý làm một cái khuôn nhỏ và gói những chiếc bánh chưng nhỏ xíu, vuông vắn, thật đẹp. Bánh chưng được nấu từ lúc năm giờ rưỡi chiều để kịp chín nửa giờ trước giờ Giao Thừa. Mẫn và Hiện đã bắc hai bếp gần dưới chân đồi Thượng, một bếp để luộc bánh chưng, một bếp khác để nấu nước sôi tiếp cho nồi bánh. Bếp phải đặt phía dưới, bởi nếu gần đỉnh đồi quá thì sẽ nóng vì đồng lửa đỉnh đồi.

Cả nhà chuẩn bị ăn Tết một cách rộn

riếp và chính sự chuẩn bị rộn rịp để ăn Tết ấy quả đã là Tết một cách đích thực rồi. Từ lúc ba giờ chiều, Nguyên Hưng và Triều Quang đã vào rừng đốn về những cây tre lớn và cưa ra từng ống một, chắt đầy bên lều. Khi thùng bánh chưng sôi, tất cả chúng ta đều tắm rửa, quây quần trong chiếc lều lớn nhất cắm trên đồi, nghỉ ngơi, nghe chương trình phát thanh cuối năm của đài Saigon từ chiếc Sony quen thuộc và ăn cơm, một bữa cơm chiều thật đơn giản. Tha hồ cho chúng ta nói chuyện bốn phương. Hồi ấy thường trú tại Phương Bối mới chỉ có Nguyên Hưng, Lý, Tuệ, dì Tâm Huệ và tôi, còn những người khác đều là « chim bốn phương bay về đây » cả. Những con chim ấy bay về Phương Bối và tíu tít kể cho nhau nghe những màu sinh hoạt những câu chuyện những biến cố đã xảy ra cho chúng từ những phương trời khác nhau. Không ai là không thấy rõ rằng Phương Bối chính là *alma mater* của mình.

TRÊN những cây cao còn lại của đồi Thượng và cả trên lan can của thiền thất nữa, Mẫn và Lý đã treo đèn. Vào lúc mười giờ rưỡi, Nguyên Hưng ra lệnh đốt lửa. Thế là chỉ trong nửa giờ sau, đồng lửa cháy rực trời trên đồi Thượng. Tàn lửa lên cao, cao ngất, khiến cho một vài người trong số chúng ta đã tỏ ý lo ngại cho sự cháy rừng. Nhưng Nguyên Hưng nghĩ, cháy rừng làm

sau được khi tàn lửa phải bay trên bốn trăm thước mới tới được cửa rừng? Tuy vậy, đồng lửa vĩ đại soi sáng rực rỡ cả một vùng núi rừng hoang dại. Bởi vì đồi Thượng là chiếc đồi cao nhất trong vùng. Chúng ta trông rõ tất cả những vùng rừng núi bao quanh Phương Bối nhờ ánh lửa rực trời trên đồi Thượng. Có lẽ tất cả thú vật, dân chúng của núi rừng đang ngạc nhiên, và qua kẽ lá, đang hướng những cặp mắt sáng nhìn về đồi Thượng. Xa xa, ta có thể trông thấy ngôi nhà của Đại Hà thấp thoáng trong đồi núi chập chùng. Mười một giờ rưỡi khuya rồi và đồng lửa đã cháy lên rất cao. Chúng ta trở về thiền thất cúng giao thừa. Chiếc bánh đầu tiên vớt ra đã được đem lên cúng Phật. Buổi lễ đơn giản và ấm áp chỉ kéo dài vào khoảng hai mươi phút. Giao thừa đến. Mẫn, Hưng, Quang, Hiện, Lý, tất cả đều mang các ống tre liệng dần vào đồng lửa vĩ đại. Đó là pháo lệnh giao thừa của Hưng đấy. Các ống tre liên tiếp nổ những tiếng nổ lớn vang động cả rừng núi và có lẽ làm kinh hoàng cả mọi loài ần nấu trong rừng. Tôi còn nhớ là các ẹm đã quăng vào đồng lửa năm mươi mấy ống pháo tre như thế, và không có ống nào là không nổ lớn.

BÁNH chưng của Lý quả thật là rất ngon — có lẽ cũng ngon nhờ những điều kiện khác nữa, như là không

khí đặc biệt của Phương Bối, sự hiểu biết của mọi người, sự vui vẻ của mọi người và nhất là sự... đói bụng của mọi người. Nói như thế không có hại gì đến cái « uy tín » gói bánh của Lý cả. Mỗi người trong chúng ta phải chúc tất cả mọi người và như thế chúng ta nghe tất cả đến năm mươi bốn câu chúc Tết. Di Tâm Huệ tỏ vẻ nhiều e thẹn nhất dù đi lớn tuổi bằng đi của tất cả chúng ta, và đi đã chúc cho tất cả những câu chúc đơn sơ mà chân thành cảm động.

Tôi nhớ suốt ngày mừng một Tết các cậu đã chia thành hai ba toán rủ nhau đi chơi thám hiểm núi rừng. Đến đâu cũng đốt lửa, chặt tre làm pháo đốt vang cả rừng. Thầy Thanh Từ chưa có mặt ở Phương Bối trong cái Tết thứ nhất ấy. Nhưng trong cái Tết thứ hai, thầy cũng tham dự vào những trò nghịch ngợm nhất của mọi người. Ở đây ai cũng dễ dàng và sẵn sàng để mà « đồng sự ». Kiểu chào của thầy Thanh Từ cũng thay đổi như tất cả mọi người và cả đến những kiểu sinh hoạt khác như đi núi, trồng cây, cắm trại nữa.

Lần đầu lên Phương Bối thăm thầy Thanh Từ đã tỏ sự ưa thích Phương Bối một cách mặn nồng. Thầy bảo chúng ta nương cho thầy một vùng núi để làm thiền thất. Tôi nói: tất cả rừng núi Phương Bối là của thầy. Thế là sau đó vài ba tháng, nhờ sự giúp đỡ của vài người bạn thân của thầy, chúng ta đã dựng một thiền thất mới ở triền Đông Bắc của đồi Thượng,

Nhà Thiền này được đặt tên là *Thiền Duyệt Thất*. Duyệt có nghĩa là sự vui vẻ hoan lạc về tinh thần. Trong bài *cúng dường* của Nhị Thời Khóa tụng, ta thấy có câu *thuyền duyệt vi thực*, nghĩa là *thức ăn làm bằng sự hoan lạc của thiền định*. Thầy Thanh Từ nghe đặt tên cho nhà thiền như thế thì thích lắm, bèn chấp nhận ngay.

BÊN cạnh *Thiền Duyệt Thất*, chúng ta còn xây thêm một hồ chứa nước nữa và thầy Thanh Từ đã tự tay làm một chiếc giàn hoa leo thật đẹp phía trước. Hai bên con đường từ dưới đồi đi lên, thầy đã trồng những cây thông con búp về từ Djiring. Thầy lại còn trồng thêm bao nhiêu là thứ hoa nữa xung quanh thất. Lúc *Thiền Duyệt Thất* làm xong, thì chiếc nhà Thượng cũng được khởi công dựng trên chót vót đỉnh đồi. Hai người có công nhất là Triều Quang và Nguyên Hưng. Hợp tác với anh Phương ở ngoài xóm và với hai người Thượng nữa, Quang và Hưng đã hoàn thành được chiếc nhà duyên dáng ấy trong vòng một tháng. Vì đứng chót vót trên đỉnh đồi nên nhà Thượng phải được tạo dựng thật vững chãi. Tôi biết Nguyên Hưng đã tốn rất nhiều công phu vào ngôi nhà ấy. Tôi đã cùng Nguyên Hưng trang trí bên trong và bên ngoài nhà Thượng. Sau này chính nhà Thượng trở thành hình ảnh tượng trưng nhất của Phương Bối. Buổi chiều chúng ta hay quây quần bên nhà Thượng cho đến tối, và nhiều đêm chúng ta đem chăn ngủ ngay ở sàn nhà Thượng. Có đêm rét quá mà trên đồi thì nhiều gió, chúng ta bắt buộc phải

ôm chần rời nhà Thượng nửa đêm về nhà cũ. Tôi không quên được những đêm chúng ta đứng trên lan can nhà Thượng ngắm sao ngắm trăng. Những đêm như thế thật là huyền diệu. Sao và trăng gần chúng ta quá. Nhất là sao Mai. Lớn gần bằng một mặt trăng. Không biết ở những nơi như Trúc Lâm, Toàn có thấy sao Mai lớn như thế này không. Có nhiều đêm tôi kéo Lý ra khỏi đồng bản thảo dây cộm của Lý để chỉ cho Lý thấy trăng thấy sao. Tôi thì cũng ham viết lắm, nhưng vào những đêm nhiều sao như thế này, tôi không thể nào viết được.

N GUYỄN Hưng, tôi nghe Phương Bối đã trở nên bất an quá, cho nên thầy Thanh Từ cũng đã rời Thiền Duyệt Thất mà về Phú Lâm rồi. Thật là buồn. Hôm tôi từ già Phương Bối, tôi tưởng thầy Thanh Từ có thể ở lại Phương Bối bình yên. Nhưng mà không. Lâu nay Nguyễn Hưng có tiếp xúc với thầy Thanh Từ bằng thư không? Hôm qua, tôi có viết cho thầy Thanh Từ một lá thư. Lá thư còn để đây, chưa có dịp đi gửi nhà dây thép. Tôi đã viết lá thư ấy trong một tâm trạng bình yên và yêu thương. Nhưng mà có lẽ chỉ những người thuộc về «thánh địa» Phương Bối như thầy Thanh Từ, như Hưng, như Lý mới hiểu được tại sao tôi có thể viết như thế mà thôi. Thôi để tôi chép cho Nguyễn Hưng đọc một đoạn trong lá thư đó. Đoạn này nằm ở giữa lá thư:

« Tôi đã tìm ra chân lý rồi. Trời ơi, có phải là nghe câu ấy thầy đang ôm bụng cười

tôi phải không? Tôi nói thật đó mà. Khi tôi thấy nó, tôi giật mình. Nó không phải là ai xa lạ cả. Nó là, thầy ơi, nó là kẻ mà tôi đã gặp từ lâu, đã biết rõ mặt mũi từ lâu. Nó không có chi mới lạ đối với tôi cả. Thế mà tại sao lâu nay, có tới ngàn vạn kiếp rồi, tôi không nhận diện được nó. Lần này thấy nó, tôi ngạc nhiên đến nỗi không biết làm gì hơn là phá lên cười. Cũng giống như bây giờ thầy đang ôm bụng cười tôi vậy.

Tôi hỏi: « Tôi tưởng tên của cậu hay như thế thì mặt mũi cậu phải đẹp lắm kia chứ? ».

Nó hỏi lại: « Vậy thầy thấy tôi xấu hay sao? »

Tôi giật mình ngó lại, thì quả thực là nó không xấu.

Nó lại hỏi: « Hỡi người đã tìm thấy tôi, người sẽ làm gì chiều hôm nay? »

Tôi trả lời: « Ta sẽ đi ăn cơm khi ta thấy đói bụng, và sẽ đi ngủ khi ta thấy buồn ngủ. »

Thầy ơi, hôm từ già phi trường Tân Sơn Nhất, tôi có mang theo một cái hột gà. Tôi như một con gà mái ấp trứng, và luôn luôn có một cái hột gà để ấp, đêm và ngày. Tôi mang theo qua bên này một hột gà tôi đã ấp từ sáu bảy năm nay, và những kẻ đưa tôi ra phi trường không có ai hay biết. Họ chỉ biết tôi mang theo một chiếc áo lạnh và một cây bút Pilot. Nhân viên quan thuế không biết, mà tôi cũng không biết phải khai báo ra

làm sao! Tôi nín thinh. Nhưng mà tôi tin
ngồi ở Thiền Duyệt Thất, thầy có thể biết.
Tôi nhớ cũng đã từng nói cho thầy nghe
và hứa với thầy rằng khi nào hột gà nở
ra con gà thì tôi tin cho thầy hay. Thầy
có nhớ điều đó không? Hôm nay tôi có thể
tin cho thầy biết là thêm một năm ấp ủ,
và do khí hậu thuận lợi, con gà con đã
mở được vỏ trứng và chui ra ánh sáng.
Ra khỏi vỏ nó lớn rất mau chóng, không
khác gì cậu bé Phù Đồng năm xưa.

ĐẼM mồng bảy tháng năm vừa qua,
tôi được chứng kiến một cuộc đàm
thoại giữa đức Phật và Ma Vương Ba
Tuần. Đức Thế Tôn tiếp Ma Vương Ba
Tuần ở núi Linh Thứu với tư cách một
thượng khách của ngài. Thầy nghe không,
một thượng khách của ngài. Tôi thích
thứ lắm. Tôi định sẽ ghi tất cả nội dung
của cuộc đàm thoại đó làm thành một
cuốn kinh. Cuốn kinh cũng sẽ mở đầu bằng
« như thị ngã văn » và tôi, tôi sẽ chịu
trách nhiệm về chữ ngã trong câu ấy.
Sau đây là một đoạn của cuốn kinh:

« Đức Phật : Xin mời Ngài ngồi.

Ba Tuần : Xin cảm ơn Ngài. Gớm
cái ông thị giả của Ngài khó tính quá.
Khi tôi xưng danh hiệu, ông ta nhất
định không cho tôi vào. Ông nói : Nhà
ngươi còn đến đây làm gì? Ngươi không
nhớ năm xưa, dưới gốc cây Bồ, ngươi đã
bị đức Thế Tôn đánh bại hay sao? Ngài
sẽ không tiếp nhà ngươi đâu. Nhà ngươi
là kẻ thù của đức Phật ». Tôi phải nói

khích một câu, ông ấy mới cho vào.

Đức Phật (cười) : Ngài nói khích như
thế nào?

Ba Tuần : Tôi nói : « Phật thì làm gì
có kẻ thù. Phật mà còn phân biệt kẻ oán
người thân thì đâu phải là Phật ». Chừng
ông ta đã được nghe đâu cái câu
ấy của Ngài một vài lần rồi cho
nên khi nghe tôi nói khích ông ta động lòng tự
ái, cho tôi vào ngay.

ĐỨ C Phật : Cái kiêu của ngài thì muôn
đời như vậy. Và cứ phải mưu mô
và đi đường cong như vậy thì mới thắng
được thiên hạ. Nhưng mà thực ra có làm
như thế mới được gọi là Ma Vương.

Ba Tuần : Đúng lắm thưa Ngài. Làm
Ma Vương bức lắm. Mặc áo thì luôn luôn
phải mặc áo giấy. Về mặt thì khi nào cũng
phải hoặc nham hiểm hoặc độc ác hoặc u mê.
Thở thì phải thở ra toàn khói nghi ngờ đen
ngịt. Đề có hình thức. Phù hợp. Đề cho
danh chánh ngôn thuận là Ma Vương mà.
Đi đâu thiên hạ cũng tránh, cũng ghét, cũng
sợ. Làm Ma Vương quả thực bức lắm.

Đức Phật : Vậy ngài tưởng làm Phật
sung sướng lắm hay là sao? Thiên hạ dán
vào lưng tôi nhiều nhãn hiệu mà tôi không
hề tự xưng bao giờ. Thiên hạ đem tôi ra
bán buôn. Và cứ tưởng tượng ngồi trên
xe hoa đi thiên hạ rước đi từng bước gặt gù
qua các hàng phố bán than, bán thực phẩm,
bán nước mắm v.v... thì tôi tưởng Ngài

chẳng sẽ bao giờ ước muốn được làm Phật,
Thế Tôn của nhân loại.

Nghe đức Thế Tôn nói xong, Ba Tuần
cười ha hả... »

N GUYỄN Hưng ơi, tôi chỉ chép
Nguyễn Hưng đọc từng đó mà thôi
nghe. Không phải tôi sợ rằng Nguyễn
Hưng sẽ nhìn tôi bằng cặp mắt thương hại
hay trách móc đâu. Tôi đã nói với Nguyễn

Hưng rằng tôi viết lá thư đó trong tâm
niệm an lành và thương yêu rồi mà. Mai
sau nếu chúng ta được trở về Phương Bối
thì bản thảo cuốn kinh kia sẽ được để
trên bàn giữa của chiếc nhà Thượng. Và
sẽ chỉ có những người có căn cơ đại thừa
của đại thừa mới được mời đọc cuốn kinh
đại thừa của đại thừa ấy, phải không ?...

NHẤT-HẠNH

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

Tòa soạn Giữ Thơm Quê Mẹ vừa nhận được những tác phẩm
sau đây :

- **ANH HÙNG THẮM MỆT**, tập truyện chiến tranh của Jerome
David Salinger và Irwin Shaw do Trần Phong Giao dịch và
Giao Điền xuất bản. Sách dày 124 trang giá 36đ.
- **VỖ**, thi tuyển của bảy nhà thơ trẻ : PHƯƠNG TẤN, NGUYỄN
DÃ THẢO, UYÊN HÀ, LỮ THỨ, XUÂN THAO, YẾN NGUYỄN
THANH và NGUYỄN BĂNG do NHỮNG NGƯỜI CỦA RỪNG
xuất bản. Sách dày 137 trang, giá 36đ.
- **TRĂNG**, thi phẩm của MINH VIÊN, tựa của VŨ HOÀNG
CHƯƠNG. Sách dày 123 trang, in đẹp công phu. Các bài thơ
đều in hai màu, giá bán 45đ.
- **MỘT NIỀM TIN**, Thế giới trong tương lai Việt Nam trong
hiện tại của NGUYỄN HIẾN LÊ. Tác phẩm này được viết
ra do sự thúc đẩy của lòng yêu nước. Sách dày 180 trang.
Giá 55đ.
- **TRĂNG CANH TÂM SỰ**, thơ Phong Sơn. Sách in đẹp,
dày 190 trang, giá bán 58đ. Đất Mẹ xuất bản.

Xin cảm ơn các tác giả nhà xuất bản và trân trọng giới thiệu với bạn đọc G.T.Q.M.

HỘP THƯ TÒA SOẠN

- Anh T. L. T. (Đà Lạt) Đã gửi thư riêng cho anh. Truyện ngắn và thơ đã đến tòa soạn.
- Anh H. Đ. H. Q. Tôi đã gửi thư riêng đến anh. Chắc nhận được rồi chứ. Thơ đang đọc, nếu hợp với G. T. Q. M. chúng tôi sẽ cho đăng ngay — Tìm kiếm những tác giả mới về văn cũng như thơ là mong ước của chúng tôi. — C. T. N. M. Ba bài thơ của bạn đã đến tòa soạn. — M. T. Tòa soạn đã nhận được hai bài thơ của bạn. Bài «Viết cho em» chúng tôi định cho đăng thì thấy đã đăng trên một tờ báo khác. Lần sau, yêu cầu bạn bài đã gửi cho báo khác đừng gửi cho G. T. Q. M. và trái lại. P.Đ. «Bao giờ trở lại quê em» của anh đã đến tòa soạn.
- P. N. M. «Đêm mưa lửa đạn» đã nhận được.
- N. V. K. Bài tùy bút «Căn phần» và thơ «Nỗi chết không rời» đã đến tòa soạn
- C. T. Tòa soạn đã nhận được 3 bài thơ
- N. H. G. «Một vài ký ước» đã đến tòa soạn.
- L. T. H. Đã nhận được 5 bài thơ của ông.
- N. H. L. «Hãy cầu nguyện» «Hôm nay và sự có mặt» tòa soạn đã nhận được.
- N. S. T. Tòa soạn đã nhận được «Nhớ sang thăm»
- H. N. B. Bài thơ «Quy y» đã đến tòa soạn.
- N. N. N. Tòa soạn đã nhận được 4 bài thơ của bạn
- B. N. T. Hai bài thơ của bạn đã đến tòa soạn.
- N. H. L. (Vĩnh Long) Ba bài thơ của bạn đã đến tòa soạn.
- Bạn Thanh Hải Sơn Thanh (Nhóm Mimosa) Yêu cầu bạn gửi thư về tòa soạn nhờ dán tem đủ để tránh việc lãnh thư phạt phiền phức. Thơ bạn đang đọc.
- N. T. «Quê hương» và «Nghĩa trang» đã đến tòa soạn.
- L. C. «Kiếp người» và «Mặt người phù sinh» đã nhận được.
- L. S. Đ. Đã nhận được «Đàn xưa» và «Vườn xưa».
- H. H. T. Tòa soạn đã nhận được 3 bài thơ
- T. K. P. «Lời ghi» đã đến tòa soạn.
- M. T. T. L. Tòa soạn đã nhận được «Điều tàn».
- L. L. H. Đã nhận được ba bài thơ của bạn.
- M. Q. H. Hai bài thơ của bạn đã đến tòa soạn.
- G. G. T. «Những ý nghĩ vụn» đã nhận được.
- V. Đ. S. B. «Lệ tôi» và «Hành trình» đã đến tòa soạn.
- C. V. «Lời chim bão tố» đã nhận được.
- V. T. T. C. «Trên vùng cao sáng» và 2 bài thơ đã nhận được.

— Tòa soạn Giữ Thơm Quê Mẹ chân thành cảm tạ các bạn và trong thời hạn ba tháng nếu không thấy bài của các bạn được đăng tải thì coi như không hợp với ý hướng của tòa soạn. Và trong thời gian trên, xin các bạn đừng gửi bài vở đến các báo khác, sau ba tháng các bạn có thể gửi, để tránh trường hợp đăng trùng phiền phức.

Thân chúc các bạn vui mạnh và sáng tác nhiều.
H.K.

— Cô Trần thị Quỳnh Phương. Khi nào in xong T. C. M. V. N. chúng tôi sẽ loan báo để cô biết. (T. T.)

— Nguyễn Phương Loan. Ông Phạm Công Thiện đã sang Mỹ du học. Nếu cần địa chỉ, xin kèm tem, chúng tôi sẽ cho biết.

● Nhân tin Chung : Các bạn muốn tòa soạn trả lời thư riêng xin gửi kèm tem thư.

● Các bạn : Nguyễn Phan Thịnh — Đặng Thiên Gia Hộ—Hạnh Linh GVP — An Châu Lan — Hoàng thị Thủy Tiên—Hà Nguyên Thạch — Sẽ đăng : Phù ảo. Bọt nước. Niềm đau quê hương. Nhìn lên. Kết quả của chiến tranh. Chuyện một loài chim. Phần uất. Bài ca chim. Thanh cao như một ánh trời. (Xin các bạn đừng gửi các bài trên cho báo khác.)

● Trả lời chung : Giữ Thơm Quê Mẹ số 1 và số 2 hiện còn một số tại tòa soạn. Các bạn muốn mua mỗi cuốn xin gửi kèm 20đ. tem và địa chỉ chúng tôi sẽ gửi đến. Mua trên 5 cuốn xin gửi bưu phiếu để tên ông TRƯƠNG PHÚ, hộp thư 935 Saigon, các bạn sẽ nhận được báo ngay.

SÁCH THỜI MỚI — VỪA PHÁT HÀNH

- Loại khảo luận (bìa có lẫn gạch màu vàng)

VĂN HỌC NGÀ XÔ HIỆN ĐẠI

của Tráng Thiên giá 20đ.

- Loại phiên dịch (bìa có lẫn gạch màu xám)

NGƯỜI XA LẠ

của Albert Camus do Võ Lang dịch giá 40đ.

- Loại sáng tác (bìa có lẫn gạch màu nâu)

MỘT MÌNH

của Võ Phiến giá 80đ

(Bản đặc biệt có bán tại hiệu KHAI TRÍ Saigon)

CB
VITAMINES
12



SAIGON PUB

- ★ *bồi bổ thân thể và trí óc*
- ★ *trị đau nhức*
- ★ *thiếu máu*
- ★ *thiếu sinh-tổ*

VIỆN BẢO-CHẾ O.P.V
34.ĐẠI-LỘ NGUYỄN-HUỆ.SAIGON

CÉBÉDOUZE

NÓI ĐẾN SÁCH, NHỚ NGAY ĐẾN
ĐỊA CHỈ ĐÁNG TIN (CÂY:

Số 92, Đại lộ Lê-Lợi — SAIGON

Đ.T. : 20.267

SÁCH VỞ, GIẤY BÚT, DỤNG CỤ
VĂN PHÒNG VÀ HỌC SINH

SÁCH GIÁO KHOA VIỆT, ANH, PHÁP

Bút máy các hiệu có tiếng, sản phẩm hảo hạng, được tín nhiệm xưa nay, luôn luôn có sách mới,
tất cả các sách mới xuất bản đều có bán tại nhà sách TỰ-LỰC

TỰ LỰC

XỔ SỐ KIẾN THIẾT QUỐC GIA
GIÚP ĐỒNG BÀO TA LÀM NÊN CỬA NHÀ

3 LỚ ĐỘC ĐẮC : 1.000.000đ.00

Xổ ngày Thứ Ba hàng tuần

Mỗi vé 10đ.00

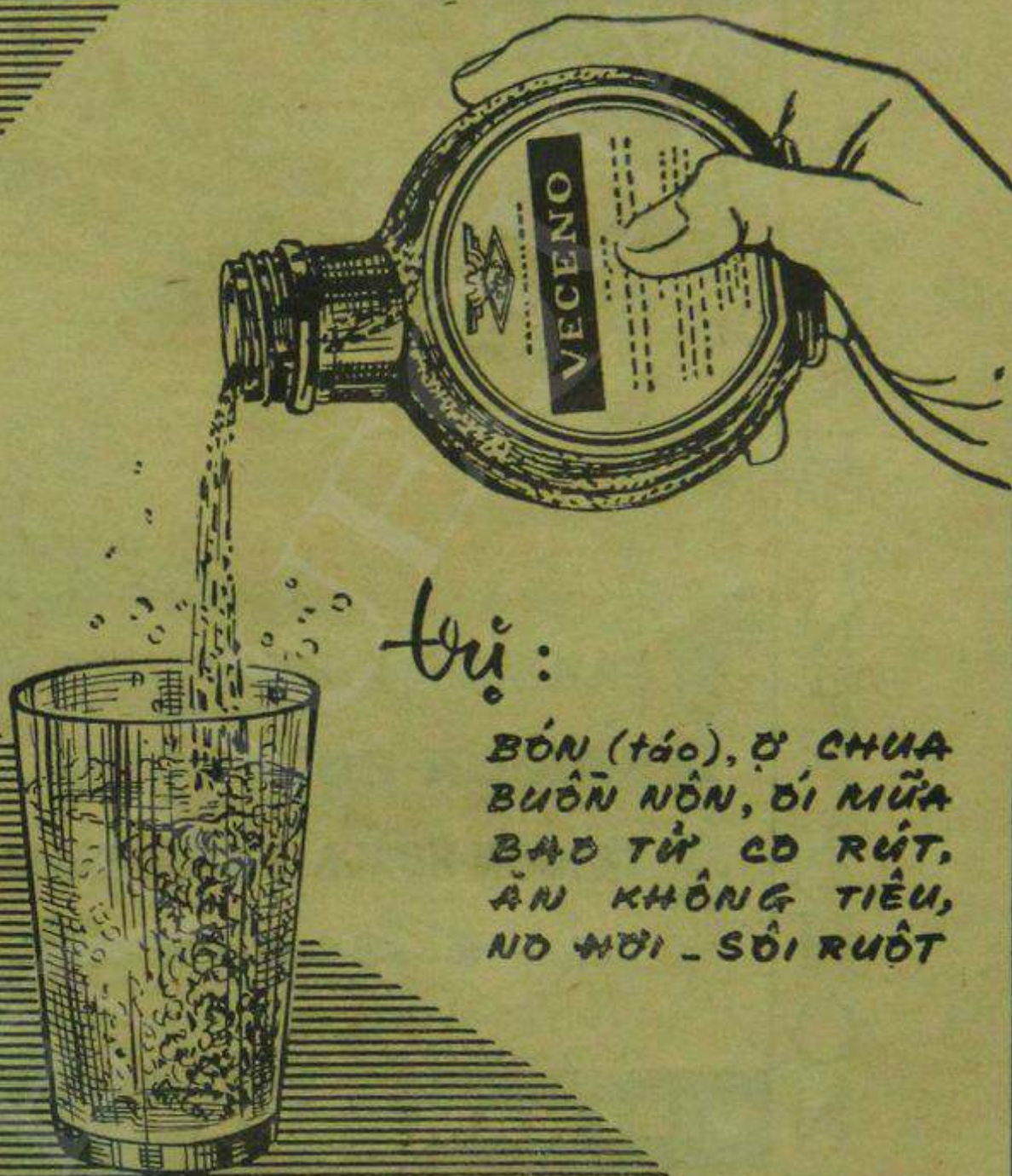
ĂN CHAY !

Chỉ có nước tương **LÁ BỒ ĐỀ** Làm bằng đậu nành
DO CHÙA SẢN XUẤT — BẢO ĐẢM NHẤT
CÓ BÁN KHẮP NƠI



THUỐC MUỐI SỦI TẮM

VECENO



trị:

BÓN (táo), Ợ CHUA
BUỒN NÔN, ĐÍ MỮA
BẠO TỬ, CỎ RÚT,
ĂN KHÔNG TIÊU,
NÓ HỜI - SÔI RUỘT

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

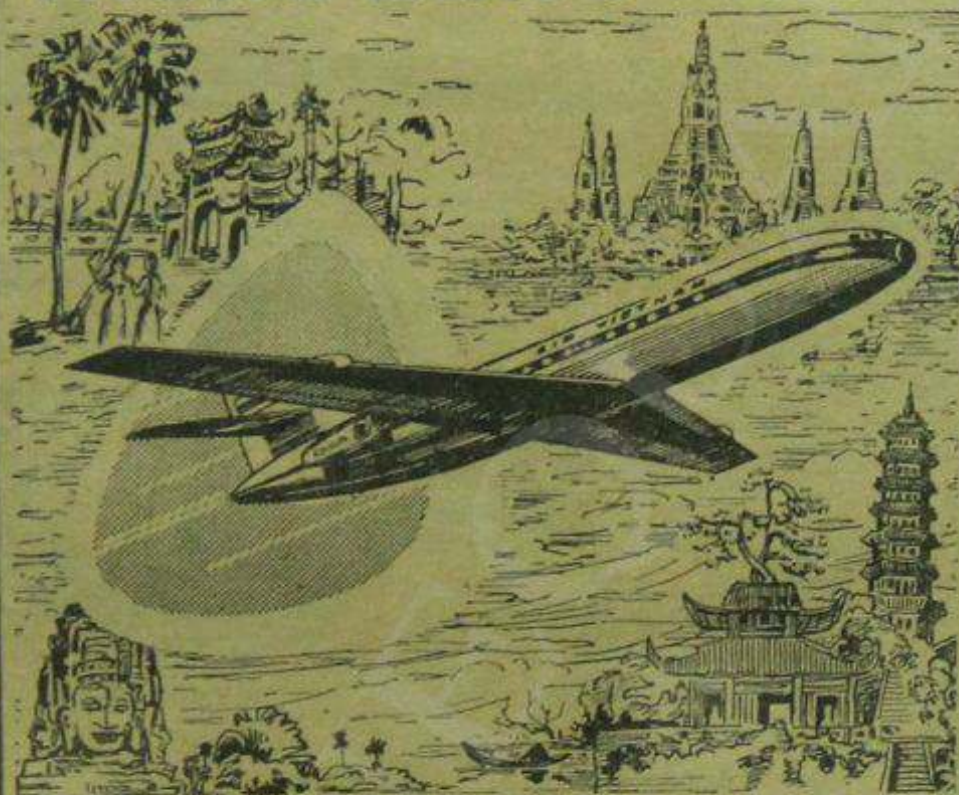
KN.640.BYT/BCDP
17-1-64

VIỆN BÀO-CHẾ N.C
Dược khoa Bác-sĩ Nguyễn-chí-Nhiều
Số 2, đường Tự-Đức Saigon



V
I
E
T
N
A
M
H
A
N
G
K
H
O
N
G

**VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG
TRONG ĐÔNG-NAM-Á**



3 BANGKOK · PHNOMPENH · SAIGON
(Mỗi Thứ Ba, Thứ Năm và Thứ Sáu)

3 SAIGON · HONGKONG
(Mỗi Thứ Hai, Thứ Ba và Thứ Bảy)

2 SAIGON · KUALA LUMPUR · SINGAPORE
(Mỗi Thứ Tư và Thứ Năm)

bằng *Caravelle*
PHI-CƠ PHẢN-LỰC TRẠNG-LỆ NHÚT THẾ-GIỚI

(Trừ ra ngày Thứ Ba SAIGON · PHNOMPENH · BANGKOK bằng DC · 6B)

Xin hỏi chi tiết và lấy vé tại các hàng du lịch hay:

VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG
HỆ HOẠT ĐỘNG SAIGON KT. 01.02.45-4751-620

In tại nhà in NGUYỄN-VĂN-THÀNH
29, Đường Huỳnh-Quang-Tiên
SAIGON

K. D. số '3621 / BTT / BC 3 / XB ngày 27-8-65

NHÀ XUẤT BẢN LÁ BỒI

hộp thư 935 — Saigon

*

SÁCH ĐÃ IN :

1. BÔNG HỒNG CÀI ÁO của NHẬT HẠNH (in lần thứ hai), giá 10 đ.
2. ĐẠO PHẬT ĐI VÀO CUỘC ĐỜI của NHẬT HẠNH (hết).
3. ĐẠO PHẬT HIỆN ĐẠI HÓA của NHẬT HẠNH, 256 trang, giá 50 đ.
4. Ý THỨC MỚI TRONG VĂN NGHỆ VÀ TRIẾT HỌC của PHẠM CÔNG THIÊN, 656 trang, giá 85 đ.
5. TÌNH NGƯỜI của TÂM QUÁN (in lần thứ hai), 152 trang, giá 36 đ.
6. HÀNH HƯƠNG (thơ) của TRỤ VŨ, 125 trang, giá 45 đ. (in trên giấy tốt).
7. CHẬP TAY NGUYỄN CẦU CHO BỐ CẦU TRĂNG HIỆN (thơ) của NHẬT HẠNH, 108 trang, giá 40 đ. (in trên giấy tốt).
8. DIALOGUE của NHẬT HẠNH, HỒ HỮU TƯỜNG, BÙI GIẢNG, PHẠM CÔNG THIÊN, TAM ÍCH, 96 trang, giá 100 đ. (in trên giấy tốt).
9. CÂU CHUYỆN CỦA DÒNG SÔNG của HERMANN HESSE, PHÙNG KHÁNH và PHÙNG THĂNG dịch, 240 trang, giá 50 đ., bản quý 150 đ.
10. ĐẠO PHẬT NGÀY NAY của NHẬT HẠNH (in lần thứ ba), 140 trang, giá 42 đ., bản quý 100 đ.
11. AUJOURD'HUI LE BOUDDHISME của NHẬT HẠNH, 136 trang, giá 50 đ.
12. TRẮM TƯ CỦA MỘT NGƯỜI TỘI TỬ HÌNH của HỒ HỮU TƯỜNG, 108 trang, giá 30 đ., bản quý 100 đ.
13. VẾT HÂN NĂM THÁNG truyện của VÕ HỒNG

SÁCH ĐANG IN :

1. Ý TƯỞNG VÀ NHÂN SINH của TAM ÍCH
2. TẬP NHẠC TUYỂN « MUỖI BÀI TÂM CA » của PHẠM DUY
3. KHUNG CỬA HẸP (La porte étroite) của ANDRÉ GIDE VĂN MỎNG dịch
4. NHỮNG ĐỨA TRÉ Ở GUERNICA (Les enfants de Guernica) của HERMM KESTEN, TAM ÍCH diễn ra Việt văn, để tựa và giới thiệu
5. TRƯỜNG CA MẸ VIỆT NAM của PHẠM DUY
6. CỎ KHÔ (thơ) của HOÀI KHANH
7. ĐẠO PHẬT ĐI VÀO CUỘC ĐỜI của NHẬT HẠNH (tái bản)

*

Sách sẽ được gửi bảo đảm đến nơi nếu quý độc giả ở xa.

Thư từ và tác phẩm xin gửi về : THANH TUỆ, hộp thư 935 — Saigon.

Bưu phiếu xin để TRƯỞNG PHÚ.

giá 20 \$

